TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

---------- o0o----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

Lô A12, khu phố 1, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

AN GIANG, THÁNG 7 NĂM 2025

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

----------oOo----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

Lô A12, khu phố 1, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV
GIA THIÊN CÁT

GIÁM ĐỐC

Ngô Minh Toàn

CHỦ CƠ SỞ
TẬP ĐOÀN VINGROUP -
CÔNG TY CP

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Quang

AN GIANG, THÁNG 7 NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC HÌNH v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1.Tên chủ cơ sở 1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có): 7
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 9
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 9
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 11
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 11
1.2. Thu gom, thoát nước thải 11
1.3. Xử lý nước thải 14
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 20
2.1. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ máy phát điện 20
2.2. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ hệ thống XLNT 20
2.3. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ nhà bếp và khu ăn uống 21
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 21
3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 21
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 22
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 23
5.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện giao thông 23
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn 23
5.3. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hệ thống điều hành trạm XLNT tập trung 23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 23
6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải 23
6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 24
6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải, hệ thống hút mùi 24

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (Không có).....25
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....25
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này).....25
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):.....25
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 26
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 26
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 27
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....29
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....29
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 30
3. Tình hình phát sinh chất thải 33
4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....33
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....34
1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....34
1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải.....34
1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....34
2. ...Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở 34
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....34
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....35

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HT	: Hệ thống
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
MTV	: Một thành viên
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân
WHO	: World Health Organization - Tổ chức y tế thế giới
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất của cơ sở.....3
Bảng 1.2. Điện năng tiêu thụ thực tế của cơ sở trong 3 tháng gần nhất.....5
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.....6
Bảng 1.4. Lượng nước sử dung thực tế tại TTTM.....6
Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở.....7
Bảng 3.1. Lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.....11
Bảng 3.2. Thông số kích thước hệ thống XLNT khu TTTM.....18
Bảng 3.3. Thông số kích thước hệ thống XLNT khu Shophouse.....20
Bảng 3.3. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....22
Bảng 3.4. Tổng hợp nội dung thay đổi so với ĐTM tại cơ sở.....25
Bảng 4.1. Giới hạn tối đa các thông số trong nước thải.....26
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa các thông số tiếng ồn.....28
Bảng 4.3. Giới hạn tối đa các thông số độ rung.....28
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc.....30
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc năm 2023.....31
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc năm 2024.....32
Bảng 6.1 Tổng chi phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường 1 năm hoạt động.....34

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở.....4
Hình 1.2. Vị trí của cơ sở 8
Hình 1.3. Hình ảnh trung tâm thương mại và nhà phố Shophouse 8
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở 11
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở 12
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của TTTM.....12
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của khu Shophouse 13
Hình 3.5. Mô hình bể tự hoại ba ngăn.....14
Hình 3.6. Mô hình bể tách dầu 15
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống XLNT tập trung của khu TTTM 16
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống XLNT tập trung của khu Shophouse.....18
Hình 3.9. Hình ảnh thùng thu gom chất thải sinh hoạt khu TTTM.....22
Hình 4.1. Quy trình thu gom xử lý dòng nước thải phát sinh 26

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

- Địa chỉ văn phòng: Số 7, Đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

+ Họ và tên: Nguyễn Việt Quang

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0439749999

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101245486 đăng ký lần đầu, ngày 3 tháng 5 năm 2002.

2. Tên cơ sở

Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá

- Địa điểm cơ sở: Lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ lô đất A12 thuộc quy hoạch phân lô dự án Lấn biển xây dựng khu đô thị mới thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 37.755,1 m^2;

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 1831272115 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28/12/2015;

+ Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1466/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1374/GP-UBND ngày 15/06/2018;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2308/GP-UBND ngày 28/09/2021;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 264/TD-PCCC ngày 15 tháng 11 năm 2016;

- Quy mô của cơ sở:

Căn cứ khoản 4 Điều 9 và khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực ngày 01/01/2025 và Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: Dự án thuộc nhóm B theo luật đầu tư công (tổng số vốn đầu tư là 800.000.000.000 đồng) - Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án thuộc điểm 3

mục I, có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X "Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động" ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đã đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2017 và có Quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường cũng như Giấy phép xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở thương mại.

- Phân nhóm cơ sở đầu tư: Nhóm II (Dự án nhóm B hoặc nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường) trong Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ ban về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ theo khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Căn cứ khoản 3 điều 41 luật Bảo vệ môi trường 2020 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP về việc Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ thì hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường của cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.1.1. Quy mô sử dụng đất

Cơ sở "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang của TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP có khối lượng và quy mô như sau:

- Quy mô, diện tích: 37.755,1 m^2.

- Loại hình hoạt động: khu trung tâm thương mại kết hợp nhà ở.

- Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở như sau:

Bảng 1.1. Bảng cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ %
1	Đất ở	4.999,6	13,24
2	Đất công trình công cộng	5.011,6	13,27
3	Đất công viên cây xanh	19.570,0	51,83
4	Đất sân nền công trình	1.468,2	3,89
5	Đất giao thông nội bô	6.705,7	17,76
Tổng cộng		**37.755,1**	**100,0**

3.1.2. Các khu chức năng chính

Cơ sở "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" được xây dựng trên phạm vi khu đất 37.755,1 m^2 gồm các công trình chính như sau:

- Trung tâm thương mại với diện tích 5.011,6 m^2;
- Nhà ở liên kết (Nhà phố Shophouse) diện tích 4.999,6 m^2;
- Công viên cây xanh diện tích 19.570,0 m^2;
- Giao thông nội bộ và sân nền diện tích 8.173,9 m^2.

a. Khu trung tâm thương mại

Khu trung tâm thương mại (TTTM) có quy mô 5 tầng nổi và 1 tầm hầm. Chức năng của TTTM là kình doanh các loại hình dịch vụ như hệ thống siêu thị, cửa hàng mỹ phẩm, thời trang, dịch vụ vui chơi giải trí, ẩm thực,...

Các tầng của TTTM được bố trí như sau:

- Tầng 1 bố trí hệ thống siêu thị, các cửa hàng, shop mỹ phẩm thời trang;
- Tầng 2 bố trí hệ thống siêu thị điện máy, shop nội thất;
- Tầng 3 bố trí khu vực vui chơi giải trí, shop giày dép, đồ da;
- Tầng 4 bố trí hệ thống nhà hàng ẩm thực;
- Tầng 5 bố trí khu chiếu phim giải trí, ẩm thực;
- Tầng hầm bố trí gara để ô tô, xe máy, phòng bảo vệ, phòng kỹ thuật...

b. Khu nhà phố Shophouse

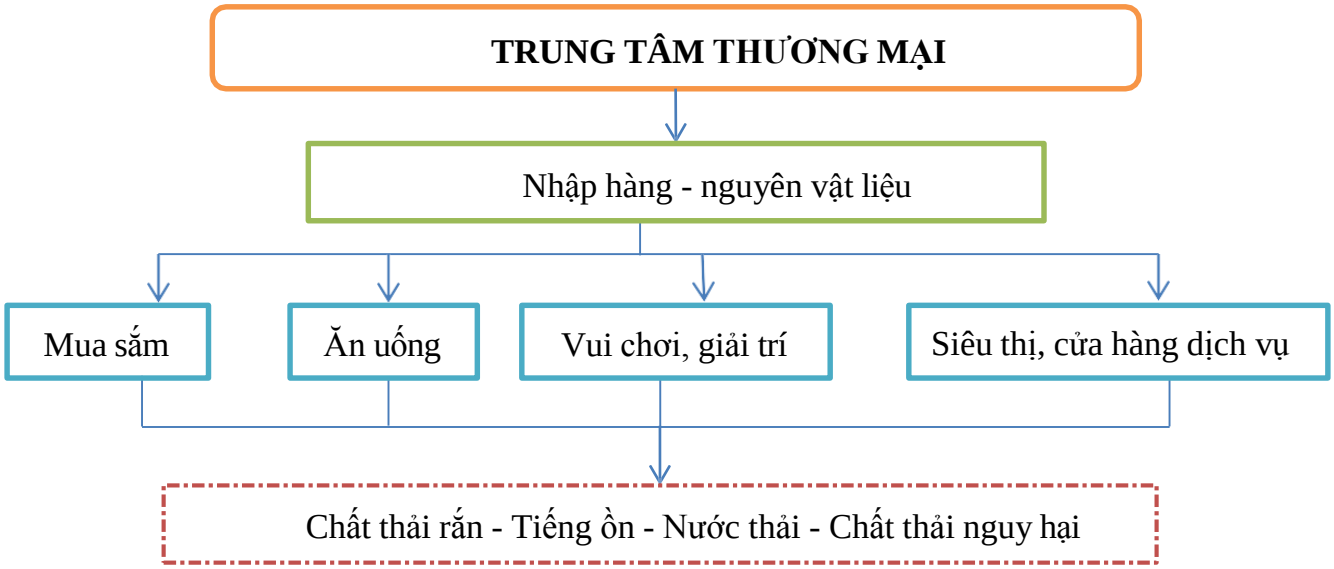
Khu nhà phố là khu thương mại kết hợp với các dãy nhà chia ô liền kề. Mỗi lô đất có diện tích trung bình 77-150m^2, chiều cao trung bình khoảng 3,5 tầng, được chia thành 57 lô, gồm các không gian kinh doanh, sinh hoạt, thư giãn và đặc biệt là những không gian xanh được lồng ghép khéo léo, góp phần mang đến môi trường sống trong lành và tiện nghi nhất cho khách hàng.

+ Tầng 1 có thể bố trí cửa hàng, shop thời trang, cafe, spa,...

+ Tầng 2, 3 bố trí không gian ở riêng biệt, hoặc phân khu chức năng tùy theo nhu cầu sử dụng.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

➢ Quy trình hoạt động của khối trung tâm thương mại



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Các loại sản phẩm, nguyên nhiên liệu sau khi được bên cung cấp vận chuyển đến các cửa hàng dịch vụ trong trung tâm thương mại, được lưu kho, trưng bày, hoặc chế biến để phục vụ cho việc hoạt động của siêu thị cửa hàng và các dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí của khách.

Việc hoạt động của trung tâm thương mại sẽ làm phát sinh chất thải rắn, nước thải, chất thải nguy hại, tiếng ồn, các chất thải này được chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

➢ Quy trình hoạt động của khối shophouse

Các căn hộ thương mại shophouse hiện đã được xây dựng hoàn chỉnh, chủ dự án đã bán lại cho người dân có nhu cầu ở hoặc kinh doanh và bàn giao lại việc quản lý cho địa phương. Chất thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt và rác thải sinh hoạt.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Do loại hình hoạt động của dự án là Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở thương mại nên không tạo sản phẩm trong quá trình hoạt động.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Nhu cầu nguyên liệu sử dụng cho cơ sở chủ yếu để phục vụ cho khu dịch vụ ăn uống, ẩm thực, lượng nguyên liệu phụ thuộc vào nhu cầu ẩm thực của khách tham quan, mua sắm. Khối lượng nguyên liệu sử dụng khoảng 150kg/ngày.

Nhiên liệu sử dụng tại cơ sở chủ yếu là Gas để phục vụ khu nhà hàng, ẩm thực, chế biến thức ăn của nhà hàng. Nguồn Gas được cung cấp từ các nhà phân phối tại An Giang.

Ước tính khối lượng khoảng 100kg/tháng. Bên cạnh là lượng dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng cho trường hợp bị mất điện, lượng dầu DO phát sinh chỉ 24lit/giờ.

Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng hóa chất chủ yếu là Chlorine 90% để khử trùng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung 110m^3/ngày đêm của TTTM lượng Chlorine sử dụng tối đa khoảng 330g/ngày (3g/m^3).

4.2. Hệ thống cấp điện, nước tại cơ sở

4.2.1. Hệ thống cấp điện

Nguồn cung cấp điện chính cho công trình được lấy từ đường dây trung thế 22kV trong lưới điện quốc gia hiện hữu tại khu vực cơ sở. Nguồn cung cấp điện đảm bảo ổn định cho các hoạt động dịch vụ và sinh hoạt của cơ sở

Cơ sở lắp đặt 1 trạm biến áp 2.000KVA, xây dựng mạng chiếu sáng đường phố, chiếu sáng công cộng, cấp điện sinh hoạt đến từng hạng mục công trình trong khu vực,...

Hệ thống cấp điện trong khu vực là hệ thống ngầm, đảm bảo nhu cầu sử dụng cho cơ sở mà vẫn đảm bảo khoảng cách an toàn với các hệ thống khác như hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước,...

Ngoài ra cơ sở còn trang bị 1 máy phát điện dự phòng với công suất 2.000 KVA để dự phòng các ngày mất điện trong khu vực.

Đối với khu nhà ở lượng điện tiêu thụ tính theo thực tế từng hộ gia đình, tại trung tâm thương mại lượng điện năng tiêu thụ thực tế của cơ sở trong 3 tháng gần nhất như sau:

Bảng 1.2. Điện năng tiêu thụ thực tế của cơ sở trong 3 tháng gần nhất

Thời gian	Kỳ 1(kWh)	Kỳ 2(kWh)	Kỳ 3(kWh)	Tổng công suất(kWh)	Tổng chi phí (vnđ)
Tháng 3	84.300	82.800	80.400	247.500	842.197.500
Tháng 4	94.300	85.000	85.900	265.200	910.733.760
Tháng 5	90.900	88.500	89.300	90.900	952.228.764

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

4.2.1. Hệ thống cấp nước

- Tại cơ sở hiện tại nguồn nước cấp chủ yếu cho các hoạt động: Sinh hoạt, dịch vụ ăn uống, tưới cây rửa đường,... Nguồn nước sử dụng từ nguồn nước cấp của khu vực.
- Hiện nay số lượng cán bộ nhân viên của cơ sở là 188 người bao gồm:
+ Cán bộ công nhân viên vận hành TTTM: 18 người
+ Nhân viên các gian hàng: 170 người
- Số lượng khách đến tham quan mua sắm:
+ Ngày thường: 4.150 lượt/ngày
+ Ngày cao điểm: 7.400 lượt/ngày

Lưu lượng khách đến tham quan mua sắm ở TTTM rất cao. Thời điểm cao điểm nhất vào các ngày lễ là 7.400 khách sử dụng nước cấp và phát sinh nước thải.

- Số lượng nhà phố Shophouse tổng 57 căn hiện tại đã lấp đầy khoảng 50% tương đương khoảng 28 căn đang sử dụng.
- Tính toán cấp nước:

+ Căn cứ QCVN 01:2021/BXD vào mục đích sử dụng, diện tích của các khu chức năng cũng như số lượng người trong từng khu.

+ Căn cứ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" đã được phê duyệt theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1466/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Nhu cầu sử dụng nước thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Định mức	Đơn vị	Lưu lượng m^3/ngày
I	**Khu TTTM**				**121,56**
1	Nước cấp cho nhân viên	188 người	120	Lít/người/ngày	22,56
2	Nước cấp tối đa cho khách tham quan	7.400 người	10	Lít/người/ngày	74,00
3	Nước cấp cho khu nhà hàng ẩm thực	-	-	m^3	15,00
4	Nước phục vụ vệ sinh nhà hàng ẩm thực	-	-	m^3	9,00
II	**Khu Shophouse**				**57,00**
1	Nước cấp cho nhà phố thương mại	57	1	m^3/ngày	57,00
III	**Công trình khác**				**91,42**
1	Nước sử dụng tưới cây	19.570	4,5	Lít/m^2/ngđ	88,07
2	Nước sử dụng rửa đường	6.705,7	0,5	Lít/m^2/ngđ	3,35
Tổng					269,98

Theo thực tế khối lượng nước sử dụng tại TTTM ít hơn so với tính toán, cụ thể lượng nước sử dụng trong 3 tháng gần nhất như sau:

Bảng 1.4. Lượng nước sử dung thực tế tại TTTM

STT	Tháng	Đơn vị	Công suất sử dụng	Chi phí	Công suất sử dụng TB/ngày
1	Tháng 3	m^3	1.843	32.444.172	59
2	Tháng 4	m^3	1.508	26.546.832	50
3	Tháng 5	m^3	1.604	28.236.816	52
Trung bình			**1.652**	**29.075.940**	**54**

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2025)

Lượng nước thực tế sử dụng thấp hơn lượng nước tính toán theo quy định nên vẫn đảm bảo đúng khả năng thu gom xử lý nước thải phát sinh của cơ sở.

4.3. Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở gồm:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
I	**Hệ thống XLNT 110 m^3/ngđ**				
1	Bơm chìm	Cái	4	Ý	Tốt
2	Máy thổi khí	Cái	2	Nhật Bản	Tốt
3	Quạt hút khí thải	Cái	1	Việt Nam	Tốt
4	Bơm định lượng	Cái	3	Nhật Bản	Khá tốt
5	Bơm hồi lưu bùn	Cái	4	Việt Nam	Khá tốt
6	Động cơ khuấy trộn hóa chất	Cái	1	Đài Loan	Tốt
7	Thiết bị đo mức	Cái	4	Nhật Bản	Khá tốt
8	Tủ điều khiển và tủ động lực	Cái	1	Việt Nam	Tốt
I I	**Hệ thống XLNT 35 m^3/ngđ**				
9	Máy sục khí chìm	Cái	2	Ý	Tốt
10	Máy phát Ozon	Cái	1	Ý	Tốt
11	Bơm bể lắng sinh học	Cái	1	Nhật	Khá tốt
12	Bơm thu gom nước thải	Cái	4	Nhật	Khá tốt
13	Bơm nước thải bể điều hòa	Cái	2	Nhật	Tốt
14	Bơm trộn bể Anoxic	Cái	1	Nhật	Tốt
15	Bơm nước thải tuần hoàn	Cái	1	Nhật	Tốt
16	Bơm bể khử trùng	Cái	1	Nhật	Tốt
17	Tủ điện điều khiển	Cái	1	Việt Nam	Tốt

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

- **Vị trí địa lý**

Khu đất của cơ sở có diện tích 37.755,1 m^2 tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang là tổ hợp công trình gồm khối shophouse và khối trung tâm thương mại, có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Nam giáp với đường Cô Bắc;
+ Phía Tây Bắc giáp với sông Kiên;
+ Phía Đông Bắc giáp với đường 3/2;
+ Phía Tây Nam giáp với Vịnh Rạch Giá;



Hình 1.2. Vị trí của cơ sở

Cơ sở "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" là điểm một trong những điểm nhấn nổi bật của tỉnh An Giang nói chung và phường Rạch Giá nói riêng. Đồng thời đây cũng là cụm công trình mua sắm thương mại hiện đại góp phần vào sự phát triển của tỉnh và phục vụ nhu cầu của nhân dân trong vùng. Một số hình ảnh của cơ sở như sau:



Hình 1.3. Hình ảnh trung tâm thương mại và nhà phố Shophouse

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia theo Quyết định số 611/QĐTTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đồng thời cơ sở cũng phát triển đúng với mục tiêu phát triển đến năm 2030 trong Quy hoạch tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra, cơ sở đã đi vào hoạt động từ lâu và được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nên cở sở hoàn toàn phù hợp với:

- Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040

- Quyết định số 145/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án "Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 11 tháng 01 năm 2022.

- Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Năm 2016, cơ sở tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" và đã được phê duyệt tại quyết định số 1466/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, khu phố 1, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 28 tháng 06 năm 2016.

Năm 2018, cơ sở được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1374/GP-UBND do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 06 năm 2018 với lưu lượng thải lớn nhất là 110m^3/ngày đêm. Đến năm 2021, tiếp tục đảm bảo thực hiện theo quy định về bảo vệ môi trường chủ cơ sở tiếp tục tiến hành xin cấp phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng lớn nhất là 110m^3/ngày đêm và đã được phê duyệt theo quyết định số 2308/GP-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang cấp. Nguồn tiếp nhận nước thải sau khi đã được xử lý qua hệ thống XLNT là cống thoát nước chung của thành phố vẫn đảm bảo về mặt lưu lượng tiếp nhận nước thải và là đối tượng không cần đánh giá khả năng chịu tải về mặt môi trường.

Qua các thông tin trên có thể thấy trong suốt quá trình hoạt động cơ sở luôn đảm bảo thực hiện đúng các hồ sơ thủ tục theo quy định của luật pháp, bên cạnh đó cơ sở vẫn luôn thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như sau:

+ Tuân thủ và thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép được cấp;

+ Lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống XLNT theo định kỳ;

+ Lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải định kỳ;

+ Chịu trách nhiệm vận hành hệ thống XLNT theo giấy phép;

+ Hằng năm làm báo cáo định kỳ gởi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về tình hình thu gom, xử lý, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

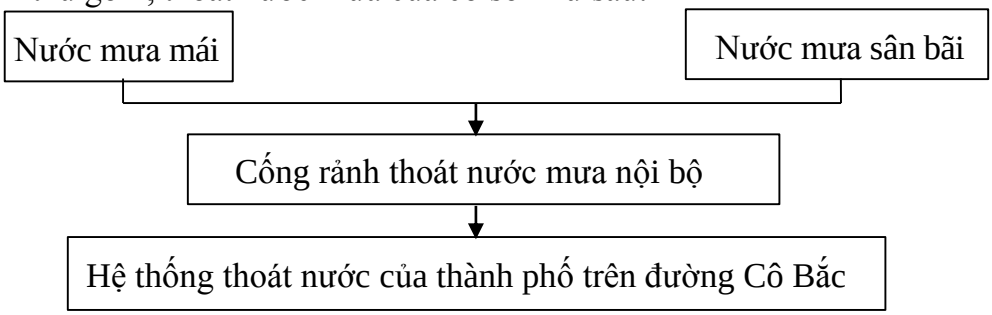
Cơ sở đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước và thực hiện đầy đủ công tác bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép nên cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Quy trình thu gom, thoát nước mưa của cơ sở như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở

Nước mưa từ khối công trình sẽ được thu gom từ trên tầng mái thoát vào hệ thống hố ga, cống xung quanh công trình bằng cống BTCT có đường kính cống D300 - D400 và xả ra hệ thống thoát nước mưa của thành phố trên đường Cô Bắc. Cơ sở bố trí 22 hố ga thu gom trực tiếp và 18 hố ga thăm để thuận tiện quá trình kiểm tra, nạo vét không để xảy ra tình trạng ngập úng do nghẹt rác hoặc đất cát trong quá trình cơ sở hoạt động.

- Số lượng, vị trí, phương thức xả nước hệ thống thoát nước mưa:

+ Phương thức: Tự chảy

+ Số lượng hố ga đấu nối vào hệ thống thoát nước chung: 01 hố

+ Vị trí: Hố ga nằm cập đường Cô Bắc

1.2. Thu gom, thoát nước thải

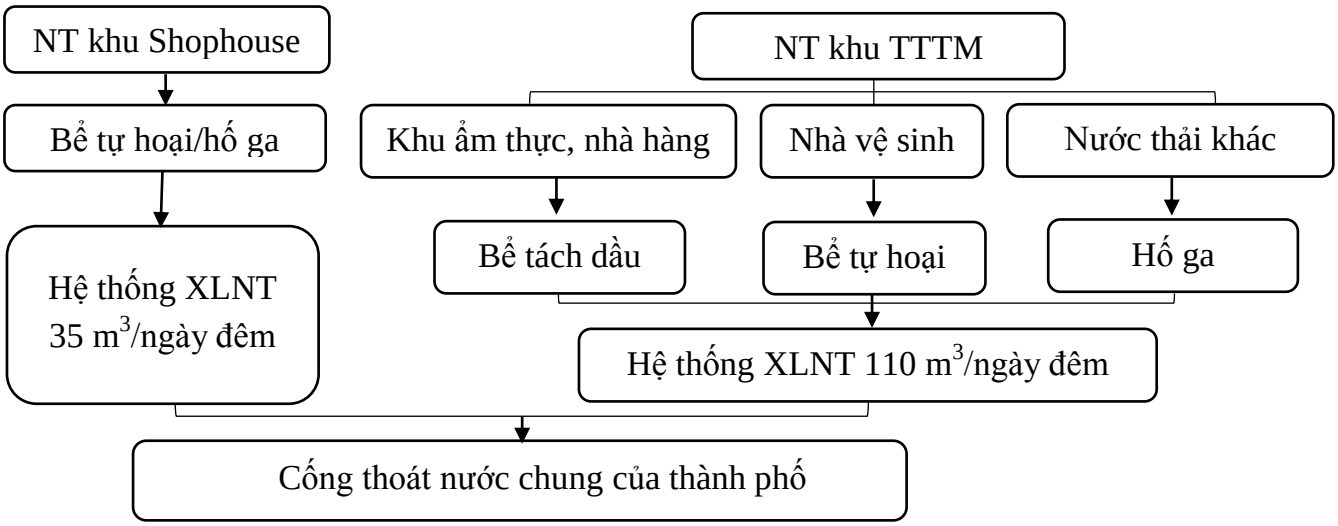
Hiện tại, khu Shophouse của cơ sở đang được lắp đầy khoảng 50% trương đương khoảng 28 căn, lượng nước cấp tối đa khoảng 28 m^3/ngày đêm. Tình hình phát sinh nước thải tại 2 khu vực đều được thu gom và xử lý triệt để, lượng nước thải phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3.1. Lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Đối tượng dùng nước	Lưu lượng nước cấp m^3/ngày đêm	Hệ số thu gom	Lưu lượng nước thải m^3/ngày đêm
I	**Khu TTTM**			**96,45**
1	Nước cấp cho nhân viên	22,56	80%	18,05
2	Nước cấp cho khách tham quan	74,00	80%	59,20
3	Nước cấp cho khu nhà hàng ẩm thực	15,00	80%	12,00
4	Nước phục vụ vệ sinh nhà hàng ẩm thực	9,00	80%	7,20
II	**Khu Shophouse**			**22,40**
1	Nước cấp cho nhà phố thương mại	28	80%	22,40

Tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là 96,45 m^3/ngày đêm ở trung tâm thương mại và 22,40 m^3/ngày đêm ở khu nhà phố Shophouse.

Quy trình thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:

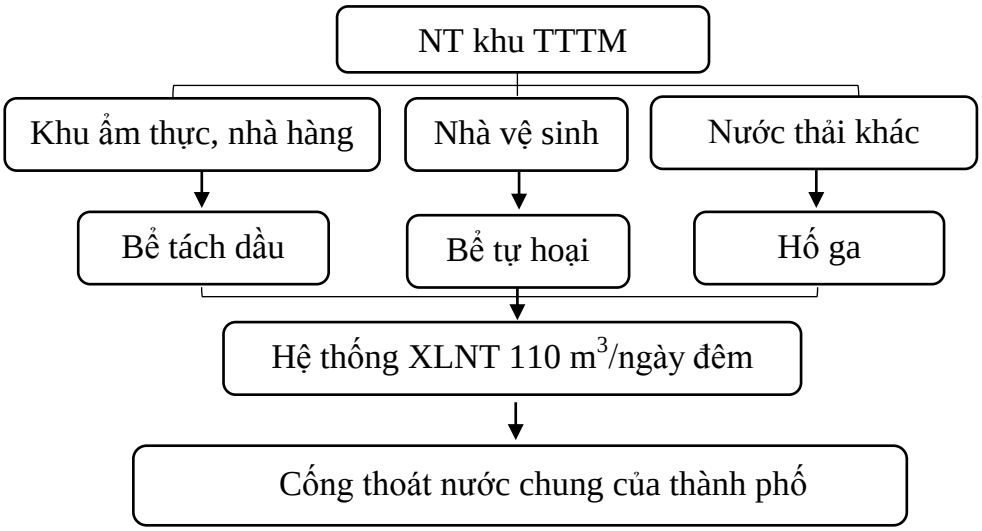


Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Tại cơ sở chia làm hai khu vực hoạt động chính là khu TTTM và khu nhà ở Shophouse, mỗi khu vực chủ cơ sở đã bố trí hệ thống thu gom xử lý và thoát nước thải riêng biệt để đảm bảo thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh từ cơ sở trước khi thải ra cống thoát nước chung của thành phố.

1.2.1. Thu gom, thoát nước thải TTTM

Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu TTTM được thực hiện như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của TTTM

Thuyết minh:

Nước thải từ khu ẩm thực, nhà hàng thường có hàm lượng dầu tương đối cao. Do đó, nước thải từ khu vực này sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tách dầu. Sau đó, nước thải từ bể tách dầu sẽ được dẫn về trạm XLNT tập trung.

Đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh trong khu TTTM, được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung.

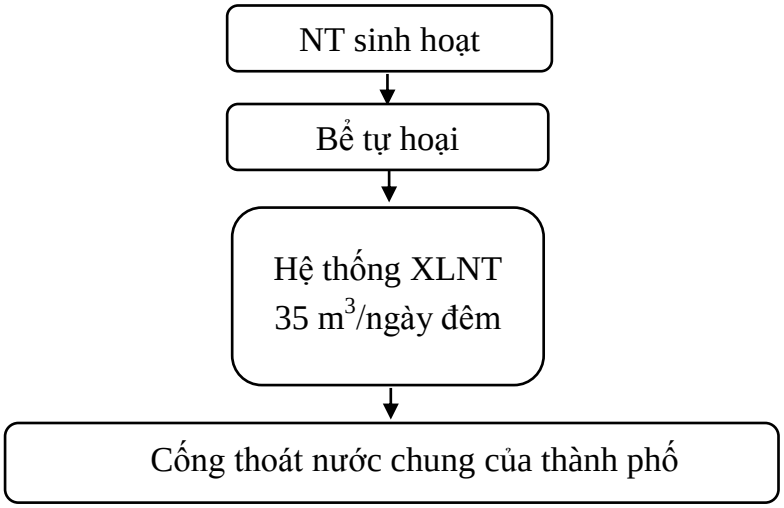
Đối với nước thải sinh hoạt từ việc rửa tay, tắm gội ít chứa thành phần ô nhiễm thì được thu gom bằng các hố ga tại mỗi khu vực, sau đó nhập chung với các loại nước thải khác chảy về hệ thống XLNT tập trung.

Nước thải được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC và BTCT D200 dẫn nước thải về các bể chức năng xử lý ban đầu sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung 110 m^3/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố.

Tọa độ vị trí điểm xả nước thải của cơ sở (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0$30', múi chiếu 30) như sau: Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung: X=1106197; Y=563496.

1.2.2. Thu gom, thoát nước thải khu Shophouse

Các căn shophouse được xây dựng liền kề nhau mỗi căn đều được bố trí nhà vệ sinh và bể tự hoại riêng, quy trình thu gom, thoát nước thải từ khu Shophouse của cơ sở như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của khu Shophouse

Thuyết minh:

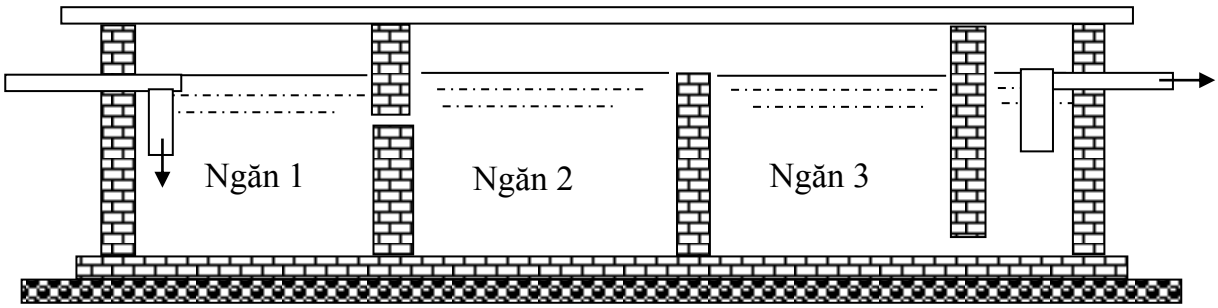
Mỗi nhà phố được bố trí 1 bể tự hoại phía trước dưới vỉa hè mỗi căn, nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa uPVC Ø220mm và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất 35 m^3/ngày đêm xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố.

Vị trí xả thải: Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung: X=1106197; Y=563496.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Bể tự hoại 3 ngăn

Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để thu gom, xử lý bước đầu đối với nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của khu Shophouse và TTTM. Mô hình bể tự hoại 3 ngăn như trong hình dưới đây:



Hình 3.5. Mô hình bể tự hoại ba ngăn

<u>Thuyết minh quy trình công nghệ</u>

Giai đoạn 1: Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học)

Nước thải sinh hoạt phát sinh ra được hệ thống đường ống thu gom nước thải thu gom lại bể phốt. Đầu tiên nước thải được chuyển vào ngăn 1 của bể, ngăn 1 thực hiện việc điều hòa nồng độ các chất trong nước thải, lắng các chất cặn xuống đáy ngăn đồng thời dưới tác động của vi sinh vật yếm khí, quá trình phân hủy được diễn ra, nồng độ các chất ô nhiễm: BOD, COD, N, P… được giảm đi đáng kể.

Giai đoạn 2: Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học)

Nước thải sau khi được xử lý một phần tại ngăn 1 được chuyển qua ngăn 2. Tại đây các chất cặn được lắng xuống, các chất ô nhiễm tiếp tục được hệ vi sinh vật yếm khí phân hủy tiếp. Tiếp theo nước thải được chuyển sang ngăn 3.

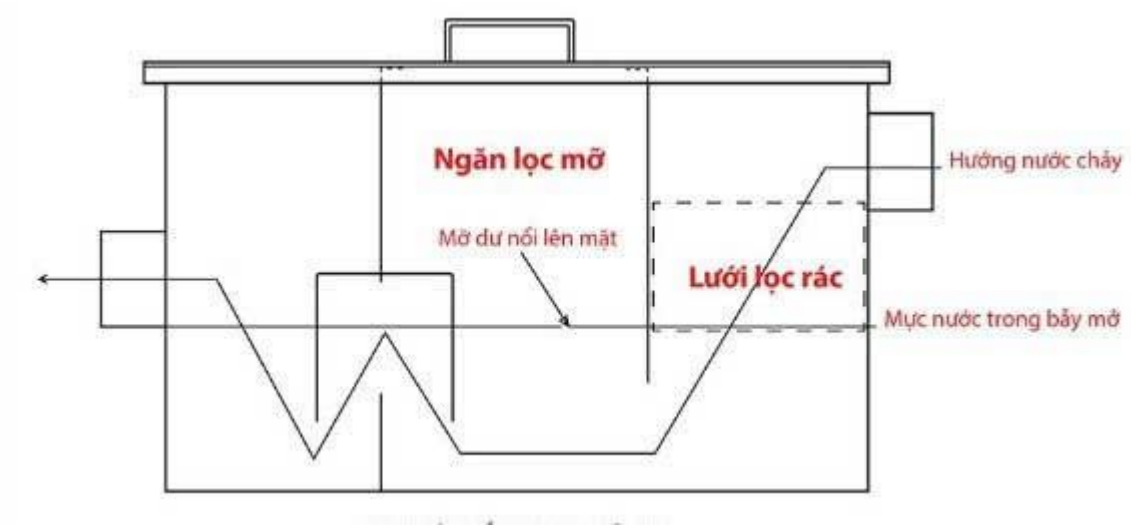
Giai đoạn 3: Ngăn 3 (Lắng)

Nước thải sau khi được lắng và xử lý yếm khí tại 2 ngăn 1 và ngăn 2 được chuyển sang ngăn 3 để lắng. Tại đây các cặn chất còn lại trong nước thải được lắng xuống đáy bể còn nước trong được theo hệ thống đường ống dẫn về hệ thống thu gom nước thải tập trung của từng khu vực

Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại định kỳ được thải bỏ ở dạng chất thải rắn thông thường vì bản chất của bùn này là bùn hoạt tính dư thừa do sự phát triển sinh khối, nên sẽ không có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng, do đó cơ sở thuê đơn vị hút bể phốt là công ty TNHH XD TM Dịch vụ Môi Trường Xanh đến thu gom, vận chuyển và xử lý tần suất 1 lần/năm theo hợp đồng dịch vụ số 2014060759/HĐMBHHVP-VCR ký ngày 27 tháng 06 năm 2024.

1.3.2. Bể tách dầu

Nước thải từ khu vực nhà hàng thường có hàm lượng dầu tương đối cao. Do vậy trước khi dẫn vào hệ thống XLNT tập trung nước thải này sẽ được dẫn qua bể tách dầu. Cấu tạo của bể này như sau:



Hình 3.6. Mô hình bể tách dầu

<u>Nguyên lý hoạt động bể tách dầu:</u>

Nước thải đầu vào:

Nước thải chứa dầu mỡ, cặn rác thô chảy vào bể qua ống đầu vào (bên phải hình).

Trước khi vào bể chính, nước đi qua lưới lọc rác, nhằm giữ lại các chất rắn lớn như vụn thức ăn, cặn bẩn...

Ngăn tách mỡ (ngăn giữa):

Nước tiếp tục chảy vào ngăn lọc mỡ, tại đây:

Nhờ vào tính chất nhẹ hơn nước, dầu mỡ nổi lên trên bề mặt.

Nước sạch hơn (ít mỡ) nằm bên dưới sẽ tiếp tục chảy xuống đáy ngăn qua các vách ngăn.

Mỡ dư tích tụ dần trên bề mặt và được vớt định kỳ thủ công.

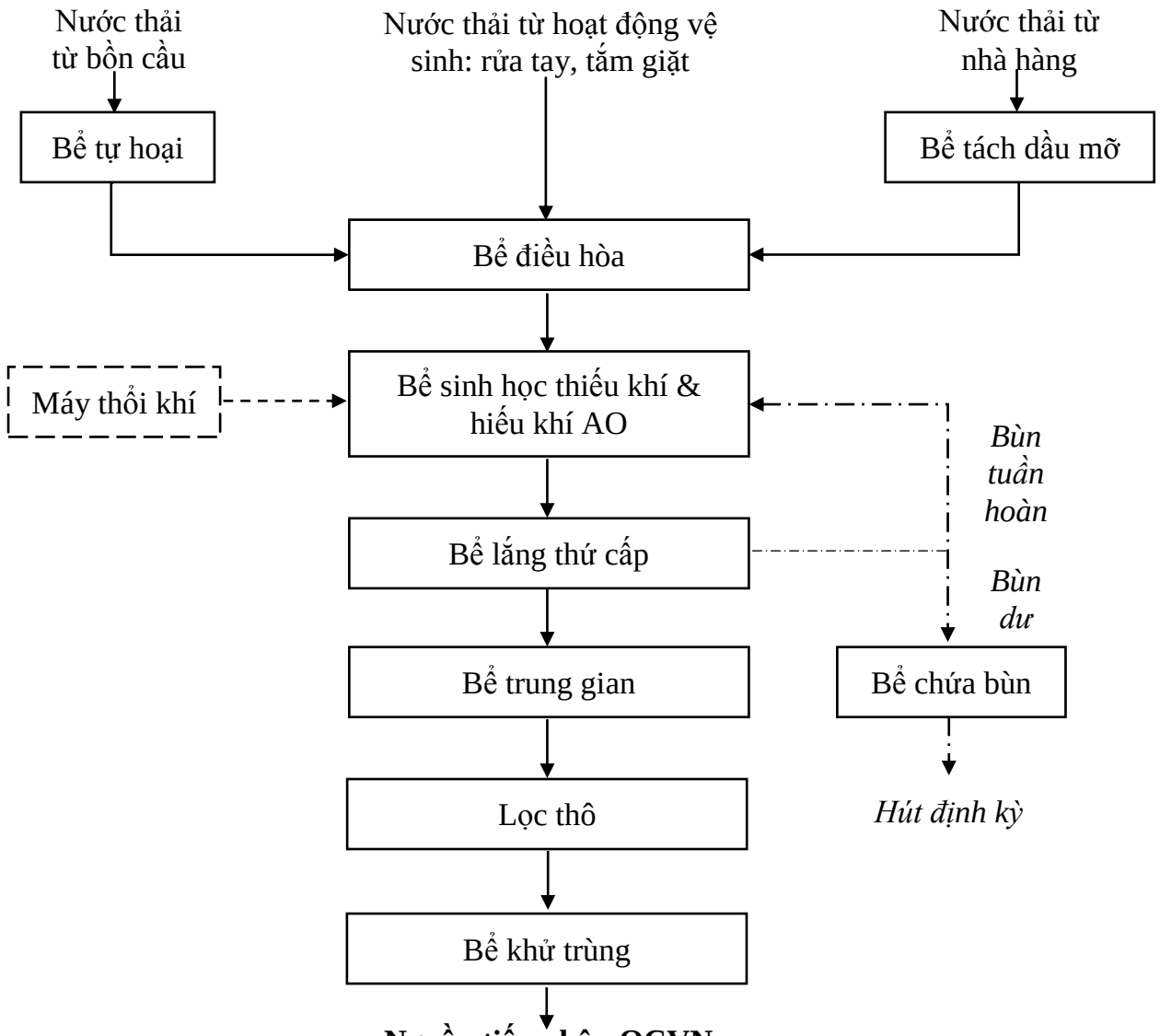
Ngăn lắng và thoát nước (bên trái):

Nước sau khi tách mỡ tiếp tục đi qua vách ngăn và chảy vào ngăn cuối.

Tại đây, nếu còn cặn nhỏ sẽ được lắng tiếp trước khi nước chảy ra ngoài hệ thống xử lý nước thải tập trung

1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải khu TTTM

Sơ đồ hệ thống XLNT tập trung của TTTM như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thông XLNT tập trung của khu TTTM

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

Nước thải sau khi được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách dầu và bể tự hoại cùng với các loại nước thải còn lại được dẫn về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung công suất 110 m^3/ngày đêm.

- Bể điều hòa:

Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng nước thải và các chất cần xử lý để bảo đảm hiệu quả cho các quy trình xử lý sinh học về sau, nó chứa nước thải và các chất cần xử lý ở các giờ cao điểm, phân phối lại trong các giờ không hoặc ít sử dụng để cung cấp ở một lưu lượng nhất định 24/24 giờ cho các hệ thống sinh học phía sau.

Dưới tác dụng của hệ thống sục khí được lắp dưới đáy bể, hàm lượng các chất dinh dưỡng được hòa trộn nhanh và đều vào trong nước thải. Nhờ quá trình xáo trộn này mà hỗn hợp nước thải qua bể điều hòa được hòa trộn giải phóng các chất hoạt động bề mặt trong nước thải, đồng thời phân hủy một phần chất hữu cơ trong nước thải (khoảng 10% BOD) nước thải sau đó sẽ được bơm điều hòa bơm với một lưu lượng dòng chảy ổn định vào Bể sinh học thiếu khí – Anoxic để thực hiện quá trình xử lý sinh học tiếp theo.

- Bể sinh học thiếu khí & hiếu khí AO:

Tại bể xử lý sinh học có 02 quá trình xử lý, một quá trình xử lý sinh học bằng quá trình thiếu khí và một quá trình xử lý sinh học hiếu khí.

+ Quá trình sinh học thiếu khí – Anoxic:

Tại bể Anoxic, NO_3^- trong nước thải sinh ra từ quá trình oxy hóa amoni ở trong bể hiếu khí, được bơm tuần hoàn về bể anoxic, cùng với bùn hoạt tính, và nước thải nạp vào, với điều kiện thiếu oxy (anoxic), quá trình khử NO_3^- thành N_2 tự do được thực hiện, và N_2 tự do sẽ thoát ra ngoài không khí. Hàm lượng Nitơ tổng trong nước thải giảm xuống mức cho phép. Quá trình chuyển hóa Nitơ hữu cơ trong nước thải dưới dạng amoni thành nitơ tự do được diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter:

Quá trình Nitrification: $NH_4^+ + 1.5\ O_2 => NO_2^- + 2\ H^+ + H_2O$

Quá trình Denitrification: $NH_4^+ => NO_2^- => NO_3^- => N_2$

Tại bể Bể Anoxic có gắn máy khuấy chìm – Mixer nhằm tạo ra điều kiện thiếu khí cho sự hoạt động của chủng vi khuẩn khử nitrat sẽ tách oxy từ nitrat cho quá trình oxy hóa các chất hữu cơ. Tiếp theo, nước thải sẽ được dẫn vào bể xử lý sinh học hiếu khí.

+ Quá trình sinh học hiếu khí:

Bể sinh học hiếu khí hỗn hợp bùn hoạt tính và nước được xáo trộn đều bằng hệ thống phân phối khí từ Máy thổi khí. Thiết bị thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO_2 và nước… theo phản ứng sau:

Chất hữu cơ + Vi sinh vật hiếu khí => H_2O + CO_2 + Sinh khối mới +… Sau khi nước thải được xử lý, hỗn hợp bùn, nước được chảy qua bể lắng sinh học

- Bể lắng thứ cấp:

Nước sau xử lý sinh học được đưa sang bể lắng thứ cấp, tại bể này hỗn hợp bùn – nước được phân ly, bùn có trọng lượng lớn sẽ tự lắng xuống dưới, nước trong sẽ dâng lên phía trên đi sang bể trung gian và khử trùng

- Bể trung gian:

Nước thải sau khi được lắng bùn từ bể lắng thứ cấp sẽ chảy sang bể trung gian để thực hiện mục đích lắng các cận bùn còn lại trước khi chảy qua bể khử trùng

- Lọc thô:

Nước thải sau khi qua bể trung gian được bơm lên bồn lọc thô để tách cặn còn sót lại, chất rắn nhỏ bằng lớp lọc vật liệu (sỏi, cát, than hoạt tính...). Tăng độ trong cho nước trước khi khử trùng.

- Bể khử trùng:

Tại đây nước thải sẽ được châm hóa chất khử trùng (dung dịch NaClO) để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh đảm bảo đạt các tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B thì sẽ được bơm xả vào cống thoát nước chung của thành phố.

- Bể chứa bùn:

Phần bùn dư từ quá trình hoạt động của trạm XLNT được bơm về bể tự hoại (bể được bố trí ngầm, hợp khối công trình với trạm XLNT, để tiếp tục phân hủy kỵ khí làm giảm thể tích bùn và sau đó định kỳ được hút đi bởi xe hút bùn của đơn vị có chức năng.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT:

Thông số kích thước các bể trong hệ thống như sau:

Bảng 3.2. Thông số kích thước hệ thống XLNT khu TTTM

STT	Công trình	Số lượng	Kích thước DxRxS (m)	Thể tích (m^3)
1	Bể tự hoại (3 ngăn)	1	9,75 x 3,5 x 2	68,25
2	Bể tách dầu	1	4 x 3 x 1,5	18
3	Bể điều hòa	1	5,55 x 3 x 3	49,95
4	Cụm bể sinh học	1	9,75 x 3,55 x 3,5	121,14
5	Bể lắng thứ cấp	1	6 x 2,5 x 3	45
6	Bể trung gian	1	1 x 2,5 x 3	7,5
7	Lọc thô	2	2,2 x 1,8 x 2,2	17,4
8	Bể khử trùng	1	2 x 2,5 x 2,5	12,5

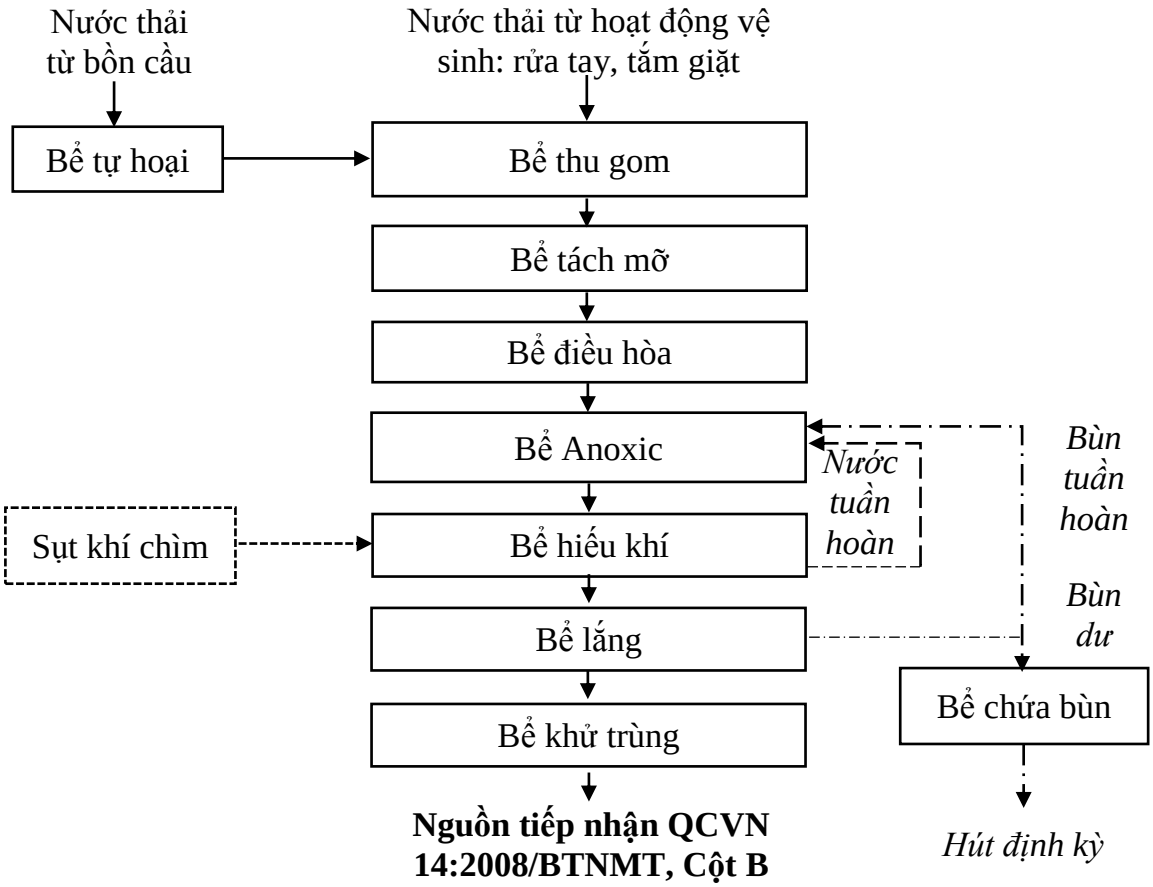
- Hóa chất sử dụng của hệ thống XLNT:

Hóa chất sử dụng tại cơ sở trong quá trình khử trùng hoặc khi vi sinh hiếu khí bị sự cố. Tùy theo tình hình thực tế, lượng hóa chất định lượng như sau:

STT	Tên hóa chất	Thông số kỹ thuật	Định lượng
1	NaClO	90%	3 g/m^3

1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải khu Shophouse

Hiện nay, tại khu shophouse dân cư đã lấp đầy khoảng 50%, nước thải sau khi thu gom được xử lý theo quy trình như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống XLNT tập trung của khu Shophouse

<u>Thuyết minh quy trình:</u>

Nước thải sau khi được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cùng với các loại nước thải sinh hoạt khác được dẫn về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung công suất 35 m^3/ngày đêm.

- Bể thu gom:

Điều tiết lưu lượng nước thải sau khi đã qua bể tự hoại chảy vào bể thu gom, đồng thời tách rác thô từ nước thải sinh hoạt tắm giặt, rửa tay chân,... tạo dòng chảy liên tục vào bể tách mỡ.

- Bể tách mỡ:

Tách dầu, mỡ nổi bằng vách ngăn – ống thu bề mặt, giảm hiện tượng trôi mỡ vào bể sinh học.

- Bể điều hòa:

Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng nước thải và các chất cần xử lý để bảo đảm hiệu quả cho các quy trình xử lý sinh học về sau, nó chứa nước thải và các chất cần xử lý ở các giờ cao điểm, phân phối lại trong các giờ không hoặc ít sử dụng để cung cấp ở một lưu lượng nhất định 24/24 giờ cho các hệ thống sinh học phía sau. Cân bằng lưu lượng, nồng độ; sục khí chìm tránh kỵ khí, đồng thời cắt bớt BOD dễ phân hủy.

- Bể Anoxic:

Khử nitrat ($NO_3^- \rightarrow N_2$) nhờ vi sinh dị dưỡng sử dụng BOD làm nguồn C. Nhận nước tuần hoàn giàu NO_3^- từ bể hiếu khí.

- Bể hiếu khí:

Oxy hoá BOD, COD; amoni (NH_4^+) được oxy hóa tuần tự thành nitrit (NO_2^-) rồi thành nitrat (NO_3^-) nhờ các vi khuẩn tự dưỡng hiếu khí chuyên biệt; ổn định sinh khối. Dùng hệ thống phân phối khí đáy để tạo sự khuấy trộn, cung cấp DO nhằm tăng hiệu suất xử lý sinh học.

- Bể lắng:

Tách bùn hoạt tính ra khỏi nước, nước trong chảy tràn qua bể khử trùng, bùn hoạt tính ở đáy được:

+ Tuần hoàn về bể Anoxic để cung cấp, ổn định vi sinh khử N

+ Bùn dư chuyển sang bể chứa bùn

- Bể khử trùng:

Tại đây nước thải sẽ được sụt qua khí Ozone để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh đảm bảo đạt các tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B thì sẽ được bơm xả vào cống thoát nước chung của thành phố.

- Bể chứa bùn:

Phần bùn dư từ quá trình hoạt động của trạm XLNT được bơm về bể tự hoại (bể được bố trí ngầm, hợp khối công trình với trạm XLNT, để tiếp tục phân hủy kỵ khí làm giảm thể tích bùn và sau đó định kỳ được hút đi bởi xe hút bùn của đơn vị có chức năng.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT:

Thông số kích thước các bể trong hệ thống như sau:

Bảng 3.3. Thông số kích thước hệ thống XLNT khu Shophouse

STT	Công trình	Số lượng	Kích thước DxRxS (m)	Thể tích (m^3)
1	Bể thu gom	1	1 x 1 x 2,5	2,5
2	Bể tách mỡ	1	1 x 1 x 2,5	2,5
3	Bể điều hòa	1	1,6 x 2,9 x 2,9	13,46
4	Bể Anoxic	1	1,55 x 2,9 x 2,9	13,04
5	Bể hiếu khí	1	2,0 x 2,9 x 2,9	16,82
6	Bể lắng	1	1,0 x 2,9 x 2,9	8,41
7	Lọc thô	2	2,2 x 1,8 x 2,2	
8	Bể khử trùng	1	1,1 x 2,9 x 2,9	9,25
9	Bể chứa bùn	1	0,83 x 2,9 x 2,9	6,98

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ máy phát điện

Cơ sở có bố trí 1 máy phát điện dự phòng trong TTTM có công suất: 2.000 KVA. Máy phát điện dự phòng được bố trí ở tầng hầm, trong phòng máy phát điện. Thiết kế miệng ống khói đưa lên cao khoảng 3m tính từ mặt đất nhằm đảm bảo đủ điều kiện phát tán ra môi trường không khí xung quanh. Định kỳ kiểm tra, sửa chữa máy phát điện để đảm bảo máy luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

Máy phát điện tại cơ sở chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện, hoạt động không thường xuyên, phục vụ cho của các máy móc, thiết bị sử dụng điện như thang máy, chiếu sáng đường, trạm XLNT…

2.2. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ hệ thống XLNT

Thực tế vận hành tại các hệ thống xử lý nước thải tòa nhà TTTM cho thấy các điểm phát sinh mùi trong hệ thống xử lý nước thải là: Bể yếm khí - bể phốt, bể gom nước thải, bể điều hòa nước thải, bể xử lý sinh học. Thành phần khí ô nhiễm chủ yếu gồm: Sunfua (H_2S), Amoniac (NH_3),...

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải từ bể phốt xử lý yếm khí, bể thu gom, bể điều hòa, Cụm bể xử lý sinh học. Tại các bể này lắp đặt hệ thống đường ống nhựa uPVC D150-200mm vào hệ thống tháp xử lý bằng vật liệu hấp phụ là than hoạt tính. Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khi đi qua lớp than hoạt tính sẽ được hấp phụ lên mao quản của than hoạt tính và giữ trên bề mặt mao quản. Khí sạch đi ra khỏi lớp than hoạt tính bay theo đường ống uPVC D160 xả ra môi trường tại tầng mái của khu trung tâm thương mại.

Vật liệu than hoạt tính được thay với tần suất 6-12 tháng/lần để đảm bảo lượng khí thải được lọc hiệu quả. Than được thải bỏ chung với chất thải sinh hoạt để thu gom và xử lý đúng quy định. Động cơ hút mùi của hệ thống được bảo dưỡng định kỳ lau chùi làm

sạch thiết bị, tháo cánh quạt hút gió vệ sinh sạch sẽ, tra dầu mỡ vào trục motor và kiểm tra dây điện nguồn vào động cơ.

2.3. Công trình thu gom và xử lý khí thải từ nhà bếp và khu ăn uống

Hệ thống bếp chính của cơ sở tại các tầng đã được lắp đặt quạt hút toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ quá trình nấu nướng được thu gom đường ống D500 hệ thống quạt hút đẩy khí thải từ khu vực phát sinh khí thải nhà bếp đưa trực tiếp ra ngoài tại tầng mái của cơ sở nên rất thông thoáng không gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở.

Khu vực nhà bếp và ăn uống được xây dựng thông thoáng bố trí các quạt máy và thông gió để giảm nhiệt và hạn chế mùi thức ăn chế biến. Lau chùi bụi thường xuyên cho hệ thống quạt máy, thông gió.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Tính chất hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường và hiện nay công tác thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt như sau:

+ Đối với rác thải từ trung tâm thương mại

Bố trí các loại thùng rác ở mỗi khu chức năng phù hợp với quy mô của từng khu và đảm bảo phân loại rác tại nguồn.

Tại hành lang mỗi tầng của TTTM sẽ có 2 khu vực thu gom rác, mỗi khu vực có bố trí 2 thùng rác. Trong các gian hàng, tùy theo loại hình kinh doanh của từng cửa hàng mà chủ cửa hàng sẽ tự trang bị thùng chứa rác có dung tích khác nhau đặt tại các vị trí khác nhau trong cửa hàng, khu dịch vụ.

Ngoài ra, chủ cơ sở bố trí 1 phòng thu gom chất thải rắn sinh hoạt đặt tại tầng hầm có bố trí trong đó 2 thùng rác loại lớn 100l và 120l để tập kết rác cuối ngày.

Phía bên ngoài TTTM có 2 khu vực thu gom rác thải sinh hoạt cặp lối đi, mỗi khu vực có 2 thùng có nắp đậy để thu gom phân loại rác tại nguồn và đảm bảo trang bị đầy đủ thùng rác để hạn chế tình trạng khách đến vứt rác bừa bãi.

Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt với UBND Phường Vĩnh Bảo theo hợp đồng Cung ứng Dịch vụ số 01012023/HĐCUDV-TGRT/VCR-VB/VCPKG ký ngày 01/01/2023 và được ký phụ lục gia hạn hàng năm. Đội thu gom rác thải sinh hoạt của phường sẽ thu gom xử lý chất thải tại khu tập kết với tuần suất 1 lần/ngày, đảm bảo không để tồn động qua hôm sau.



Hình 3.9. Hình ảnh thùng thu gom chất thải sinh hoạt khu TTTM

+ Đối với rác thải từ khu shophouse

Mỗi hộ gia đình tự trang bị các thùng rác tại nhà. Chủ cở sở bố trí 5 thùng rác loại 120l và 2 thùng rác loại 240l phía trước các dãy Shophouse. Hằng ngày, người dân tự mang rác bỏ vào các thùng chứa được bố trí phía trước các dãy Shophouse. Đội vệ sinh thu gom địa phương đến thu gom và vận chuyển chất thải theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh của TTTM được thu gom và lưu trữ tại tầng hầm của TTTM.

Khối lượng phát sinh theo từng mã CTNH tại TTTM trong năm 2024 như sau:

Bảng 3.3. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg)
Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	04
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	14

- Công trình lưu giữ: Tất cả CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom chuyển sang kho chứa tại tầng hầm, sau đó phân loại, chứa trong các thùng chuyên dụng, được lưu giữ tại kho chứa CTNH có diện tích khoảng 15m^2. Khu lưu giữ CTNH được xây dựng đáp ứng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể: kho chứa tường gạch, nền bêtông, có gờ chống tràn, có mái che và khoá kín đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Bên ngoài khu lưu giữ chất thải được gắn các biển cảnh báo, có trang bị dụng cụ PCCC… Bên trong khu lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị 02 thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải nguy hại (thùng kín, có nắp đậy, có dán nhãn, tên chất thải).

- Biện pháp xử lý: Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với Chi nhánh Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng theo hợp đồng Cung ứng Dịch vụ số 01012023/HDCUDV/TGRNH/VCR VH-TS ký ngày 01/01/2023 và được gia hạn hàng năm, tần suất thu gom xử lý 1 lần/năm.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện giao thông

- Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm.

+ Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 20 km/h.

+ Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Đặt các biển báo quy định tốc độ lưu thông trong khu vực.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

+ Bố trí phòng đặt máy phát điện tại tầng hầm của toà nhà.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

+ Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.

+ Ngoài ra, để chống ồn, rung cho Cơ sở, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp sau:

- Không cho phép sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

- Nghiêm cấm tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

- Các khu dịch vụ được quản lý chặt chẽ về thời gian khai thác, nhất là ban đêm.

5.3. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn từ hệ thống điều hành trạm XLNT tập trung

- Nguồn phát sinh chủ yếu từ máy thổi khí tại bể hiếu khí, tuy nhiên hệ thống được xây dựng kín có nắp đậy và hệ thống được lắp đặt tầng hầm của Trung tâm thương mại nên không ảnh hưởng nhiều đến lượng khách ra vào và dân cư xung quanh. Cơ sở vẫn có một số biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như sau:

- Vệ sinh lau chùi toàn bộ động cơ.

- Tháo ống giảm sạch xịt rửa sạch bụi bẩn bám trong ống.

- Tháo dầu cũ trong bộ cấp thay bằng dầu mới.

- Kiểm tra hệ thống dây dẫn điện nguồn vào động cơ.

- Kiểm tra dây curoa xem có rão và có nhiều vết gãy không.

- Kiểm tra các bulong ốc xem đã vặn chặt.

- Vệ sinh van xả an toàn, kiểm tra độ nảy của lò xo.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải

- Trước khi khởi động hệ thống, nhân viên vận hành phải kiểm tra toàn bộ hệ thống. Nếu không nhận thấy điều gì bất thường thì tiến hành khởi động hệ thống. Ngược lại, phải tìm cách khắc phục hoặc báo cho người có trách nhiệm tìm biện pháp khắc phục.

Kiểm tra hệ thống điện: mở công tắc nguồn trên tủ điện. Sau đó mở các công tắc điều khiển các động cơ. Nếu thấy không có gì bất thường thì hệ thống điện có thể đưa vào hoạt động ổn định.

Kiểm tra các bể: Quan sát lượng nước chứa trong bể chứa có đủ để vận hành trong thời gian dự kiến hay không. Nếu lượng dung dịch hấp thu không đủ, nhân viên vận hành phải pha thêm dung dịch hấp thu để hệ thống hoạt động.

- Sau khi kiểm tra nhân viên vận hành nhận thấy không có gì bất thường thì có thể cho hoạt động toàn bộ hệ thống.

Khi hệ thống hoạt động, nhân viên vận hành phải thường xuyên kiểm tra tính ổn định của hệ thống.

Khi có sự cố xảy ra, nhân viên vận hành thực hiện các công việc theo trình tự sau:

Tắt công tắc nguồn kể cả CB nguồn.

Kiểm tra động cơ bị sự cố.

Kiểm tra hệ thống.

Xác định nguyên nhân và hậu quả do sự cố gây ra.

Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục, kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống để có những giải pháp vận hành tốt hơn.

Khi xảy ra sự cố thông báo ngay cho đơn vị tư vấn và đơn vị thi công tiến hành khắc phục và giám sát.

6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy cho cơ sở, hệ thống phòng cháy chữa cháy của cơ sở phải được phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

Cơ sở thực hiện các biện pháp quản lý để phòng chống cháy nổ như sau:

- Sắp xếp bố trí các thiết bị hợp lý, gọn và có khoảng cách an toàn;
- Phát hiện, sửa chữa hoặc thay thế kịp thời các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc hoặc sự cố. Định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện;
- Lắp đặt các tiêu lệnh chữa cháy và các bình chữa cháy (bình CO2) và bình bột chữa cháy tại các khu vực cầu thang để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Huấn luyện cho toàn thể nhân viên các biện pháp PCCC;
- Công nhân được huấn luyện và thực hành thao tác đảm bảo xử lý phù hợp khi có sự cố xảy ra.

6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải, hệ thống hút mùi

Chủ yếu sự cố xảy ra tại quạt hút không hoạt động do hư hỏng. Cơ sở luôn tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị hệ thống xử lý khí thải, hệ thống hút mùi; bố trí các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố; định kỳ 06 - 12 tháng thay thế than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải, hút mùi kịp thời thay thế sửa chữa các thiết bị bị hỏng hóc trong hệ thống trước khi vận hành trở lại.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (Không có)

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hiện tại, cơ sở có thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt như sau:

Bảng 3.4. Tổng hợp nội dung thay đổi so với ĐTM tại cơ sở

STT	Nội dung trong ĐTM	Thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM
1	Hệ thống XLNT tập trung khu Shophouse công suất 50 m^3/ngày đêm	Hệ thống XLNT tập trung khu Shophouse công suất 35 m^3/ngày đêm
2	Hệ thống XLNT tập trung khu TTTM công suất 55 m^3/ngày đêm	Hệ thống XLNT tập trung khu TTTM công suất 110 m^3/ngày đêm
3	Công nghệ xử lý nước thải khu Shophouse sau khi qua bề tự hoại sẽ được dẫn vào hệ thống XLNT tập trung xử lý bằng bể Bastaf 5 ngăn chủ yếu xử lý nước thải dựa vào quá trình kỵ khí	Công nghệ xử lý nước thải khu Shophouse sau khi qua bề tự hoại sẽ được dẫn vào hệ thống XLNT tập trung xử lý sinh học bằng cụm bể sinh học AO sử dụng công nghệ thiếu khí kết hợp hiếu khí nâng cao khả năng xử lý nồng độ ô nhiễm trong nước thải
4	Công nghệ xử lý nước thải khu TTTM sau khi qua bề tự hoại và bể tách dầu sẽ được dẫn vào hệ thống XLNT tập trung xử lý sinh học bằng bể Anoxic kết hợp công nghệ lọc màng MBR	Công nghệ xử lý nước thải khu TTTM sau khi qua bề tự hoại và bể tách dầu sẽ được dẫn vào hệ thống XLNT tập trung xử lý sinh học bằng cụm bể sinh học AO sử dụng công nghệ thiếu khí kết hợp hiếu khí nâng cao khả năng xử lý nồng độ ô nhiễm trong nước thải
5	Chưa có hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ hệ thống XLNT tập trung, các biện pháp chủ yêu: + Vận hành hệ thống liên tục + Hút bùn định kỳ + Kiểm tra đường ống định kỳ tránh tắc nghẽn + Trồng nhiều cây xanh trong dự án	Thu gom bằng hệ thống ống uPVC D150-200mm vào hệ thống tháp xử lý bằng vật liệu hấp phụ là than hoạt tính trước khi thải ra môi trường

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này)

Không có

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Không có

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Gồm các nguồn từ 2 khu vực là khối Shophouse và TTTM như sau:

+ Khu vực TTTM:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trong toà nhà dẫn về bể tự hoại.

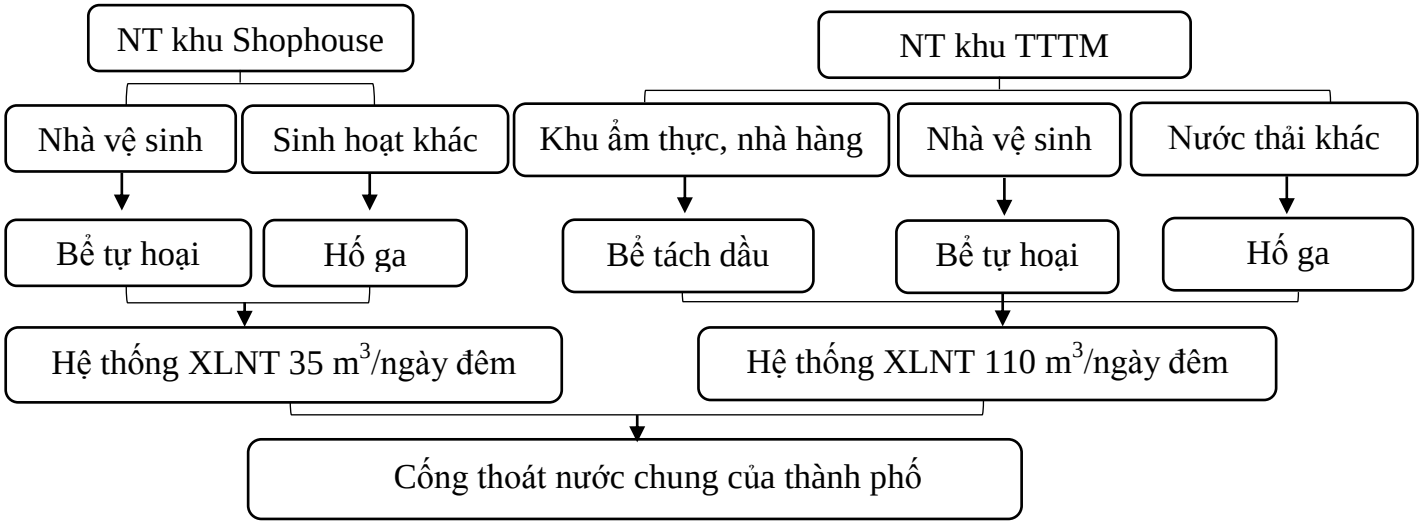
Nguồn số 02: Nước thải từ khu ẩm thực, nhà hàng dẫn về bể tách dầu mỡ.

Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh sàn…

+ Khu vực Shophouse:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh dẫn về bể tự hoại.

Nguồn số 2: Nước thải tắm giặt, rửa tay…



Hình 4.1. Quy trình thu gom xử lý dòng nước thải phát sinh

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: tối đa 145 m^3/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 02 dòng nước thải sau xử lý bao gồm:

+ Nước thải từ khu Shophouse sau khi xử lý tại hệ thống XLNT tập trung công suất 35 m^3/ngày đêm thoát ra cống thoát nước thải chung của thành phố.

+ Nước thải từ khu TTTM sau khi xử lý tại hệ thống XLNT tập trung công suất 110 m^3/ngày đêm thoát ra cống thoát nước thải chung của thành phố.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1. Giới hạn tối đa các thông số trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	QCVN 14:2008/BTNMT,Cột B (K=1)
1	pH	-	5 ÷ 9
2	TDS	mg/l	1000
3	TSS	mg/l	100
4	BOD_5	mg/l	50
5	Nitrat	mg/l	50
6	Photphat	mg/l	10
7	Amoni	mg/l	10
8	Sunfua	mg/l	4
9	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	20
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0$45', múi 3^0 như sau: Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung: X=1106197; Y=563496.

+ Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

+ Chế độ xả thải: liên tục.

+ Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của thành phố.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải tại cơ sở bao gồm:

  - ***Nguồn 01:*** Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (nguồn không phải xử lý)

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 3.500m^3/giờ.

- Dòng khí thải: Tại ống thoát khí của tòa nhà Trung tâm Thương tại trên tầng mái.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải trên tầng mái của Trung tâm Thương mại.

- Chế độ xả thải: chỉ phát sinh khi mạng lưới điện khu vực bị mất.

  - ***Nguồn 02:*** Khí thải từ hệ thống XLNT

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 3.200KW/giờ.

- Dòng khí thải: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải qua bồn xử lý thoát lên tầng mái.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải trên tầng mái.

- Chế độ xả thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc từ HTXLNT 110m^3/ngày;

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc từ HTXLNT 35m^3/ngày (các máy bơm hoạt động của hệ thống được âm dưới mặt đất nên khi hoạt động không phát sinh tiếng ồn)

+ Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Vị trí đặt máy móc vận hành hệ thống XLNT 110m^3/ngày

X=1106246; Y=563505

+ Nguồn số 03: Vị trí đặt máy phát điện dự phòng

X=1106295; Y=563537

- Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa các thông số tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

Bảng 4.3. Giới hạn tối đa các thông số độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Chủ cơ sở đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" và đã được phê duyệt tại Quyết định số 1466/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, khu phố 1, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 28 tháng 06 năm 2016.

- Trước đây, khu Shophouse cửa cơ sở chưa được lấp đầy nên hệ thống XLNT khu Shophouse chưa hoạt động đảm bảo đủ công suất nên cơ sở đã lập hồ sơ xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1374/GP-UBND do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 06 năm 2018 với lưu lượng thải lớn nhất là 110m^3/ngày đêm. Đến năm 2021, tiếp tục đảm bảo thực hiện theo quy định về bảo vệ môi trường chủ cơ sở tiếp tục tiến hành xin cấp phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng lớn nhất là 110m^3/ngày đêm và đã được phê duyệt theo quyết định số 2308/GP-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang cấp.

- Cơ sở đã trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ phòng cháy chữa cháy và đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 264/TD-PCCC ngày 15 tháng 11 năm 2016.

- Nước thải: Hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chủ yếu là nước thải sinh hoạt và dịch vụ tối đa 145 m^3/ngày đêm, toàn bộ nước thải được thu gom xử lý bằng các bể chức năng sơ bộ tùy theo loại hình nước thải trước khi chảy về xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của cơ sở sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

- Khí thải: Cơ sở đã bố trí hệ thống ống dẫn và quạt hút để thu gom, thoát khí thải từ các khu dịch vụ lên tầng mái, trang bị hệ thống lọc khí thải đối với khí thải từ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ cơ sở trang bị đầy đủ các thùng chứa rác có chức năng phân loại tại nguồn, đồng thời bố trí khu tập trung rác thải và ký hợp đồng thu gom xử lý đối với đơn vị thu gom địa phương, tần suất thu gom 1 lần/ngày.

- Chất thải nguy hại: Cơ sở phát sinh lượng chất thải nguy hại không nhiều chỉ 18kg trong năm 2024, chủ cơ sở bố trí đầy đủ thùng chứa có nhãn phân loại và bố trí kho lưu giữ đảm bảo đúng theo quy định sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chứ năng thu gom xử lý.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2308/GP-UBND ngày 28 tháng 09 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang thì lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất của cơ sở được cấp phép là 110 m^3/ngày đêm.

- Vị trí các điểm quan trắc:

Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Tọa độ vị trí	
1	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	NT1	1106233	563483
2	Nước thải sau xử lý trạm TTTM	NT2	1106197	563496
3	Nước thải trước xử lý trạm Shophouse	NT3	1106254	563442
4	Nước thải sau xử lý trạm Shophouse	NT4	1106197	563496

- Tần suất: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH E.U.C Số Vimcerts: 261.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc năm 2023

STT	Thời gian	Ký hiệu	Kết quả										
			pH	**TDS**	**TSS**	**BOD_5**	**NH_4^+-N**	**NO_3^--N**	**PO_4^{3-}-P**	**Dầu mỡ ĐTV**	**Coliform**	**S^{2-}**	**Chất hoạt động bề mặt**
1	**Quý I/2024**	NT1	6,1	241	156	396	144,9	0,164	0,305	14,6	6.300	0,234	0,87
2		NT2	6,61	101	46	23	14,3	0,269	4,72	6,3	2.800	0,112	0,43
3		NT3	7,08	97	28	37	KPH	0,029	0,2	14,5	5.400	KPH	KPH
4		NT4	7,23	83	24	8	KPH	0,532	KPH	6,2	1.700	KPH	KPH
5	**Quý II/2024**	NT1	6,24	543	65	203	61	0,174	5,62	6,3	14.000	0,320	0,461
6		NT2	7,01	304	25	12	11,2	9,4	5,18	2,8	2.800	0,237	0,308
7		NT3	6,42	402	14	8	KPH	0,335	KPH	KPH	2.100	KPH	KPH
8		NT4	6,82	327	13	7	KPH	0,274	KPH	KPH	1.700	KPH	KPH
9	**Quý III/2024**	NT1	6,29	534	77	330	59,5	0,173	5,18	15,3	140.000	0,965	3,5
10		NT2	6,74	407	31	26	15,5	0,225	5,09	7,7	230	0,835	2,2
11		NT3	6,39	353	4	3	KPH	0,55	KPH	KPH	46	KPH	KPH
12		NT4	6,46	350	4	2	KPH	0,36	KPH	KPH	9	KPH	KPH
13	**Quý IV/2024**	NT1	6,34	537	75	361	66,5	0,19	6,84	15,2	34.000	1,73	3,25
14		NT2	6,94	116	4	3	KPH	0,515	0,059	KPH	KPH	KPH	KPH
15		NT3	7,57	417	KPH	5	KPH	KPH	KPH	KPH	350	KPH	KPH
16		NT4	7,46	368	KPH	3	KPH	KPH	KPH	KPH	240	KPH	KPH
17	**QCVN: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B**		5-9	1.000	100	50	10	50	10	20	5.000	4	10

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột B);
- KPH: Không phát hiện;

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc năm 2024

STT	Thời gian	Ký hiệu	Kết quả										
			pH	TDS	TSS	BOD_5	NH_4^+-N	NO_3^--N	PO_4^{3-}-P	Dầu mỡ ĐTV	Coliform	S^{2-}	Chất hoạt động bề mặt
1	Quý I/2024	NT1	6,65	507	45	143	30,1	KPH	4,73	14,2	17.000	4,72	11
2		NT2	6,76	284	11	16	8,26	KPH	1,21	1,8	790	0,273	0,491
3		NT3	6,78	491	KPH	4	KPH	KPH	KPH	KPH	920	KPH	KPH
4		NT4	6,68	363	KPH	2	KPH	0,063	KPH	KPH	230	KPH	KPH
5	Quý II/2024	NT1	6,72	640	76	277	39,2	0,161	4,89	18,2	34.000	0,043	0,526
6		NT2	6,91	211	KPH	3	KPH	0,536	0,055	KPH	240	KPH	KPH
7		NT3	7,34	364	11	15	KPH	0,079	KPH	KPH	1.200	KPH	KPH
8		NT4	7,41	348	KPH	2	KPH	0,084	KPH	KPH	23	KPH	KPH
9	Quý III/2024	NT1	6,49	596	174	895	60	0,08	11	17,7	32.000	8,43	4,67
10		NT2	6,58	374	15	14	3,92	2,53	3,06	KPH	43	0,201	0,26
11		NT3	6,70	370	KPH	14	KPH	0,205	KPH	KPH	3.100	KPH	KPH
12		NT4	6,62	186	KPH	6	KPH	0,207	0,07	KPH	25	KPH	KPH
13	Quý IV/2024	NT1	6,57	653	96	340	43,4	KPH	4,28	14,5	15.000	0,611	0,57
14		NT2	6,97	243	21	13	40,3	0,146	3,91	KPH	920	0,158	0,252
15		NT3	7,25	374	16	20	KPH	0,201	KPH	KPH	4.600	KPH	KPH
16		NT4	7,47	448	7	8	KPH	0,184	KPH	KPH	94	KPH	KPH
17	**QCVN: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B**		5-9	1.000	100	50	10	50	10	20	5.000	4	10

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột B);
- KPH: Không phát hiện;

3. Tình hình phát sinh chất thải

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Năm 2024 phát sinh khoảng 12.000 kg/tháng gồm các thành phần như hộp nhựa, vỏ chai, nylong, thức ăn thừa, giấy vệ sinh… Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom ở địa phương đến thu gom mỗi ngày.

- Đối với chất thải nguy hại: phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, dầu thải với số lượng khá ít chỉ 18kg trong năm 2024, do đó cơ sở lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại tại cơ sở để lưu kho tạm thời, đến khi số lượng phát sinh đạt số lượng nhất định sẽ thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH có chức năng.

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong hai năm gần nhất (2023 và 2024) không có đoàn thanh tra, kiểm tra nào đến thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải

- *Vị trí các điểm quan trắc:*

+ Nước thải của TTTM: 01 mẫu nước thải sinh hoạt đầu ra sau khi đã xử lý qua hệ thống XLNT 110 m^3/ngày đêm tại vị trí tọa độ:

X=1106197; Y=563496

+ Nước thải của khu Shophouse: 01 mẫu nước thải sinh hoạt đầu ra sau khi đã xử lý qua hệ thống XLNT 35 m^3/ngày đêm tại vị trí tọa độ:

X=1106260; Y=563458

- *Tần suất quan trắc:* 6 tháng/lần

- *Thông số giám sát và quy chuẩn áp dụng:*

- *Thông số giám sát:* pH, BOD_5, COD, TDS, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Sunfua, Tổng dầu mỡ, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliform

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột B)

1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục

2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

➢ Quan trắc chất thải rắn sinh hoạt

- *Vị trí giám sát*: khu vực lưu chứa chất thải.

- *Tần suất giám sát*: thường xuyên.

- Giám sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, chứng từ giao nhận chất thải.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ về quy dịnh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường về quy dịnh chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Chi phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường môi trường gồm:

Bảng 6.1 Tổng chi phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường 1 năm hoạt động

Stt	Hạng mục	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí viết báo cáo	4.000.000
2	Chi phí phân tích	8.000.000
3	Photo, in ấn, chụp hình, …	2.000.000
Tổng cộng		**14.000.000**

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Cam kết về tính chính xác các nội dung, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cam kết đảm bảo xử lý các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Cơ sở cam kết xây dựng đầy đủ các hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải; hệ thống tiêu thoát nước mưa và đấu nối vào hệ thống đúng quy định.

Cam kết về việc tuân thủ các văn bản luật về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan như phòng cháy chữa cháy, hóa chất, lao động, xây dựng,…

Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai cơ sở theo đúng quy định;

Cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo này.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng các chế độ báo cáo theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn/ quy chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động triển khai thực hiện cơ sở nếu có luật, nghị định, thông tư, quyết định … mới phát sinh thì Chi nhánh Công ty sẽ điều chỉnh theo đúng yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam..

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

9130742190192[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

4

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP
Giấy phép kinh doanh số: 0101245486, cấp lần đầu ngày 3 tháng 5 năm 200[illegible]
Địa chỉ: Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Sinh Thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

CR 133009

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 05 , tờ bản đồ số: 121-2015

b) Địa chỉ: Lô A12, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

c) Diện tích: 5147,4m², (bằng chữ: Năm nghìn một trăm bốn mươi bảy phẩy bốn mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 28/12/2065

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Trung tâm thương mại

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Trung tâm thương mại	3012	18158	Sở hữu riêng	Cấp 2	28/12/2065

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Số hiệu và diện tích thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính.

Kiên Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2019

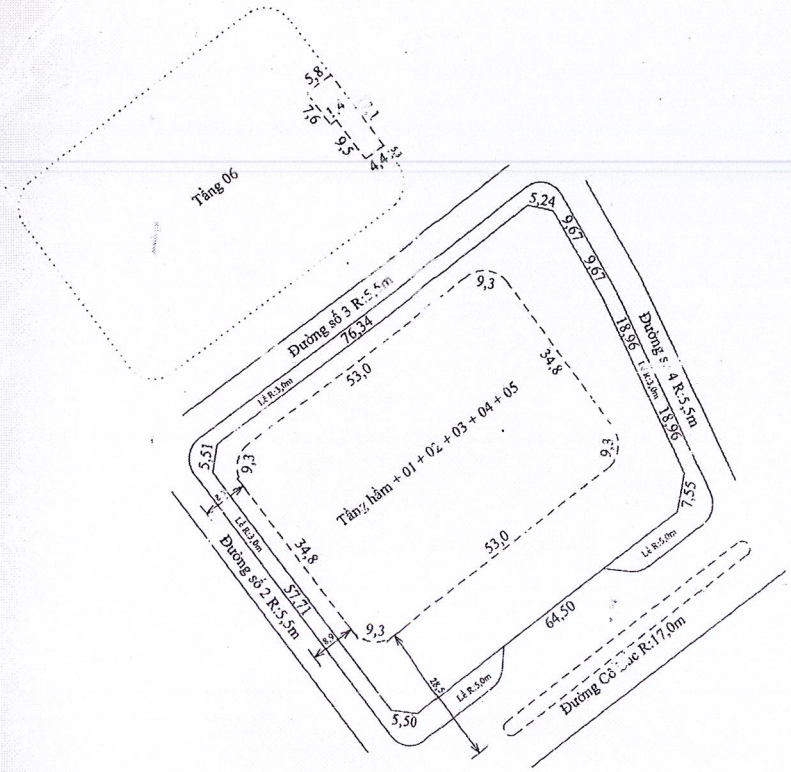
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Tịp

Số vào sổ cấp GCN: CT155037

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 25141 Qs SCT/BS Ngày 16-07-2019 CÔNG CHỨNG VIÊN VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG RẠCH GIÁ TP RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG Nguyễn Thanh Phong	

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

VGK.PL.2.73

Mã số doanh nghiệp: 0101245486

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 05 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 73, ngày 09 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINGROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINGROUP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 7, Đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *84 4 3974 9999* Fax: *84 4 3974 8888*

Email: *info@vingroup.net* Website: *www.vingroup.net*

3. Vốn điều lệ: 38.785.833.060.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.878.583.306

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT QUANG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *28/11/1968* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001068008968*

Ngày cấp: *17/06/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 30, ngõ 2, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *BL 05-14, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Văn Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1466 /QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" họp ngày 18 tháng 02 năm 2016 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh *(theo ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định)* tại Công văn chỉnh sửa số 432/2016/CV-VGR-PTDA ngày 28 tháng 5 năm 2016 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 351/TTr-STNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" được lập bởi Tập đoàn Vingroup - Công ty CP với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án "Trung tâm thương mại và nhà phố Vincom Rạch Giá" của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP tại Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang có tổng diện tích là 37.755,1m^2 với cơ cấu sử dụng đất như sau: Đất ở có diện tích 4.999,6m^2, đất công trình công cộng có diện tích 5.011,6m^2, đất cây xanh có diện tích 19.570m^2, đất sân nền có diện tích 1.468,2m^2, đất giao thông nội bộ có diện tích 6.705,7m^2.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động Tập đoàn Vingroup - Công ty CP phải triển khai thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với môi trường do dự án gây ra và tiến hành quan trắc môi trường theo đúng yêu cầu đặt ra trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến các tổ chức đã tiến hành tham vấn và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án. Trường hợp gây ra sự cố môi trường thì phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá để hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3.2. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

Điều 2. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Tập đoàn Vingroup - Công ty CP phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường 2014.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Tập đoàn Vingroup – Công ty CP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Rạch Giá;
- UBND phường Vĩnh Bảo;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, kttanh (07 bản).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Ghi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2308 /GP-UBND	*Kiên Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2021*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Dự án "Xây dựng quy định về xả thải vào nguồn tiếp nhận và phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang" được phê duyệt tại Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam cho Dự án "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 16 tháng 5 năm 2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 610/TTr-STNMT ngày 17 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam có trụ sở chính tại số 72 đường Lê Thánh Tôn và 45A đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước biển ven bờ tiếp giáp khu vực dự án.

2. Vị trí công trình xả thải:

- Địa chỉ: Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá.

- Tọa độ vị trí xả thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°)*, như sau:

Số TT	Ký hiệu điểm	Vị trí điểm xả nước thải	Tọa độ điểm xả	
			X	Y
I	Hệ thống xử lý nước thải khu Trung tâm Thương mại			
01	**VT1**	**Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải**	**1106233**	**563483**
02	**VT2**	**Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung**	**1106197**	**563496**
II	Hệ thống xử lý nước thải khu Nhà phố Thương mại			
03	**VT1**	**Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải**	**1106254**	**563442**
04	**VT2**	**Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung**	**1106197**	**563496**
III	Nguồn tiếp nhận nước thải			
05	**VT3**		**1106149**	**563398**

(*có sơ đồ khu vực và vị trí xả thải kèm theo*)

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý theo đường ống chảy vào cống thoát nước chung của khu vực dự án sau đó chảy ra biển tiếp giáp dự án.

4. Chế độ xả thải 24 giờ/ ngày đêm (liên tục các ngày trong năm).

5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 110 m^3/ ngày đêm.

6. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả nước thải: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) và Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Dự án "Xây dựng quy định về xả thải vào nguồn tiếp nhận và phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang" được phê duyệt tại Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

7. Thời hạn của Giấy phép là 04 (bốn) năm, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Bảo đảm thiết bị, nhân lực vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy

trình trong suốt quá trình xả nước thải vào nguồn nước; xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, thực hiện đúng cam kết như đã nêu trong hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ giá trị thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt không đạt yêu cầu quy định theo giấy phép được cấp và phải ngừng ngay việc xả nước thải vào nguồn nước để thực hiện các biện pháp khắc phục; chuẩn bị nhân lực, trang bị phương tiện, thiết bị sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước, đồng thời kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng của địa phương (UBND thành phố Rạch Giá và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá) nếu có sự cố bất thường của hệ thống xử lý nước thải.

4. Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận nước thải:

+ Quan trắc chất lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A); Tần suất giám sát 04 lần/năm.

+ Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (QCVN 10-MT:2015/BTNMT, cột A), tần suất quan trắc 04 lần/năm.

5. Chịu trách nhiệm theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải của Dự án "Trung tâm Thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" theo quy định; trong trường hợp có thay đổi chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hàng năm trước (trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn về tình hình xả nước thải theo Biểu số 24 kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước; tổng hợp các đặc trưng về nồng độ các chất ô nhiễm theo từng thông số quy định theo Biểu số 25 kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

8. Kiểm tra, lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, theo dõi lưu lượng, thông số vận hành hệ thống kết quả quan trắc nước thải, loại và lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh. Nếu phát hiện có hiện tượng bất thường phải báo cáo ngay về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng của địa phương (UBND thành phố Rạch Giá, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá) để kịp thời xử lý.

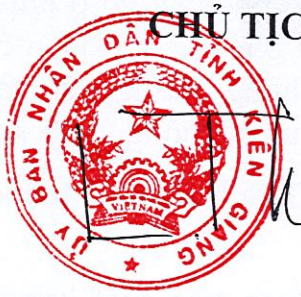
Điều 3. Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam được hưởng các quyền

hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam còn tiếp tục xả nước thải với nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam;
- UBND thành phố Rạch Giá;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, P.KT, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, tqdat.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-------***-------

PHỤ LỤC GIA HẠN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng Hợp Đồng Cung ứng Dịch vụ số 01012023/HĐCUDV-TGRT/ VCR-VB/ VCPKG ký ngày 01/01/2023)

Phụ lục Gia hạn hợp đồng được lập vào ngày 01 tháng 01 năm 2024, bởi giữa Các Bên sau đây:

***Bên Mua* (BÊN A) :** **CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL**

Đại diện	:	**NGUYỄN DUY KHÁNH** (Theo Giấy ủy quyền số 88/2023/GUQ-VCR do người đại diện theo pháp luật ký ngày 16/11/2023 bởi Bà Hoàng Thị Mỹ Hạnh – Giám Đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền)
Chức vụ	:	**Phó Giám Đốc Vận Hành**
Địa chỉ	:	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	:	0106250673
Điện thoại	:	0243 975 6699

Và

Bên Bán (BÊN B) :		**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH BẢO**
Đại diện	:	**TRẦN HOÀNG PHONG**
Chức vụ	:	Chủ tịch UBND phường
Địa chỉ	:	Số 54 Cô Bắc, Khu lấn biển, KP1, P. Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá
Tài khoản	:	3723.0.9088030.00000
Ngân hàng	:	Tại kho Bạc Nhà Nước Kiên Giang
Mã số thuế	:	1701155758
Điện thoại	:	02973.941944

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**", "**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**".

Xét Rằng

- Bên A và Bên B đã ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 01012023/HĐCUDV-TGRT/VCR-VB/VCPKG ký ngày 01 tháng 01 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo (Sau đây gọi là "**Hợp Đồng**");
- Các Bên mong muốn điều chỉnh: thống nhất điều chỉnh (i) Gia hạn thời gian cung cấp dịch vụ; (ii) Đơn giá/ tháng trong Hợp Đồng; (iii) bổ sung phạm vi công việc của B khi thực hiện cung cấp Dịch vụ.

- **VÌ VẬY** bằng phụ lục này, Các Bên cùng thống nhất việc cung cấp Dịch vụ theo Hợp Đồng sẽ được tiếp tục thực hiện như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Hiệu lực hợp đồng: Gia hạn thực hiện từ 01/01/2024 – 31/12/2024

1.2 Giá trị Hợp đồng

- Kể từ ngày 01/01/2024, Đơn giá/ tháng tại Hợp đồng sẽ được điều chỉnh như sau:

STT	Nội dung hạng mục thu gom	Khối lượng (m3)/tháng	Đơn giá/m3 (VNĐ)	Thành tiền/tháng (VNĐ)
1	Khối lượng rác của TTTM VCP Kiên Giang/Tháng	63m3	240.000	15.120.000
Tổng thành tiền/ năm (đã bao gồm vat)				**181.440.000**
Bằng chữ: Một trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi nghìn đồng.				

- Thuế Giá trị gia tăng sẽ áp dụng theo quy định của CQCN tại thời điểm xuất hóa đơn

1.3 Phạm vi công việc:

Stt	Tần suất	Công việc cần thực hiện	Cách thức thực hiện cụ thể	Thiết bị nhà thầu cần chuẩn bị	Yêu cầu cần đạt được
1	Hàng ngày	Chuẩn bị nhân sự, xe thu gom rác	- Nhân sự phải đảm bảo số lượng theo hợp đồng, cung cấp danh sách nhân viên cho bên A, nhân viên thu gom rác phải duy trì ổn định, nếu có thay đổi phải báo cho bên A trước 3 ngày. - Về phương tiện thu gom đảm bảo sạch sẽ, phải được che chắn, không để rỉ rớt nước rác không gây mùi ra khu vực xung quanh	- Thiết bị bảo hộ cá nhân: Quần áo bảo hộ, găng tay, giày bảo hộ… - Xe thu gom và vận chuyển rác, đúng tiêu chuẩn qui định - Xử lý rác thải theo đúng quy định nhà nước	- Rác phải được thu gom và chuyển đi hết trong ngày, không để tồn đến ngày hôm sau. - Trong qua trình thu gom không để rơi rớt nước rác ra ngoài, và không gây mùi ra các khu vực xung quanh. - Nghiệm thu theo đúng khối lượng số lượng, thời gian cụ thể, và phải có đầy đủ xác nhận
2	Hàng ngày	Vệ sinh sạch địa điểm thu gom rác	- Bên B có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng sạch sẽ, phạm vi khu vực thu gom rác. - Các thiết bị còn nguyên vẹn không hỏng hóc, nứt vỡ		

3	Hàng ngày	Vận chuyển rác thải.	- Bên B có trách nhiệm thu gom vận chuyển rác hàng ngày, phải đảm bảo sạch hết rác, không còn tồn lại rác đến ngày hôm sau, thời gian thu gom theo đúng yêu cầu của bên A (từ 20h đến 6h sáng hôm sau)		của 2 bên theo đúng thỏa thuận trong HĐ.
4	Hàng ngày	Hoàn thành các thủ tục pháp lý của nhà nước theo quy định	Rác thải được vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo đúng quy định		

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

2.1 Phụ Lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

2.2 Các nội dung khác của Hợp Đồng không bị sửa đổi, bổ sung theo Phụ Lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

2.3 Phụ Lục này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 bản, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL
MSDN: 0106250673

PHÓ GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH

Nguyễn Duy Khánh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hoàng Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--- *** ---

PHỤ LỤC GIA HẠN 01

(Đính kèm Hợp đồng cung ứng dịch vụ số: 01012023/HDCUDV/TGRNH/VCR-TS ký ngày 01/01/2023)

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Hà Nội các Bên sau đây:

Bên mua (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL.

Đại diện : **Ông NGUYỄN DUY KHÁNH**

Chức vụ : **Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành** (Theo GUQ số 71/2023/GUQ-VCR do bà Phạm Thị Thu Hiền – Tổng giám đốc Người đại diện theo pháp luật ký ngày 16/11/2023)

Địa chỉ : Số 7, Đường bằng lăng 1,Khu Đô thị Vinhomes Riverside, P.Việt Hưng, Q.Long Biên, TP.Hà Nội

Điện thoại : 0243 974 9999

Mã số thuế : 0105850244

Và

Bên bán (BÊN B) : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG

ĐKKD số : 0303400455-001 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/08/2004

Đại diện : **Ông NGUYỄN KIM THÀNH**

Chức vụ : **Giám Đốc**

Địa chỉ : Ấp Tân Hưng Phú, Xã Tân Hòa Tây, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : 091 789 1069

Tài khoản : 1410031487

Ngân hàng : BIDV – Chi Nhánh Chợ Lớn

Mã số thuế : 0303400455-001

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**", "**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**".

XÉT RẰNG

- Bên A và Bên B đã ký kết Hợp đồng cung ứng dịch vụ số ***: 01012023/ HDCUDV/ TGRNH/VCR-TS*** ký ngày 01 tháng 01 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo (Sau đây gọi là "**Hợp Đồng**");
- Các Bên mong muốn điều chỉnh: Thống nhất điều chỉnh (i) Gia hạn thời gian cung cấp dịch vụ; (ii) Đơn giá thực hiện tại các cơ sở trong thời gian gia hạn;

VÌ VẬY bằng phụ lục này, Các Bên cùng thống nhất việc cung cấp Dịch vụ theo Hợp Đồng sẽ được tiếp tục thực hiện như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung sửa đổi:

Đvt: vnđ, chưa vat

Hạng mục điều chỉnh	Nội dung Hợp Đồng đã ký	Nội dung Hợp Đồng điều chỉnh	Ghi chú
Điều 2.1 – Thời gian thực hiện hợp đồng	Từ 01/01/2023 – 31/12/2023	Từ 01/01/2023 – 31/12/2024	Gia hạn thêm 12 tháng

1.2 Hai bên thống nhất lại về đơn giá triển khai cung cấp dịch vụ trong thời gian gia hạn từ 01/01/2024 – 31/12/2024 tại các cơ sở của Vincom như sau:

Cơ sở	Tần suất thu gom	Đơn giá/ lần (vnđ, chưa vat)	Chi phí/ năm (vnđ, chưa vat)	Ghi chú
Vincom Center Landmark81, Tp. HCM	2 lần/ năm	4.000.000	8.000.000	
Vincom Plaza Dĩ An, Bình Dương	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom Plaza Tây Ninh	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Tân An, Long An	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Mỹ Tho, Tiền Giang	1 lần/ năm	3.500.000	3.500.000	
Vincom Plaza Sóc Trăng	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Trần Huỳnh, Bạc Liêu	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Cà Mau	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Cao Lãnh, Đồng Tháp	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom+ Sa Đéc	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Tổng chi phí (chưa vat)			**37.700.000**	
Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn./.				

- Thuế suất giá trị gia tăng sẽ áp dụng theo quy định của CQCN tại thời điểm xuất hóa đơn.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

2.1 Phụ Lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

2.2 Các nội dung khác của Hợp Đồng không bị sửa đổi, bổ sung theo Phụ Lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

2.3 Phụ Lục này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 bản, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
20240404111/HĐMBHHVP-VCR	GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH	Nguyễn Kim Thành
Nguyễn Duy Khánh	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--- *** ---

PHỤ LỤC GIA HẠN 01

(Đính kèm Hợp đồng cung ứng dịch vụ số: 01012023/HDCUDV/TGRNH/VCR VH-TS ký ngày 01/01/2023)

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Hà Nội các Bên sau đây:

Bên mua (BÊN A): CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL

Đại diện : **Ông NGUYỄN DUY KHÁNH**

Chức vụ : **Phó Giám Đốc Vận Hành** (Theo GUQ số 88/2023/GUQ-VCR do bà Hoàng Thị Mỹ Hạnh - Giám đốc Người đại diện theo pháp luật ký ngày 16/11/2023)

Địa chỉ : Toà nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái VinhomesRiverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0243 974 9999

Mã số thuế : 0106250673

Và

Bên bán (BÊN B) : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG

ĐKKD số : 0303400455-001 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/08/2004

Đại diện : **Ông NGUYỄN KIM THÀNH**

Chức vụ : **Giám Đốc**

Địa chỉ : Ấp Tân Hưng Phú, Xã Tân Hòa Tây, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : 091 789 1069

Tài khoản : 1410031487

Ngân hàng : BIDV – Chi Nhánh Chợ Lớn

Mã số thuế : 0303400455-001

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**", "**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**".

XÉT RẰNG

- Bên A và Bên B đã ký kết Hợp đồng cung ứng dịch vụ số 01012023/HDCUDV/ TGRNH/VCR VH-TS ký ngày 01 tháng 01 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo (Sau đây gọi là "**Hợp Đồng**");
- Các Bên mong muốn điều chỉnh: Thống nhất điều chỉnh (i) Gia hạn thời gian cung cấp dịch vụ; (ii) Bổ sung thông tin cơ sở mới cung cấp dịch vụ (iii) Đơn giá thực hiện tại các cơ sở trong thời gian gia hạn; (iv) Đơn giá thu mua chất thải nguy hại.

VÌ VẬY bằng phụ lục này, Các Bên cùng thống nhất việc cung cấp Dịch vụ theo Hợp Đồng sẽ được tiếp tục thực hiện như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG:

1.1 Nội dung sửa đổi:

Đvt: vnđ, chưa vat

Hạng mục điều chỉnh	Nội dung Hợp Đồng đã ký	Nội dung Hợp Đồng điều chỉnh	Ghi chú
Điều 2.1 – Thời gian thực hiện hợp đồng	Từ 01/01/2023 – 31/12/2023	Từ 01/01/2023 – 31/12/2024	Gia hạn thêm 12 tháng

1.2 Bổ sung thông tin 01 cơ sở mới cung cấp dịch vụ từ 01/01/2024:

Cơ sở	Nội dung Hợp Đồng đã ký	Nội dung Hợp Đồng điều chỉnh	Ghi chú
Vincom Mega Mall Grand Park	CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL	Tầng 20, L20A Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0106250673-021

1.3 Hai bên thống nhất lại về đơn giá triển khai cung cấp dịch vụ trong thời gian gia hạn từ 01/01/2024 – 31/12/2024 tại các cơ sở của Vincom như sau:

Cơ sở	Tần suất thu gom	Đơn giá/ lần (vnđ, chưa vat)	Chi phí/ năm (vnđ, chưa vat)	Ghi chú
Vincom Plaza Bảo Lộc, Lâm Đồng	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom+ 16/4, Phan Rang	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Xuân Khánh, Cần Thơ	1 lần/ năm	1.600.000	1.600.000	
Vincom Center Đồng Khởi, Tp. HCM	2 lần/ năm	4.000.000	8.000.000	
Vincom Mega Mall Thảo Điền	2 lần/ năm	2.900.000	5.800.000	
Vincom Mega Mall Grand Park	1 lần/ năm	3.000.000	3.000.000	
Vincom Plaza Thủ Đức, Tp. HCM	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom Plaza Lê Văn Việt, Tp.HCM	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom Plaza 3/2, Tp.HCM	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom Plaza Quang Trung, Tp.HCM	1 lần/ năm	1.400.000	1.400.000	
Vincom Plaza Gò Vấp, Tp.HCM	1 lần/ năm	3.300.000	3.300.000	
Vincom Plaza SaigonRes	1 lần/ năm	2.500.000	2.500.000	

Vincom Plaza Cộng Hòa, Tp.HCM	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom Plaza Biên Hoà, Đồng Nai	1 lần/ năm	2.400.000	2.400.000	
Vincom+ Nam Long, Tp. HCM	1 lần/ năm	2.500.000	2.500.000	
Vincom+ Quận 2, Tp. HCM	1 lần/ năm	2.500.000	2.500.000	
Vincom Plaza Hùng Vương, Cần Thơ	1 lần/ năm	1.600.000	1.600.000	
Vincom Plaza Vĩnh Long	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Trà Vinh	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Long Xuyên, An Giang	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Hậu Giang	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Vincom+ Bạc Liêu	1 lần/ năm	3.400.000	3.400.000	
Tổng chi phí (chưa bao gồm vat)			**71.400.000**	
Bằng chữ: Bảy mươi mốt triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn ./.				

- Thuế suất áp dụng theo quy định của CQCN tại thời điểm xuất hóa đơn.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

2.1 Phụ Lục này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

2.2 Các nội dung khác của Hợp Đồng không bị sửa đổi, bổ sung theo Phụ Lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

2.3 Phụ Lục này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 bản, Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A | **ĐẠI DIỆN BÊN B**

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Thành

TỈNH/THÀNH PHỐ
KIÊN GIANG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 245.../2023/1-2-3-4-5-6.054.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.054.VX

Địa chỉ văn phòng: Căn 1.02, Tầng 1, Chung Cư Asiana Capella, Số 184 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh ĐT: 091 789 1069

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Tân Hưng Phú, Xã Tân Hòa Tây, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang ĐT: 091 789 1069

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở/đại lý: .....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL**

Mã QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	x			16 01 06	09	PT-HR
02	Hộp mực in thải.	x			08 02 04		TĐ-HR
03	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.		x		17 02 03		TC-TĐ-HR
04	Pin, ắc quy chì thải.	x			16 01 12		PT-TC
05	Các loại dầu mỡ thải.		x		16 01 08		TĐ-HR
06	Thủy tinh nhiễm thành phần nguy hại.	x			11 02 01		TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 50H-216.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Danh Ký: Ngày: 15/06/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4

Kiên Giang, ngày 15 tháng 06 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL – CHI NHÁNH

Phan Văn Nhân

Họ và tên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tiền Giang, ngày 22 tháng 06 năm 2023

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

S.Đ.K.H.Đ: 0308400... C.T.N.H.H – CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG – H. TÂN PHƯỚC - T. TIỀN GIANG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Thành

Họ và tên

Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
KIÊN GIANG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 412/2024/1-2-3-4-5-6.054.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.054.VX
Địa chỉ văn phòng: Căn 1.02, Tầng 1, Chung Cư Asiana Capella, Số 184 Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh ĐT: 091 789 1069
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Tân Hưng Phú, Xã Tân Hòa Tây, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang ĐT: 091 789 1069

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở/đại lý: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL**
Mã QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	x			16 01 06	14	PT-HR
02	Hộp mực in thải.	x			08 02 04		TĐ-HR
03	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.		x		17 02 03	04	TC-TĐ-HR
04	Pin, ắc quy chì thải.	x			16 01 12		PT-TC
05	Các loại dầu mỡ thải.		x		16 01 08		TĐ-HR
06	Thủy tinh nhiễm thành phần nguy hại.	x			11 02 01		TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 50H-216.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Đạt Ký: Ngày: 19.6.2024

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4.
Kiên Giang, ngày 19 tháng 06 năm 2024
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL – CHI NHÁNH
Phạm Hữu Nhân
Họ và tên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Tiền Giang, ngày 25 tháng 06 năm 2024
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
M.S.C.N: 0303400455 – CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TƯƠI SÁNG – H.TÂN PHƯỚC - T.TIỀN GIANG
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Thành
Họ và tên

Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 2024060759/HĐMBHHVP-VCR

V/v: Hút bể phốt, bể mỡ tại TTTM Vincom khu vực Miền Tây – VCR VH

Hợp Đồng Dịch Vụ này ("**Hợp Đồng**") được lập và ký ngày *ngày 27 tháng 06 năm 2024*, bởi và giữa:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL

Địa chỉ	:	Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	:	0106250673
Đại diện	:	Nguyễn Duy Khanh
Chức vụ	:	Phó Giám Đốc Vận Hành
		(Theo GUQ số 97/2024/GUQ-VCR VH kí ngày 04/6/2024 bởi ông Nguyễn Anh Dũng – Giám đốc Người đại diện theo pháp luật của công ty ủy quyền)
Điện thoại	:	024.39756699
Tài khoản	:	19027730170013
Ngân hàng	:	TECHCOMBANK HỘI SỞ

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

VÀ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH XD TM DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH

Đại diện	:	Ông Lê Minh Thành
Chức vụ	:	Giám đốc
Địa chỉ	:	283/57 Huỳnh Tấn Phát, Tân Thạnh Đông, Q7, Tp. Hồ Chí Minh
Tài khoản	:	58607478
Ngân hàng	:	Tại TMCP ACB - Phòng giao dịch Bến Chương Dương
Mã số thuế	:	0315404415
Điện thoại	:	0909996570 - (028)6678.6363
Email	:	congtymoitruongsaigonxanh@gmail.com

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "Các Bên" và được gọi riêng là "Bên".

Các Bên thỏa thuận ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận thực hiện cho Bên A dịch vụ **"Hút bể phốt, bể mỡ tại TTTM Vincom khu vực Miền Tây – VCR VH"** với các hạng mục công việc cụ thể theo PL01 (*Sau đây gọi chung là "Dịch Vụ"*)

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá Trị Hợp Đồng

Tổng giá trị Hợp Đồng chưa gồm VAT: **287.980.000** ***VNĐ;***

Số tiền bằng chữ: ***Hai trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi Nghìn đồng./.***

Các Bên thống nhất, Giá Trị Hợp Đồng nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), đã kèm toàn bộ chi phí vận chuyển, lắp đặt, dọn dẹp vệ sinh, hoàn thiện và các chi phí có liên

Scanned with CamScanner

quan đến việc thực hiện, cung cấp Dịch Vụ (nếu có). Ngoài Giá Trị Hợp Đồng nêu trên, Bên A không có trách nhiệm thanh toán cho Bên B bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng.

2.2 Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của Bên B nêu tại phần đầu Hợp Đồng này như sau:

*Bên A sẽ thanh toán đến 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu **mỗi đợt theo mỗi BQL** và khấu trừ đi các khoản đã được thanh toán và các khoản phải khấu trừ (nếu có) trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B được Bên A xác nhận hoàn thành dịch vụ, được bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được bản gốc hợp lệ hồ sơ thanh toán gồm:*

- *Giấy Đề nghị thanh toán;*
- *Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng kèm theo các tài liệu liên quan (nếu có);*
- *Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;*

Để làm rõ, ngày làm việc là ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, trừ các ngày lễ, ngày nghỉ quy định pháp luật.

ĐIỀU 3: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỊCH VỤ

3.1 Địa điểm thực hiện Dịch Vụ

*Các TTTM Vincom Retail theo như phụ lục 01 đính kèm ("**Địa Điểm**")*

3.2 Thời gian thực hiện Dịch Vụ

Bên B phải bắt đầu thực hiện Dịch Vụ *sau 5 ngày kể từ khi ký Hợp đồng*. Để làm rõ, việc thực hiện Dịch Vụ được coi là bắt đầu khi Bên B tập kết nhân công, thiết bị, vật tư cần thiết để thực hiện Dịch Vụ tại Địa Điểm. Bên B sẽ thông báo cho Bên A trong vòng 02 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Dịch Vụ để Bên A chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại Địa Điểm để bắt đầu thực hiện Dịch Vụ.

Bên B phải hoàn thành việc thực hiện Dịch Vụ *trong 20 ngày* ("**Ngày Hoàn Thành**"). Để làm rõ, việc thực hiện Dịch Vụ theo Hợp Đồng này chỉ được coi là đã hoàn thành khi Các Bên ký kết biên bản nghiệm thu xác nhận rõ việc hoàn thành Dịch Vụ ("**Biên Bản Nghiệm Thu**").

3.3 Các yêu cầu về việc thực hiện Dịch Vụ

a) Dịch Vụ phải được bắt đầu và hoàn thành đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3.2 Hợp Đồng này. Mọi sự chậm trễ về tiến độ và thời gian thực hiện Dịch Vụ, trừ khi được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A, đều được coi là vi phạm cơ bản Hợp Đồng này.

b) Trong quá trình thực hiện Dịch Vụ, Bên B phải tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và tất cả các quy định pháp luật có liên quan.

c) Việc thực hiện Dịch Vụ phải đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật về vận chuyển, lắp đặt đối với hàng hóa, vật tư, trang thiết bị và tuân thủ các quy chuẩn, quy định, báo giá đã được Bên A phê duyệt và được Các Bên ghi nhận trong Hợp Đồng này.

d) Sau khi thực hiện Dịch Vụ, Bên B có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ Địa Điểm và thu dọn toàn bộ rác thải, phế liệu phát sinh từ việc thực hiện Dịch Vụ.

e) Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền từ chối ký Biên Bản Nghiệm Thu nếu việc thực hiện Dịch Vụ không đáp ứng các yêu cầu trên.

3.4 Nghiệm thu Dịch Vụ

Các Bên chỉ ký Biên Bản Nghiệm Thu ghi nhận việc Bên B đã hoàn thành Dịch Vụ khi:

Scanned with CamScanner

(i) Bên B đã thực hiện đầy đủ và đúng hạn các hạng mục công việc trong nội dung Dịch Vụ như thỏa thuận trong Hợp Đồng này/các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung khác giữa Các Bên được Các Bên ghi nhận bằng văn bản; và

(ii) Việc thực hiện Dịch Vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A.

b) Trong quá trình nghiệm thu Dịch Vụ nếu phát hiện các lỗi, hỏng hóc, sai sót kỹ thuật hoặc Dịch Vụ được thực hiện chưa theo đúng như thỏa thuận trong Hợp Đồng này thì Các Bên chỉ ký Biên Bản Nghiệm Thu sau khi Bên B, bằng chi phí của mình, đã hoàn thành việc khắc phục các lỗi, sai sót kỹ thuật đó theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng này trong thời hạn mà Bên A yêu cầu, hoặc trong vòng [01 (một) ngày] kể từ thời điểm phát hiện lỗi / hỏng hóc / sai sót kỹ thuật đó nếu Bên A không nêu rõ thời hạn khắc phục. Để làm rõ, thời gian khắc phục vẫn tính vào tiến độ thực hiện Dịch Vụ.

c) Để làm rõ, việc Các Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu không giải phóng Bên B khỏi trách nhiệm phát sinh từ những lỗi kỹ thuật/sai sót/vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện Dịch Vụ mà Bên A không có khả năng nhận biết tại thời điểm nghiệm thu. Trong mọi trường hợp, Bên B có trách nhiệm bằng chi phí của mình khắc phục và bồi thường mọi hậu quả / hỏng hóc phát sinh từ những lỗi kỹ thuật/sai sót/vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện Dịch Vụ. Nếu Bên B vi phạm quy định này, Bên A có quyền:

(i) Tạm ngừng thanh toán (nếu Bên A chưa thanh toán cho Bên B); và/hoặc

(ii) Áp dụng các chế tài theo quy định của pháp luật và quy định của Hợp Đồng này về xử lý vi phạm.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Được cung cấp Dịch Vụ theo đúng quy định của Hợp Đồng này.

b) Chuẩn bị mặt bằng và tạo điều kiện để Bên B tiến hành thực hiện Dịch Vụ.

c) Có quyền cử cán bộ có kinh nghiệm để giám sát và giải quyết mọi việc có liên quan đến kỹ thuật, chất lượng, tiến độ công việc và tổ chức nghiệm thu quyết toán công trình.

d) Thực hiện thanh toán đầy đủ như quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

e) Có quyền khấu trừ các khoản mà Bên B phải thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng này vào Giá Trị Hợp Đồng khi thực hiện thanh toán cho Bên B.

f) Có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba, hoặc trong trường hợp Bên A tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm hợp nhất, sáp nhập, chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, dù là trong quá trình thực hiện công việc hoặc trong thời hạn bảo hành, với điều kiện là việc chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên B theo Hợp Đồng này.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và pháp luật.

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Cung cấp Dịch Vụ cho Bên A theo đúng yêu cầu của Bên A, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật như đã thỏa thuận giữa Các Bên, đảm bảo công việc hoàn thành đúng tiến độ đã cam kết trong Hợp Đồng này.

b) Đảm bảo cập nhật kịp thời tiến độ thực hiện Dịch Vụ cho Bên A, trong trường hợp có nguy cơ không hoàn thành Dịch Vụ kịp thời hạn Bên B phải thông báo trong vòng 03 ngày cho Bên A đồng thời bằng chi phí của mình tiến hành mọi biện pháp đảm bảo Dịch Vụ được hoàn thành đúng hạn, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc bổ sung nhân công và/hoặc tăng giờ làm việc.

Scanned with CamScanner

c) Cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện và có đầy đủ giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Dịch Vụ và sẽ xuất trình các giấy phép này cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ khi Bên A có yêu cầu. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật cũng như bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A trong trường hợp việc thực hiện Dịch Vụ vi phạm những quy định của pháp luật (nếu có).

d) Tuân thủ các quy định, nội quy tại Địa Điểm.

e) Giữ gìn và dọn dẹp vệ sinh trong khu vực thực hiện Dịch Vụ của Bên B, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dịch Vụ.

f) Tuân thủ và chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dịch Vụ, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị, vật tư. Nếu phát hiện bất cứ hiện tượng, nguyên nhân tiềm ẩn nào có thể gây mất an toàn lao động ngoài phạm vi trách nhiệm, ngoài khả năng kiểm soát và giải quyết của mình, phải kịp thời thông báo trong vòng 01 ngày cho Bên A để tìm biện pháp khắc phục.

g) Phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của hàng hóa, thiết bị, vật tư trong quá trình vận chuyển, tháo dỡ và tập kết. Trong quá trình thực hiện Dịch Vụ nếu phát hiện hàng hóa, vật tư, thiết bị bị hư hỏng trước đó phải báo trong vòng 02 ngày cho Bên A để lập biên bản ghi nhận. Bên B có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh đối với phần hàng hóa, vật tư, thiết bị bị hư hỏng, sụt giảm giá trị cho Bên A.

h) Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nếu quá trình thực hiện Dịch Vụ của Bên B gây thiệt hại cho Bên A và/hoặc bên thứ ba.

i) Không được giao khoán lại một phần hoặc toàn bộ Dịch Vụ cho đơn vị khác trừ trường hợp được Bên A đồng ý trước bằng văn bản.

j) Phải đảm bảo có đầy đủ cán bộ giám sát có kinh nghiệm và có thẩm quyền đại diện cho Bên B có mặt tại địa điểm thực hiện Dịch Vụ trong suốt thời gian thực hiện Dịch Vụ để phối hợp giải quyết mọi việc có liên quan đến kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thực hiện và tổ chức nghiệm thu quyết toán việc thực hiện Dịch Vụ.

k) Xuất đầy đủ hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính cho Bên A. Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế/phí phát sinh trong quá trình thực hiện Dịch Vụ cho Bên A theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

l) Cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này và sau khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật ("**Thông Tin Mật**") của Bên A. Theo đó, Bên B không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi không có sự đồng ý bằng văn bản của của Bên A trừ trường hợp quy định dưới đây.

Cho mục đích quy định tại điều này, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được Bên A cung cấp cho Bên B cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của Bên A.

Nghĩa vụ bảo mật sẽ được loại trừ nếu nếu Thông Tin Mật:

đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng bởi Bên A;

được Bên B, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc nhà thầu của

Scanned with CamScanner

Bên B vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên B phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung nêu trên;

(iii) do Bên B nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp Đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc

(iv) được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ toà án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên B.

Bên B đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên A, theo đó Bên A sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn Giá trị Hợp Đồng này.

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và pháp luật.

ĐIỀU 5: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI HỢP ĐỒNG

Nếu một trong Các Bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các điều khoản quy định trong Hợp Đồng mà gây thiệt hại cho Bên kia, Bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu phía Bên kia bồi thường các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật và chịu một khoản phạt vi phạm tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Ngoài ra Bên bị thiệt hại có quyền áp dụng các chế tài khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại các điều khoản khác của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp Đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Khi Các Bên hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại Hợp Đồng;

b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn;

c) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng theo Hợp Đồng này;

d) Một Bên bị giải thể hoặc nộp đơn hoặc bị người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định pháp luật.

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, Bên B có trách nhiệm di dời toàn bộ vật tư, nhân lực, máy móc thiết bị và các tài sản khác thuộc sở hữu của mình ra khỏi Địa Điểm thực hiện Dịch Vụ trong thời hạn nêu trên. Nếu sau khoảng thời gian này Bên B chưa thực hiện việc di dời, Bên A có toàn quyền xử lý đối với các tài sản này mà Bên B không có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện Bên A.

6.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất kỳ khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại nào đối với Bên B và bất kỳ bên có liên quan nào khác trong các trường hợp sau:

a) Bên B thực hiện Dịch Vụ chậm tiến độ;

b) Bên B từ chối thực hiện công việc của Hợp Đồng hoặc không thực hiện công việc trong thời gian 03 ngày liên tục;

c) Bên B tự ý ngừng thực hiện Dịch Vụ mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp được phép của Bên A;

d) Bên B vi phạm các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ vi phạm sau khi có thông báo của Bên A;

e) Bên B không có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện Hợp Đồng theo nhận định của Bên A hoặc không có đủ các giấy phép cần thiết để thực hiện Dịch Vụ;

Scanned with CamScanner

f) Bên B cho phép nhà thầu phụ thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc của Hợp Đồng và phụ lục có liên quan khi chưa nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

6.3 Hệ quả của việc chấm dứt Hợp Đồng

a) Nếu Hợp Đồng chấm dứt theo Điều 6.1, Bên A phải thanh toán cho Bên B đối với các Dịch Vụ đã và đang được thực hiện tại thời điểm chấm dứt.

b) Nếu Hợp Đồng bị Bên A chấm dứt theo Điều 6.2, Bên A có quyền từ chối toàn bộ hoặc một phần Dịch Vụ ở mức độ mà Bên A không thể sử dụng được phần đó hoặc toàn bộ Dịch Vụ. Trong trường hợp này, Bên A phải thanh toán cho phần Dịch Vụ đã được thực hiện mà không bị từ chối, và Bên B phải hoàn trả số tiền đã trả trước cho phần Dịch Vụ bị từ chối tương ứng (nếu có) trong vòng 03 ngày kể từ ngày Hợp Đồng bị chấm dứt.

ĐIỀU 7: CAM KẾT KHÔNG HỐI LỘ

7.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A (gọi chung là "**Người Của Bên B**") sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào không phụ thuộc vào giá trị của tài sản hối lộ (gọi chung là "**Hối Lộ**"), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là "**Người Của Bên A**") hoặc (ii) thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để hối lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này.

Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại hotline: 0988428787
- Email: gopy@vingroup.net

7.2 Nếu Bên B vi phạm quy định tại điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết hợp đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc

b) Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp Đồng/Thỏa thuận mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hối Lộ; và/hoặc

c) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, phạt Bên B 150.000.000 VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) đối với một lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng/Thỏa thuận ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng/Thỏa thuận, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng/Thỏa thuận như trường hợp Hợp Đồng/Thỏa thuận bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B; và/hoặc

Scanned with CamScanner

d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền điều tra về vi phạm pháp luật hình sự.

7.3 Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng này, những sự kiện sau được coi là sự kiện bất khả kháng: Bão lụt, động đất, chiến tranh, hoả hoạn, sự thay đổi của chính sách, pháp luật của nhà nước hoặc các sự kiện khách quan khác.

Với điều kiện:

a) Sự kiện đó hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý hoặc không do lỗi hoặc sơ suất của bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, mặc dù bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ hoặc gián đoạn, đình trệ việc thực hiện nghĩa vụ trong Hợp Đồng này;

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo văn bản cho bên kia, trong đó nêu chi tiết về sự kiện bất khả kháng, các biện pháp đã tiến hành để đề phòng, khắc phục thiệt hại, dự kiến kế hoạch khắc phục và biện pháp giải quyết.

8.2 Trừ khi có ý kiến khác của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tiến hành mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị sự kiện bất khả kháng gây trở ngại. Trong trường hợp một Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 01 tháng, bất kỳ Bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi Bên kia, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Các Bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản đã ký kết của Hợp Đồng.

9.2 Bất kỳ sự thay đổi nào trong Hợp Đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản có sự chấp thuận của đại diện Các Bên và được lập thành phụ lục của Hợp Đồng này. Phụ lục Hợp Đồng được coi như một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

9.3 Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng, Hợp Đồng sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

9.4 Hợp Đồng này được hiểu và điều chỉnh theo pháp luật của Việt Nam.

9.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động chấm dứt khi Các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.

Hợp đồng được lập làm 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL MSDN: 0106250673	M.S.D.N: 0315404415-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH QUẬN - TP HỒ CHÍ MINH
PHÓ GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH	
Nguyễn Duy Khánh	
2024060759/HDMBHHVP-VCR	

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 01:

Đính kèm HĐ Số: 2024060759/HĐMBHHVP-VCR

V/v: Hút bể phốt, bể mỡ tại TTTM Vincom khu vực Miền Tây – VCR VH

TT	Nội dung	dvt	Hút bể phốt				Hút bể mỡ				Tổng thành tiền	Chi chú
			Số lượng	Tần suất / năm	Đơn giá	Thành tiền / năm	Số lượng	Tần suất / năm	Đơn giá	Thành tiền / năm		
						-				-		
1	Vincom Plaza Xuân Khánh, Cần Thơ	m3	175	2	220.000	77.000.000	46	2	220.000	20.240.000	97.240.000	VH - dự kiến T4,10
		m3	175	2	220.000	77.000.000	46	2	220.000	20.240.000	97.240.000	
2	Vincom Plaza Hùng Vương, Cần Thơ	m3	80	1	220.000	17.600.000	20	1	220.000	4.400.000	22.000.000	VH - dự kiến T10
3	Vincom Plaza Long Xuyên, An Giang	m3	60	1	220.000	13.200.000	10	1	220.000	2.200.000	15.400.000	VH - dự kiến T10
4	Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang	m3	40	1	220.000	8.800.000	25	1	220.000	5.500.000	14.300.000	VH - dự kiến T4,10
6	Vincom Plaza Hậu Giang	m3	20	1	220.000	4.400.000	10	1	220.000	2.200.000	6.600.000	VH - dự kiến T10
7	Vincom Plaza Vĩnh Long	m3	50	1	220.000	11.000.000	20	1	220.000	4.400.000	15.400.000	VH - dự kiến T11
8	Vincom Plaza Trà Vinh	m3	26	1	220.000	5.720.000	34	1	220.000	7.480.000	13.200.000	VH - dự kiến T11
14	Vincom+ Bạc Liêu	m3	20	1	220.000	4.400.000	10	1	220.000	2.200.000	6.600.000	VH - dự kiến T8
						-				-		
	Tổng cộng chưa VAT					**219.120.000**				**68.860.000**	**287.980.000**	

Scanned with CamScanner

CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 61/PCCC

V/v nghiệm thu về PCCC đối với công trình Trung tâm thương mại Vincom Rạch Giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2017

BẢN SAO

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Theo đơn đề nghị nghiệm thu số 2621/2017/CV-VGR ngày 07/4/2017 của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP về việc nghiệm thu về PCCC cho công trình Trung tâm thương mại Vincom Rạch Giá; căn cứ biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Kiên Giang lập ngày 16/4/2017 và hồ sơ nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình Trung tâm thương mại Vincom Rạch Giá (không bao gồm Cụm rạp chiếu phim CGV-Kiên Giang), địa chỉ tại Lô A12, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang với các nội dung sau:

1/. Giao thông cho phương tiện chữa cháy hoạt động;
2/. Bậc chịu lửa công trình;
3/. Lối và đường thoát nạn;
4/. Hệ thống báo cháy tự động;
5/. Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
6/. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường; hệ thống sprinkler bằng nước; hệ thống màng ngăn nước Drencher;
7/. Hệ thống chữa cháy tự động khí Ni tơ;
8/. Hệ thống hút khói;
9/. Hệ thống chống sét;
10/. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Tập đoàn Vingroup - Công ty CP cần thực hiện yêu cầu kèm theo sau đây:

Duy trì các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ trong suốt quá trình hoạt động./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Văn M...

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2586 Quyển số: 01 -SCT/BS
Ngày 16 Tháng 7 Năm 2019
CHỦ TỊCH
Trần Thanh Thong

CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 264 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1016/CV-VG ngày 09/11/2016 của: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Người đại diện là Ông/Bà: Dương Thị Mai Hoa Chức danh: Tổng giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VINCOM RẠCH GIÁ

Địa điểm xây dựng: lô A12, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Xây dựng ANT

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông cho phương tiện chữa cháy hoạt động;
- Bậc chịu lửa công trình; lối, đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chống sét
- Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường; hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước;
- Hệ thống màn nước ngăn cháy Drencher; hệ thống chữa cháy khí Nitơ; hệ thống hút khói, tăng áp
- Trang bị, bố trí bình chữa cháy xách tay; phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;
- Giải pháp phòng cháy và chữa cháy cho hệ thống cấp khí đốt trung tâm giai đoạn 1 và giai đoạn 2.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Kiên Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- ;
- Lưu: PCCC(TM).

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Văn Mót

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Bản vẽ tổng mặt bằng		
02	Bản vẽ kiến trúc		
03	Bản vẽ báo cháy tự động		
04	Bản vẽ hệ thống họng nước chữa cháy vách tường		
05	Bản vẽ hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước		
06	Bản vẽ hệ thống màn nước ngăn cháy Drencher; hệ thống chữa cháy khí Nitơ; hệ thống hút khói;tăng áp		
07	Bản vẽ Trang bị, bố trí bình chữa cháy xách tay; phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn		
08	Bản vẽ hệ thống chống sét; bản vẽ hệ thống cấp khí đốt trung tâm		
09	Công văn kèm theo.		

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **238901**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	84.300	-	265.206.500
	(kèm theo bảng kê số 1503332418 ngày 11 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**265.206.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**21.216.520**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**286.423.020**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn không trăm hai mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 11/ 03/ 2025 10:54:56

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **239006**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	82.800	-	264.016.000
	(kèm theo bảng kê số 1504198617 ngày 25 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**264.016.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**21.121.280**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**285.137.280**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 25/ 03/ 2025 07:41:08

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **318231**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	80.400	-	250.590.000
	(kèm theo bảng kê số 1511225011 ngày 01 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**250.590.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**20.047.200**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**270.637.200**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 01/ 04/ 2025 19:54:16

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **318284**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025	kWh	94.300	-	303.168.500
	(kèm theo bảng kê số 1514447741 ngày 11 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**303.168.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**24.253.480**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**327.421.980**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 11/ 04/ 2025 14:59:01

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 24 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **318393**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 11/04/2025 đến ngày 20/04/2025	kWh	85.000	-	266.689.000
	(kèm theo bảng kê số 1515163834 ngày 24 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**266.689.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**21.335.120**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**288.024.120**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm tám mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 24/ 04/ 2025 09:12:49

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Rạch Giá - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **398685**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	85.900	-	273.414.500
	(kèm theo bảng kê số 1522499208 ngày 01 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**273.414.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**21.873.160**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**295.287.660**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 01/ 05/ 2025 18:39:16

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **399157**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	90.900	-	291.067.500
	(kèm theo bảng kê số 1525375278 ngày 11 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**291.067.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**23.285.400**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**314.352.900**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 11/ 05/ 2025 10:37:03

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **399269**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	88.500	-	289.413.900
	(kèm theo bảng kê số 1526199075 ngày 25 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**289.413.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**23.153.112**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**312.567.012**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm mười hai triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm mười hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 25/ 05/ 2025 12:11:41

CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-024**

Địa chỉ *(Address):* Số 77, đường Cô Bắc, P.Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG - Số TK: 111000016242 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTA**

Số *(No):* **480711**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Chi Nhánh Tại Tỉnh Kiên Giang-Công Ty TNHH Vận Hành Vincom Retail

Mã số thuế *(Tax code):* 0106250673-014 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* Lô A12 Khu Phố 1,đường Cô Bắc,P.Vĩnh Thanh Vân,TP Rạch Giá,T.Kiên Giang,Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB13010077094

Số tài khoản*(Account No):*19026983030017 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	89.300	-	301.211.900
	(kèm theo bảng kê số 1532816727 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**301.211.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**24.096.952**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**325.308.852**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm hai mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn tám trăm năm mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC KIÊN GIANG
Ngày ký: 02/ 06/ 2025 17:36:13

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1K25TAA**

Số: **00386247**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 17 tháng 03 năm 2025

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG

Mã số thuế: 1700105659

Địa chỉ: Số 206, đường Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02973862131

TÊN KHÁCH HÀNG: CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL

Mã số thuế: 0106250673-014

Địa chỉ: Lô A12,Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Danh bộ: 1M0019C **Kỳ hóa đơn:** 03/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng nước tiêu thụ (m3)
152.779	154.622	1.843
Mục đích sử dụng (m3)	**Đơn giá**	**Thành tiền**
KDDV: 1.843	14.400	26.539.200

Tổng tiền nước tính thuế:	26.539.200
Tiền thuế GTGT: 5%	1.326.960
Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH:	
Giá dịch vụ thoát nước:	4.238.900
Tiền thuế GTGT: 8%	339.112
Tổng số tiền:	32.444.172

Bằng chữ: *Ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi hai đồng*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG**
Ký ngày: 17/03/2025 17:39:37

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: ***https://kiwaco.vn***

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 16 tháng 04 năm 2025

Ký hiệu: **1K25TAA**

Số: **00457112**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG

Mã số thuế: 1700105659

Địa chỉ: Số 206, đường Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02973862131

TÊN KHÁCH HÀNG: CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL

Mã số thuế: 0106250673-014

Địa chỉ: Lô A12,Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Danh bộ: 1M0019C **Kỳ hóa đơn:** 04/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng nước tiêu thụ (m3)
154.622	156.130	1.508
Mục đích sử dụng (m3)	**Đơn giá**	**Thành tiền**
KDDV: 1.508	14.400	21.715.200

Tổng tiền nước tính thuế:	21.715.200
Tiền thuế GTGT: 5%	1.085.760
Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH:	
Giá dịch vụ thoát nước:	3.468.400
Tiền thuế GTGT: 8%	277.472
Tổng số tiền:	26.546.832

Bằng chữ: *Hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG**
Ký ngày: 16/04/2025 17:14:38

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: ***https://kiwaco.vn***

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 16 tháng 05 năm 2025

Ký hiệu: **1K25TAA**

Số: **00639020**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG

Mã số thuế: 1700105659

Địa chỉ: Số 206, đường Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02973862131

TÊN KHÁCH HÀNG: CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL

Mã số thuế: 0106250673-014

Địa chỉ: Lô A12,Đường Cô Bắc, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Danh bộ: 1M0019C **Kỳ hóa đơn:** 05/2025

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng nước tiêu thụ (m3)
156.130	157.734	1.604
Mục đích sử dụng (m3)	Đơn giá	Thành tiền
KDDV: 1.604	14.400	23.097.600

Tổng tiền nước tính thuế:	23.097.600
Tiền thuế GTGT: 5%	1.154.880
Phí bảo vệ môi trường đối với NTSH:	
Giá dịch vụ thoát nước:	3.689.200
Tiền thuế GTGT: 8%	295.136
Tổng số tiền:	28.236.816

Bằng chữ: *Hai mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười sáu đồng*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH 01 TV CẤP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG**
Ký ngày: 16/05/2025 15:51:36

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: ***https://kiwaco.vn***

PHỤ LỤC 2: BẢN VẼ

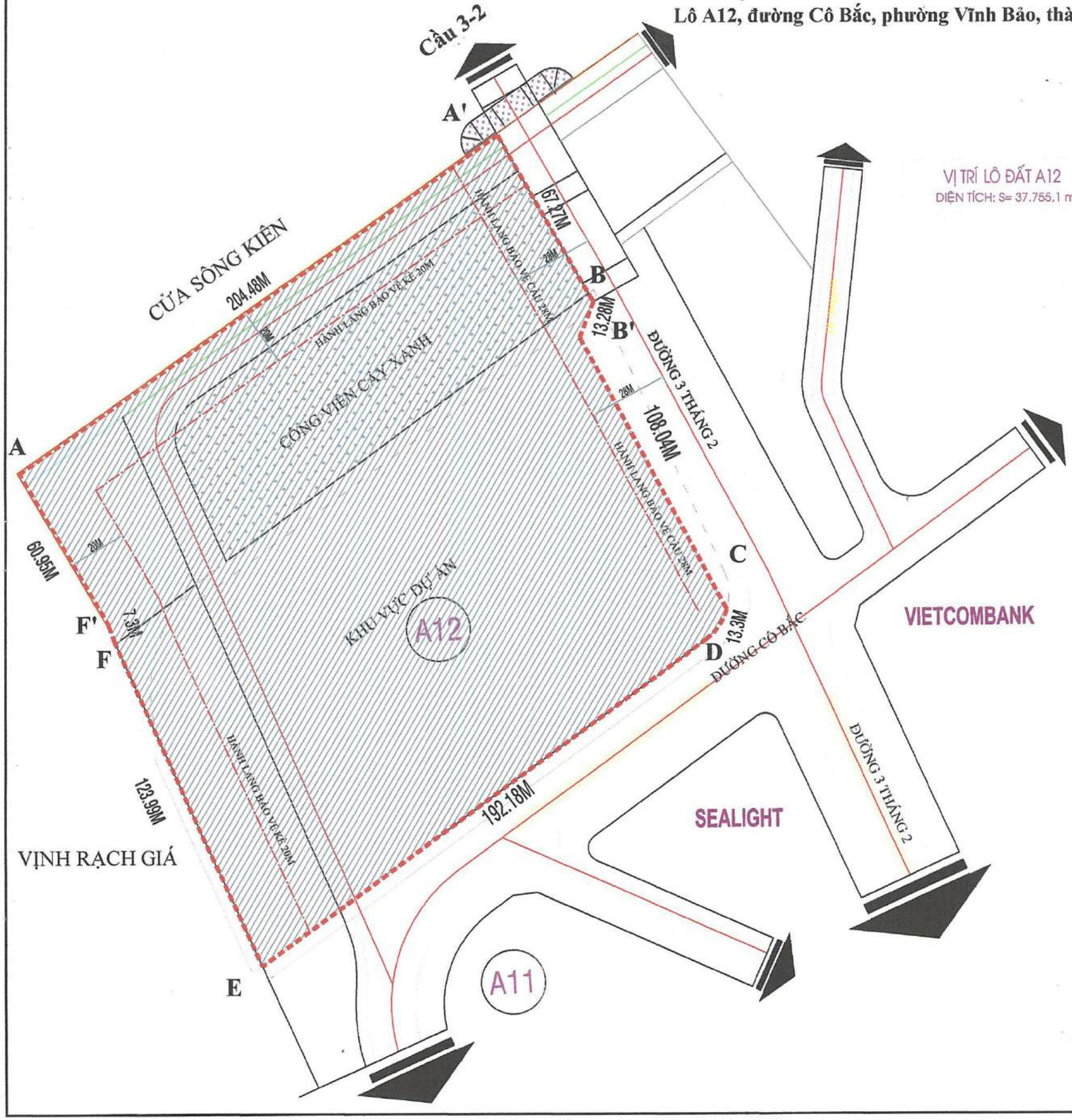
VỊ TRÍ DỰ ÁN "TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ"

Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

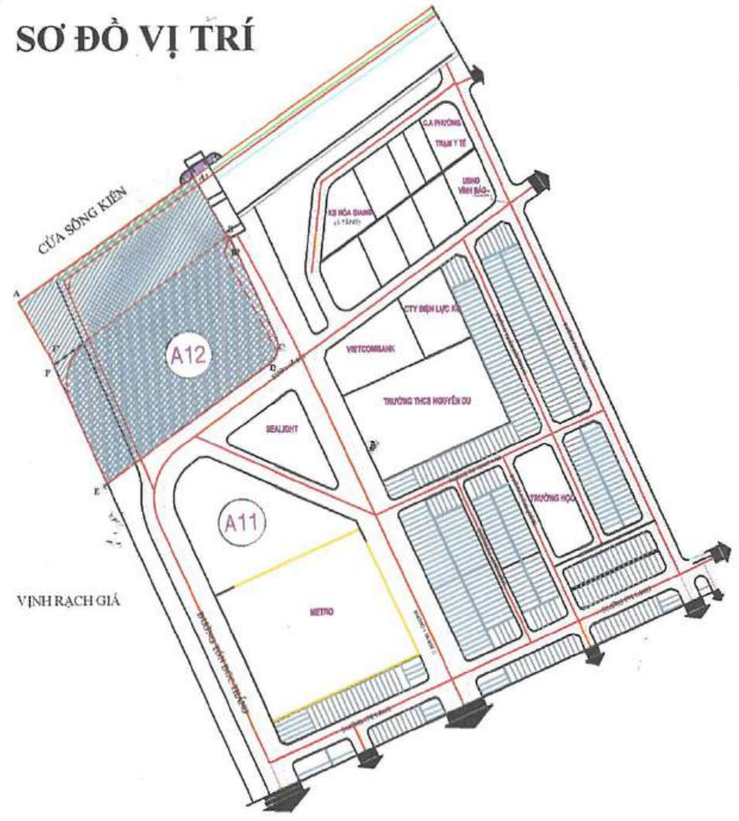
TỶ LỆ XÍCH

0 10M 30M 50M

20M 40M



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



* KHU ĐẤT ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM A,A',B,B',C,D,E,F,F':

- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP ĐƯỜNG 3 THÁNG 2: CẠNH A'B=67,27M; BB'=13,28M; B'C=108,04M
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP ĐƯỜNG CÔ BẮC: CẠNH CD=18,3M; DE=192,18M
- PHÍA TÂY NAM GIÁP VỊNH RẠCH GIÁ (BIỂN): CẠNH EF=123,99M; FF'=7,3M; F'A=60,95M
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP CỬA SÔNG KIÊN: CẠNH AA'=204,48M

* QUI MÔ QUI HOẠCH : 37.755,1 M2

RANH QUY HOẠCH

KHU ĐẤT QUY HOẠCH

ĐƯỜNG DẪN VÀO CẦU

ĐƯỜNG 3-2

PHẠM VI BẢO VỆ CẦU

SEALIGHT

ĐƯỜNG CỔ BẮC

LỐI XUỐNG TẦNG HẦM

SÂNH TT THƯƠNG MẠI

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ

ĐƯỜNG NỘI BỘ

PHẠM VI BẢO VỆ KÈ

CÔNG VIÊN CÂY XANH

CỬA SÔNG KIÊN

VỊNH RẠCH GIÁ

Đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa thành phố

ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG

CHÚ THÍCH

①	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
②	SHOP HOUSE
③	SÂN VƯỜN - TIỂU CẢNH
④	TRẠM BIẾN ÁP
⑤	BỂ NƯỚC NGẦM
	RANH GIỚI KHU ĐẤT
	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
	Hố ga thu nước mưa trực tiếp
	Hố ga thăm
	Đường thoát nước mưa
	Hướng nước chảy
D300-I0.5%-L37M	Đường kính – độ dốc – chiều dài

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



CÔNG TRÌNH:

VINCOM RẠCH GIÁ

ĐỊA ĐIỂM XD :

Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ XÂY DỰNG VINCOM 1

ĐC: Số 7 - Đường Bằng Lăng 1 - KĐT Vinhomes Riverside - P.Việt Hưng - Q.Long Biên - TP.Hà Nội

TEL: 04.3974.9999 FAX:04.3974.9999

Người kiểm:	Ngày:
Người duyệt:	Ngày:

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CTY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

ĐC: Số 04 Tôn Thất Tùng - Q.Đống Đa - Hà Nội

Người kiểm:	Ngày:
Người duyệt:	Ngày:

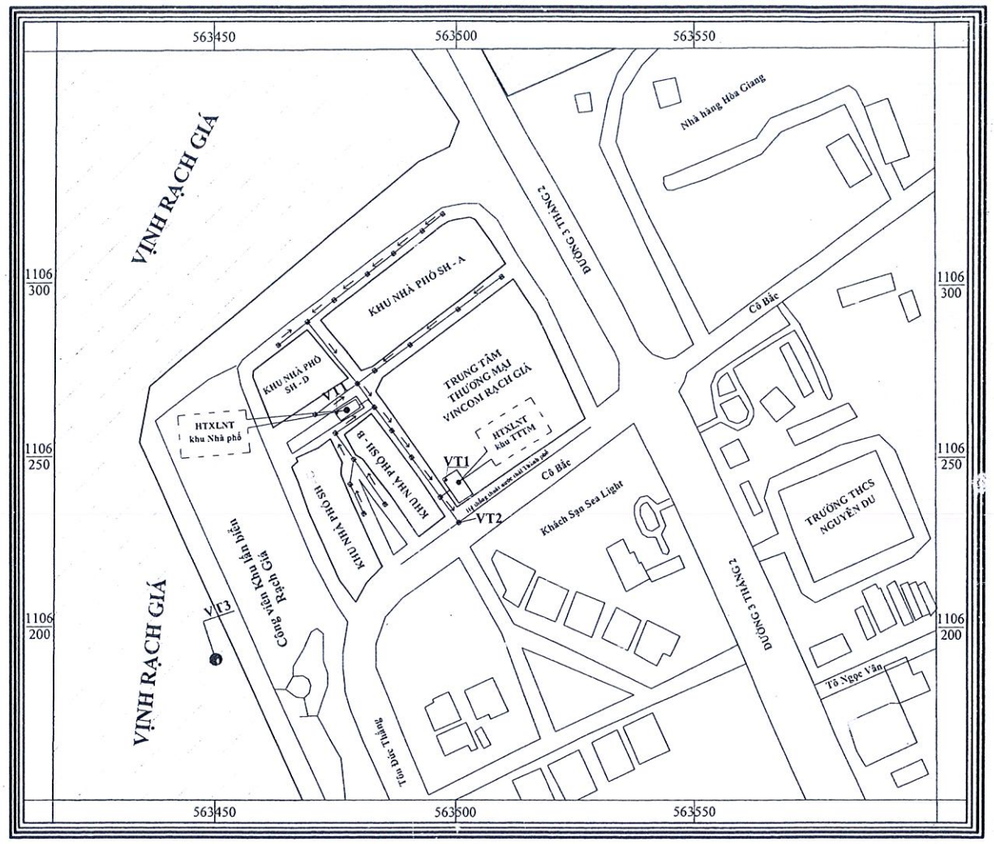
HẠNG MỤC:

THI CÔNG HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CẢNH QUANG NGOÀI NHÀ KHU VỰC TTTM VÀ SHOPHOUSE

TÊN BẢN VẼ:	MB TỔNG THỂ HTTN THẢI
SỐ HIỆU BẢN VẼ:	
NGÀY LẬP BVT:	12/12/ 2016
TỶ LỆ BẢN VẼ:	1:1
TỶ LỆ:	A0

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC CỦA CÔNG TY TNHH VINCOM RETAIL MIỀN NAM CHO DỰ ÁN "TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ"

Địa điểm: Lô A12, đường Cô Bắc, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá. tỉnh Kiên Giang



Tỷ lệ 1:10 000

Sơ đồ này kèm theo Quyết định cho phép xả thải vào nguồn nước số..... ngày ..... tháng ..... năm 2021.

Do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp cho Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam.

- Công trình xả thải lưu lượng 110 m^3/ngày đêm.
- Tọa độ điểm xả thải và điểm tiếp nhận nước thải như sau:

Ký hiệu	Vị trí các điểm xả thải	Tọa độ	
		X	Y
I.	**Hệ thống xử lý nước thải khu Trung tâm thương mại**		
VT1	Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	1106233	563483
VT2	Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung	1106197	563496
II.	**Hệ thống xử lý nước thải khu Nhà phố thương mại**		
VT1	Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	1106254	563442
VT2	Điểm tiếp nhận tại cống thoát nước chung	1106197	563496
III.	**Nguồn nước tiếp nhận**		
VT3	Điểm tiếp nhận tại biển ven bờ	1106149	563398

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°)

- Thời hạn cấp phép ..... năm (từ năm ..... đến năm .....)

Kiên Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2021

UBND TỈNH KIÊN GIANG

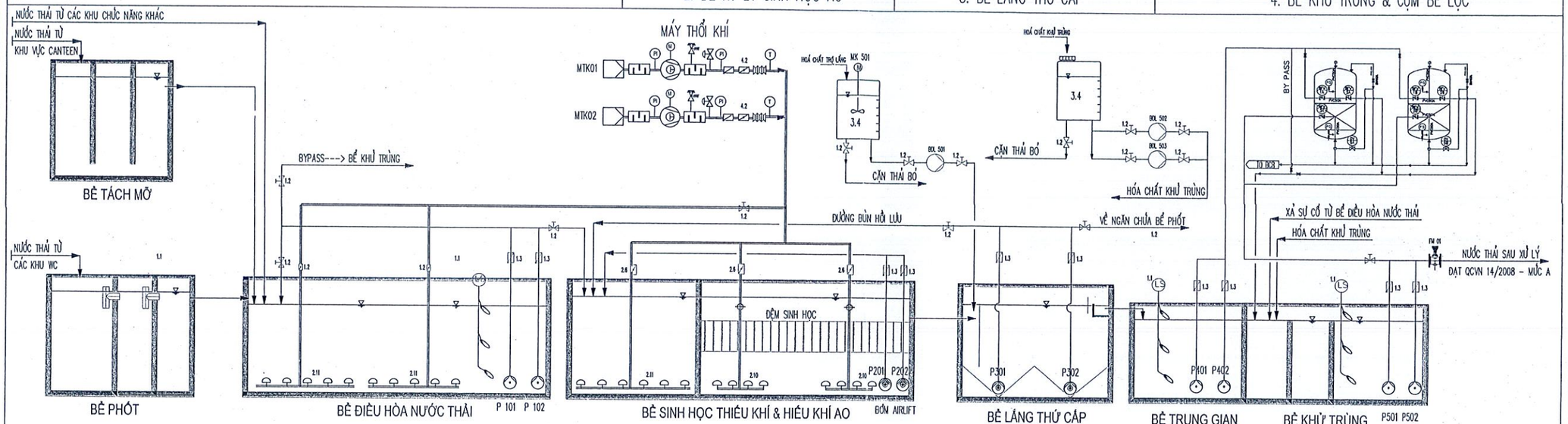
CHỦ TỊCH

Lâm Minh Thành

ĐƠN VỊ LẬP	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ KIỂM TRA	
CÔNG TY TNHH MTV TM DV & MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NGUYÊN	CÔNG TY TNHH VINCOM RETAIL MIỀN NAM	PHÒNG TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KIÊN GIANG
Nguyễn Ngọc Anh	Huỳnh Kỳ Như	Đỗ Văn Thành	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đoàn Hữu Thắng

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TTTM
CÔNG SUẤT: 110 M3/NGÀY

1. BỂ PHỐT & BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI	2. BỂ XỬ LÝ SINH HỌC AO	3. BỂ LẮNG THỨ CẤP	4. BỂ KHỬ TRÙNG & CỤM BỂ LỌC

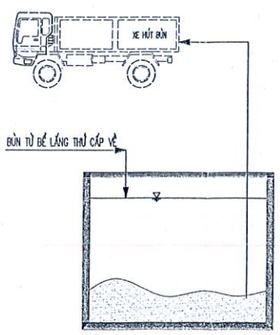


GHI CHÚ & CHÚ THÍCH	5. XỬ LÝ BÙN	6. CỤM XỬ LÝ KHÍ THẢI & MÙI

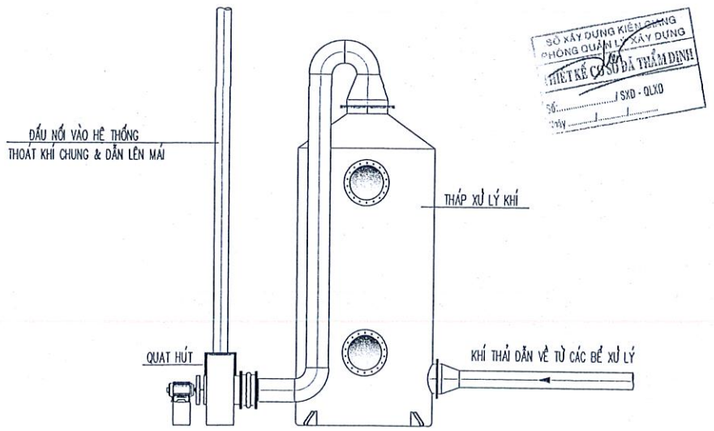
KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT BỊ
1.1	THIẾT BỊ ĐO MỨC
1.2	VAN HAI CHIỀU
1.3	VAN MỘT CHIỀU
P101 P102	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
P201 P202	BƠM TUẦN HOÀN
P301 P302	BƠM BÙN
P401 P402	BƠM NƯỚC SAU XỬ LÝ
BDL501, 502	BƠM ĐỊNH LƯỢNG HOÁ CHẤT
3.4	BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
2.10	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ MỊN, BỂ SINH HỌC
2.11	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ BỌT THÔ
FM01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG SAU XỬ LÝ

GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- ĐO MỨC ON/OFF
- ĐO DO
- THIẾT BỊ ĐO PH
- KÝ HIỆU BƠM
- THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG
- VAN KHOÁ – VAN TAY
- VAN ĐIỀU KHIỂN
- BƠM ĐỊNH LƯỢNG
- ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SẠCH
- ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG BÙN THẢI
- ĐƯỜNG HOÁ CHẤT
- ĐƯỜNG KHÍ



NGĂN CHỨA CẶN BỂ PHỐT



CỤM XỬ LÝ KHÍ

SỞ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Số: ... /SXD - QLXD
Ngày ... / ... / ...

SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

No.7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside City, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

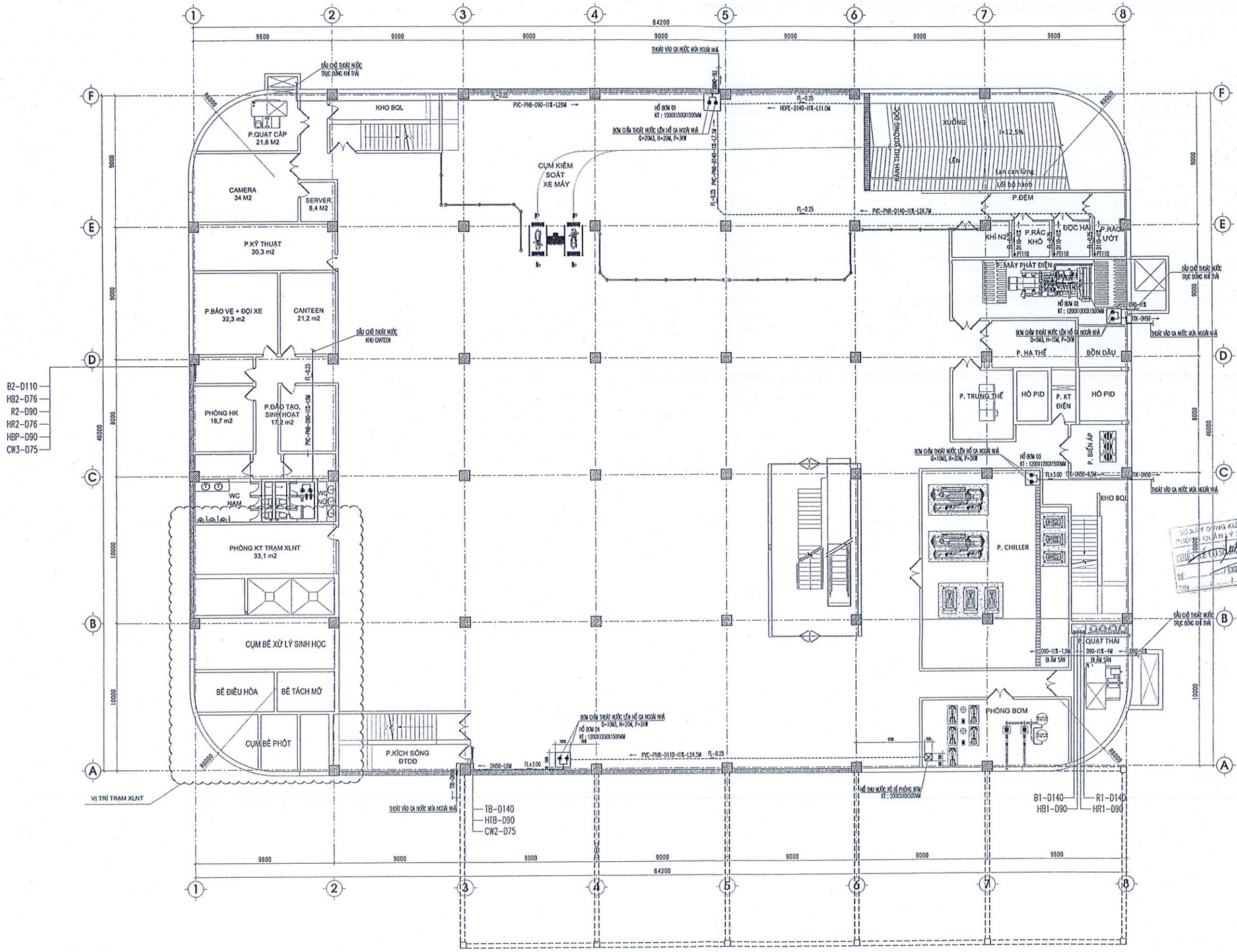
GIAI ĐOẠN

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

VC.RG.CS.N.TXL.01

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY A1



SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

No.7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside City, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

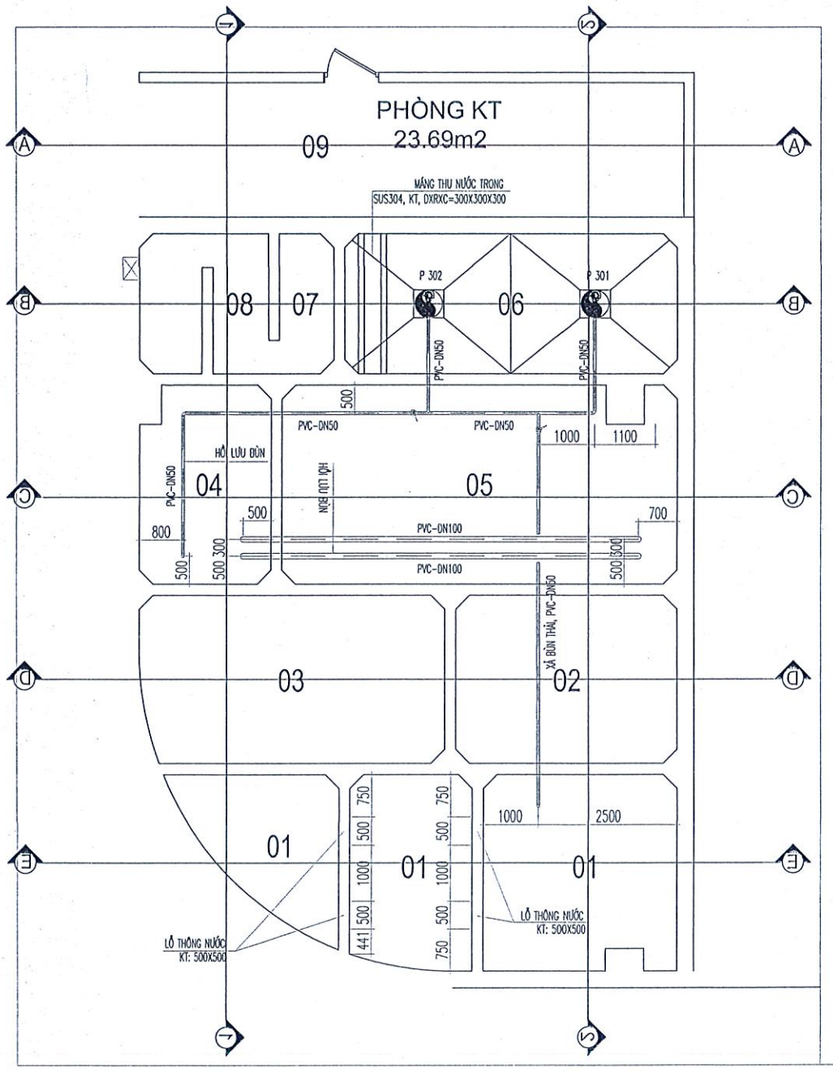
TÊN B/ **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

GIAI ĐOẠN: HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

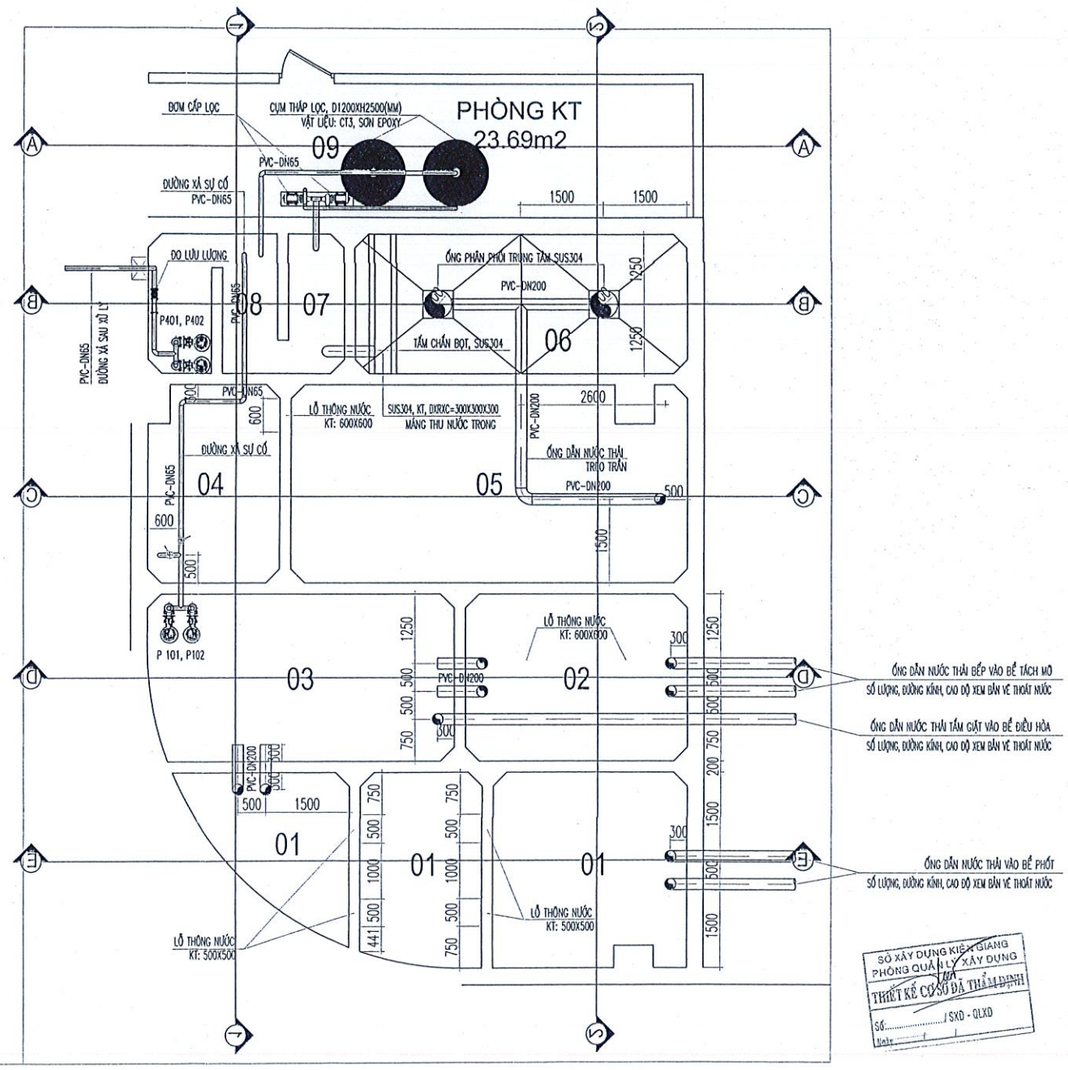
KÝ HIỆU BẢN VẼ: **N.TXL.02**

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY: A1

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG BÙN



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI



SỞ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐÃ THẨM ĐỊNH
Số: ...../ SXD - QLXD
Date: / /

01	CỤM BỂ PHỐT	06	BỂ LẮNG THỨ CẤP
02	BỂ TÁCH MỠ	07	BỂ TRUNG GIAN
03	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI	08	BỂ KHỬ TRÙNG & NGĂN CHỨA NƯỚC
04 05	CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	09	PHÒNG KỸ THUẬT ĐẶT MÁY

SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP
- CÔNG TY CP

No.7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside, Phuc Loi, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG BÙN, ỐNG NƯỚC THẢI

GIAI ĐOẠN

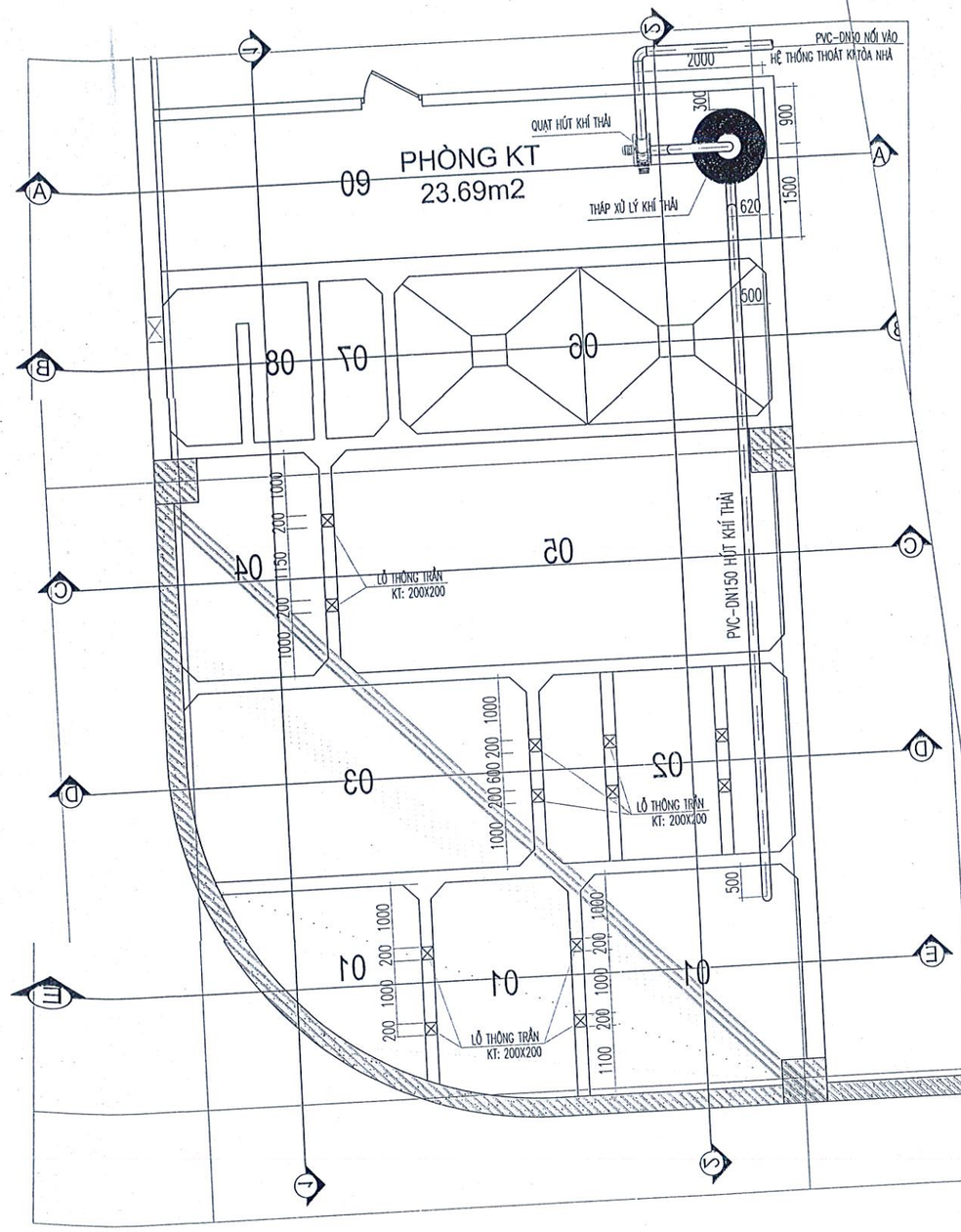
HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

KÝ HIỆU BẢN

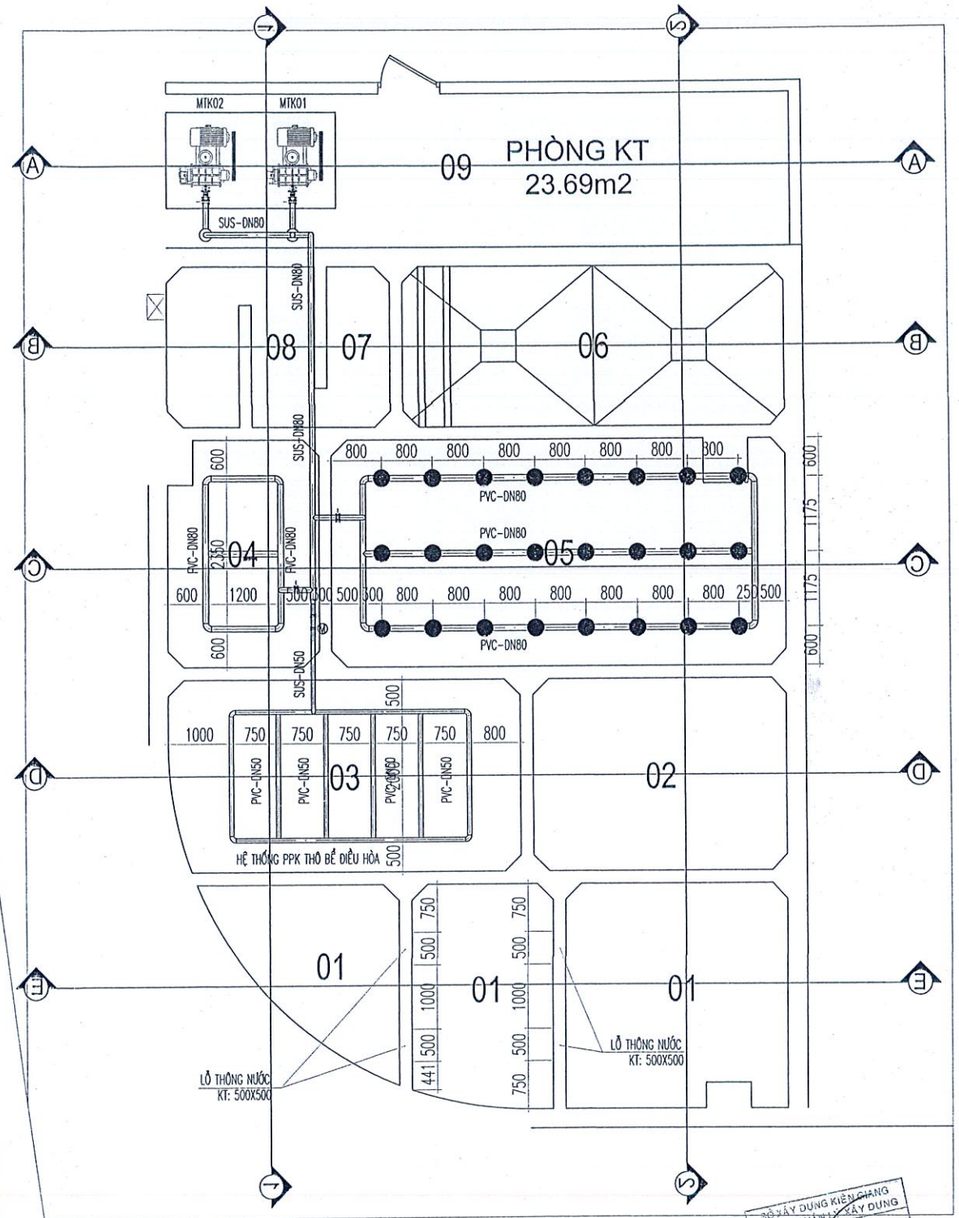
VC.RG.CS.N.TXL.03

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY A1

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THU KHÍ THẢI



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ



01	CỤM BỂ PHỐT	06	BỂ LẮNG THỨ CẤP
02	BỂ TÁCH MỠ	07	BỂ TRUNG GIAN
03	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢ	08	BỂ KHỬ TRÙNG & NGĂN CHỨA NƯỚC
04 05	CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	09	PHÒNG KỸ THUẬT ĐẶT MÁY

SỞ XÂY DỰNG KIÊN GIANG
PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THIẾT KẾ CƠ SỞ ĐÃ THẨM ĐỊNH
SỐ: /SXD - QLXD
NGÀY:

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Phương

No.7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside CKC, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THU KHÍ THẢI, ỐNG CẤP KHÍ

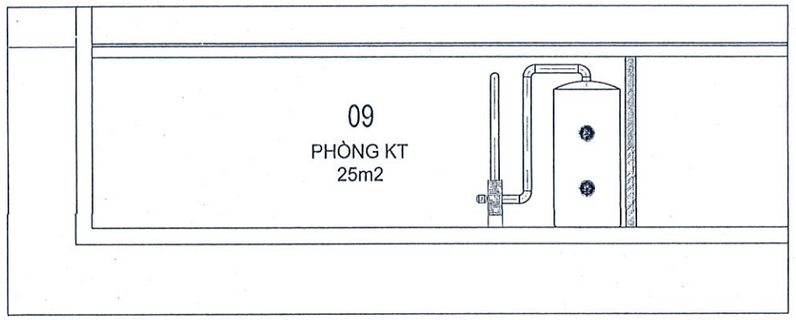
GIAI ĐOẠN

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

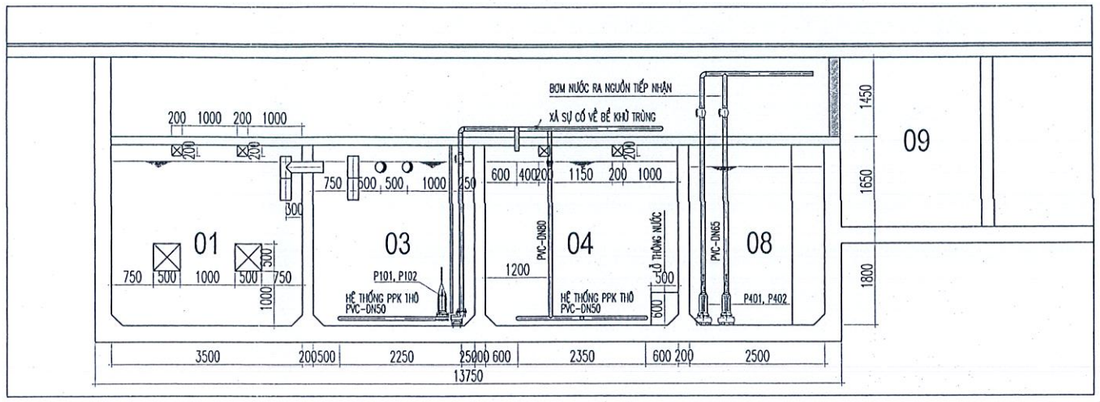
KÝ HIỆU BẢN VẼ **N.TXL.04**

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY A1

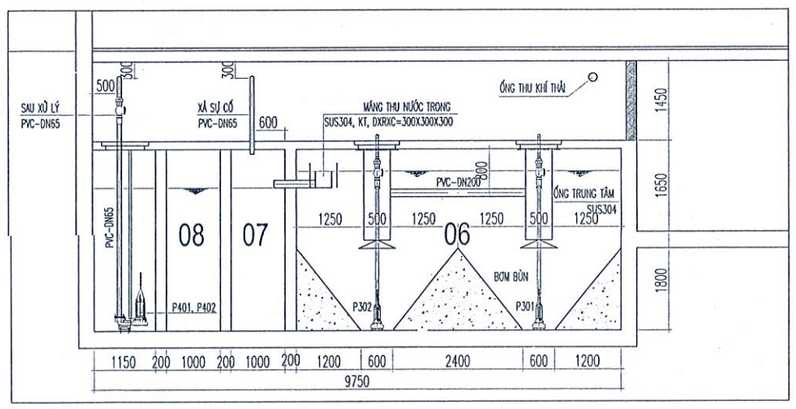
MẶT CẮT A-A



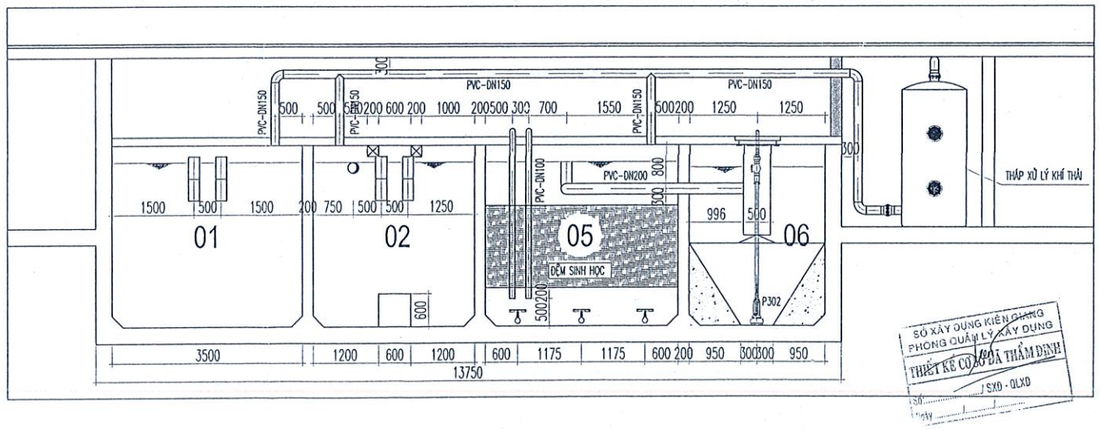
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT 2-2



SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

No.7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside City, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

MẶT CẮT

TÊN BẢN VẼ

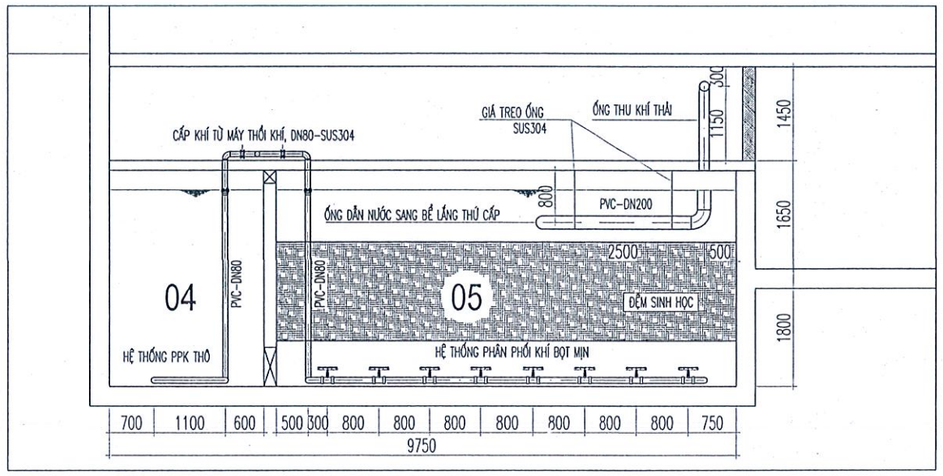
GIAI ĐOẠN

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

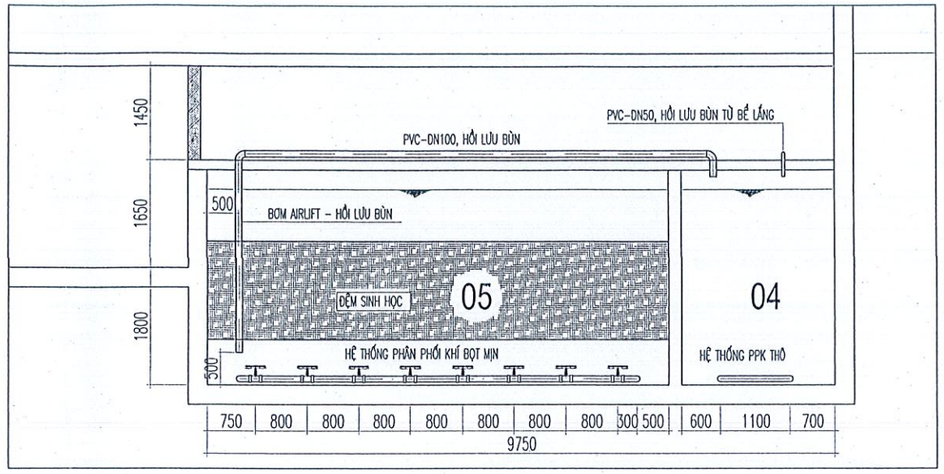
KÝ HIỆU BẢN VẼ N.TXL.05

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY A1

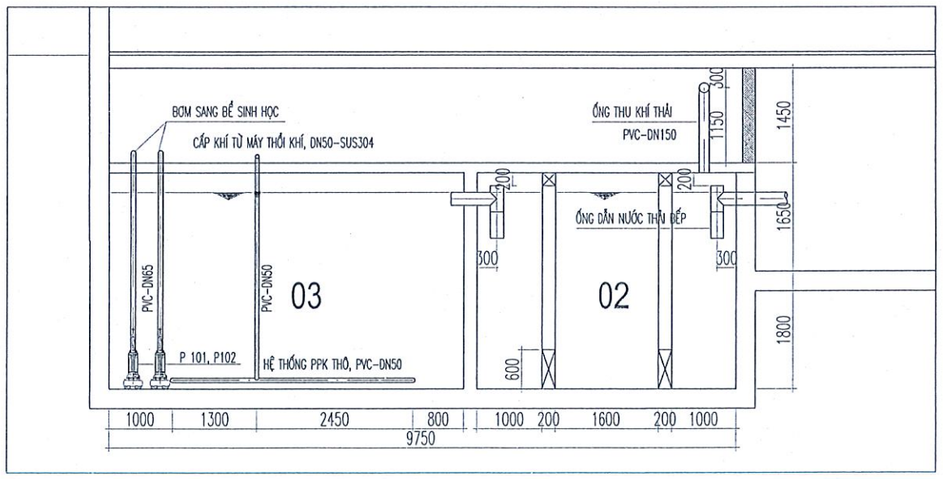
MẶT CẮT C-C (ĐƯỜNG NƯỚC & KHÍ)



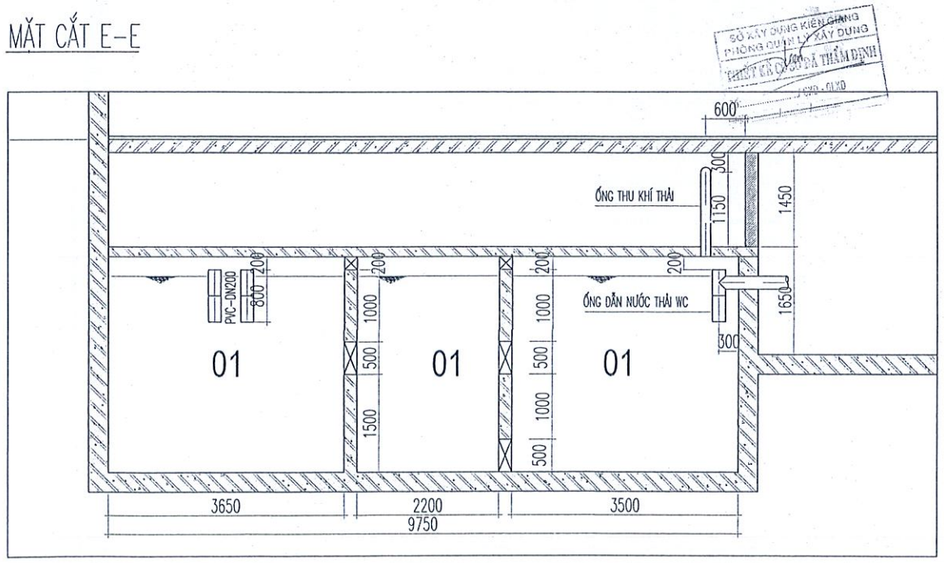
MẶT CẮT C-C (ĐƯỜNG BÙN & KHÍ)



MẶT CẮT D-D



MẶT CẮT E-E



SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

PHÒNG GIÁM ĐỊNH VÀ QLXDCB

CHỦ ĐẦU TƯ

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

No 7, Bang Lang 1 street, Vinhomes Riverside, Long Bien district, HN, VN
www.vingroup.net

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Khương

TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG ANT

No.4 / 92, Tran Dai Nghia street, Hai Ba Trung district, Ha Noi, Viet Nam
www.anta.vn

Ngày		
Giám đốc	TRẦN TUẤN TRUNG	
Chủ nhiệm dự án	TRƯƠNG TH. MINH	
Chủ trì	VŨ XUÂN DỤ	
Thiết kế	MAI THANH TÙNG	
Vẽ	LÊ PHÚ	
Kiểm	VŨ XUÂN DỤ	

TÊN CÔNG TRÌNH

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ PHỐ VINCOM RẠCH GIÁ

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT

GIAI ĐOẠN

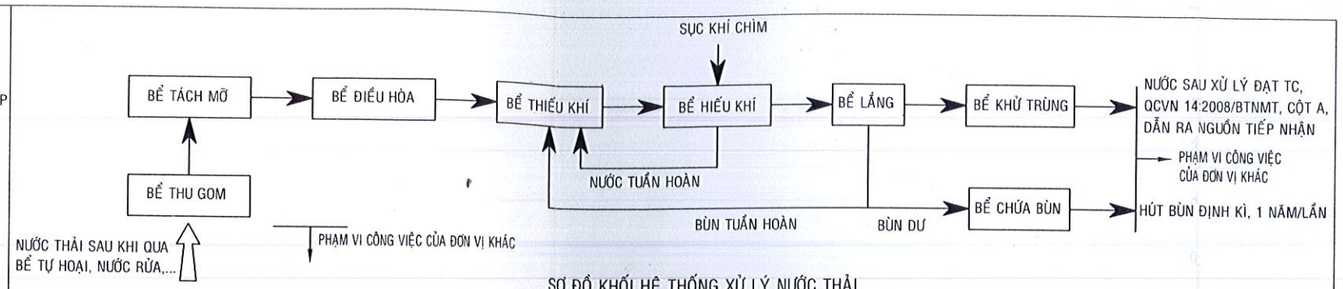
HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

KÝ HIỆU BẢN VẼ **N.TXL.06**

TỶ LỆ | KHỔ GIẤY A1

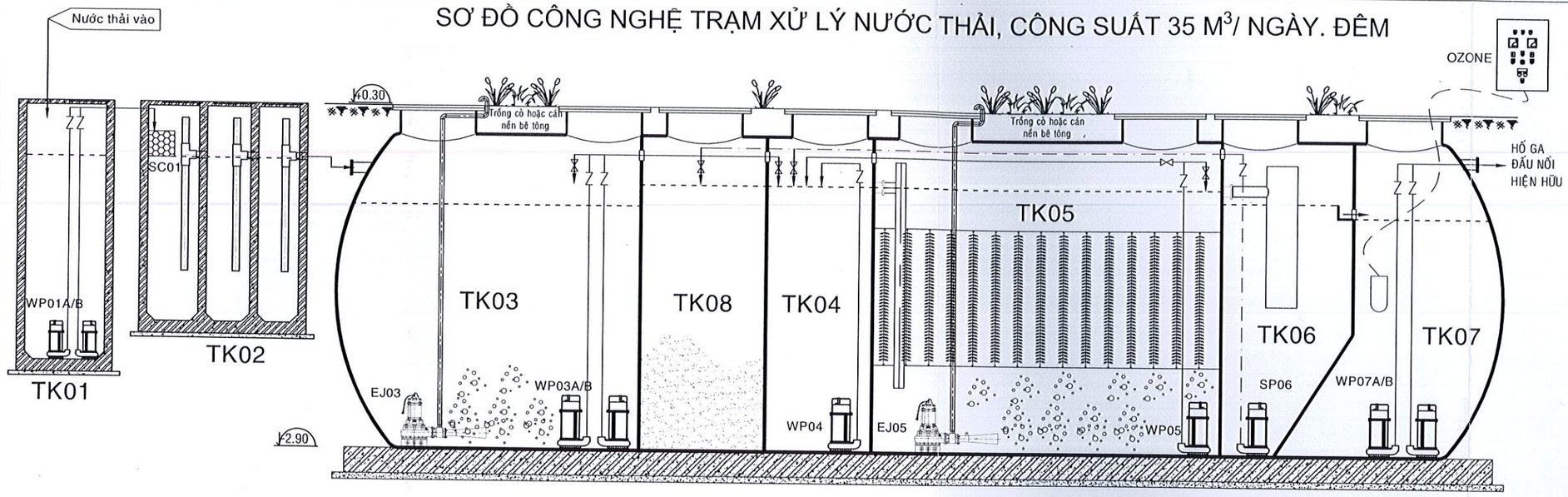
GHI CHÚ:

	VAN 2 CHIỀU	2A	CẦU CHÌ
	VAN 1 CHIỀU	D.O.L	BỘ KHỞI ĐỘNG TRỰC TIẾP
	BƠM CHÌM	⊗	ĐÈN CHỈ THỊ
	SỤC KHÍ CHÌM		ỐNG DẪN NƯỚC THẢI
	BƠM ĐỊNH LƯỢNG		ỐNG DẪN KHÍ
	NGẮT MẠCH TỰ ĐỘNG		ỐNG BÙN
			ỐNG DẪN HÓA CHẤT

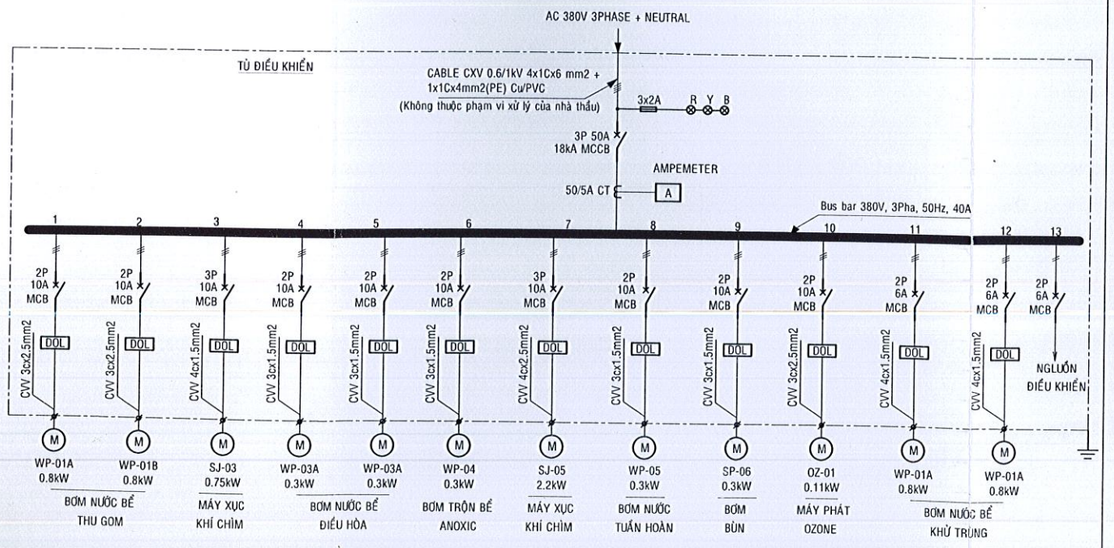


SƠ ĐỒ KHỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 35 M^3/ NGÀY. ĐÊM



GHI CHÚ:		VỊ TRÍ LẮP ĐẶT
TK01	: BỂ THU GOM	
TK02	: BỂ TÁCH MỠ	
TK02	: BỂ ĐIỀU HÒA	
TK03	: BỂ ANOXIC	
TK04	: BỂ HIẾU KHÍ	
TK05	: BỂ LẮNG SINH HỌC	
TK06	: BỂ KHỬ TRÙNG	
TK07	: BỂ CHỨA BÙN	
EJ03/05	: MÁY SỤC KHÍ CHÌM	BỂ HIẾU KHÍ
CP01	: TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN	NHÀ ĐIỀU HÀNH
SC01	: SONG CHẮN RÁC	BỂ ĐIỀU HÒA
OZONE	: MÁY PHÁT OZONE	NHÀ ĐIỀU HÀNH
SP04	: BƠM BỂ LẮNG SINH HỌC	BỂ LẮNG
WP01A/B	: BƠM THU GOM NƯỚC THẢI	BỂ THU GOM
WP03A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	BỂ ĐIỀU HÒA
WP04	: BƠM TRỘN BỂ ANOXIC	BỂ ANOXIC
WP05	: BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN	BỂ HIẾU KHÍ
WP07A/B	: BƠM BỂ KHỬ TRÙNG	BỂ KHỬ TRÙNG



SƠ ĐỒ ĐƠN TUYẾN TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH:

KHU VỰC SHOPHOUSE - DỰ ÁN VINCOM RẠCH GIÁ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
PHƯỜNG VĨNH BẢO, TP. RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH VINCOM RETAIL MIỀN NAM

ĐC: SỐ 72 LÊ THÁNH TÔN VÀ 45A LÝ TỰ TRỌNG, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1,TP. HCM

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

CTY TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG VINCOM

ĐC: Số 7 - Đường Bằng Lăng 1 - KĐT VinHomes Riverside - P.Việt Hưng - Q.Long Biên - TP.Hà Nội

TEL: 04.3974.9999 FAX:04.3974.8888

NHÀ THẦU THI CÔNG :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

D:\BJ_WORKING\logo moi.png

ĐC: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH, P.22, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM

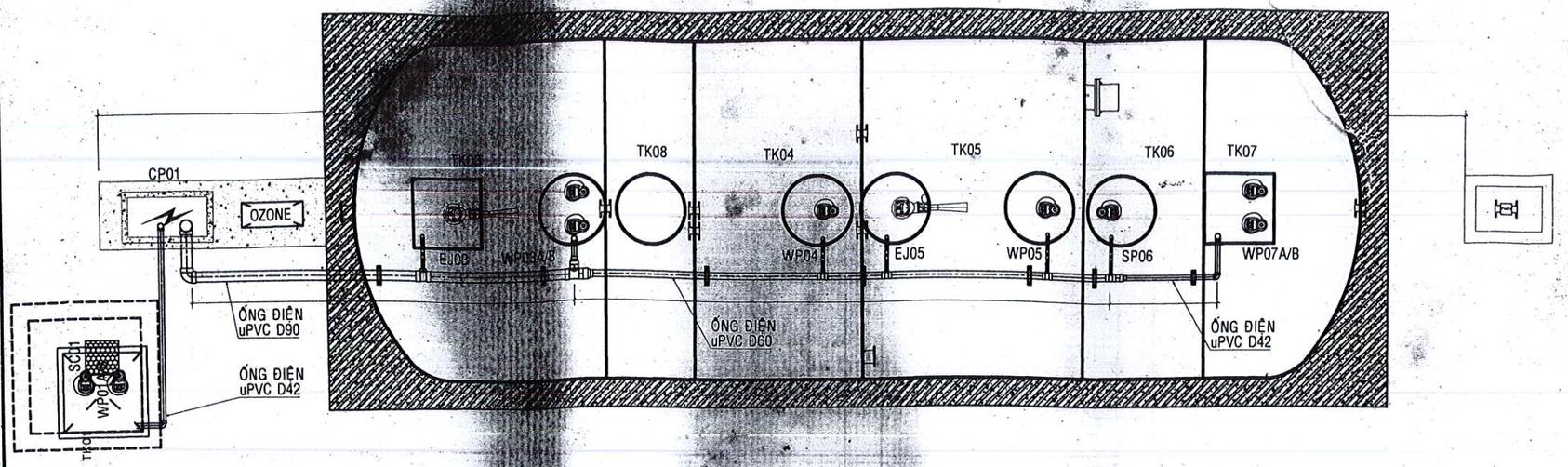
TEL:(84)8 62945723 FAX:(84)8 62944868

CHỈ HUY TRƯỞNG: HỒ DUY NHÂN	
KIỂM TRA: PHẠM NGỌC THỊNH	
NGƯỜI VẼ: BÙI HỮU VINH	

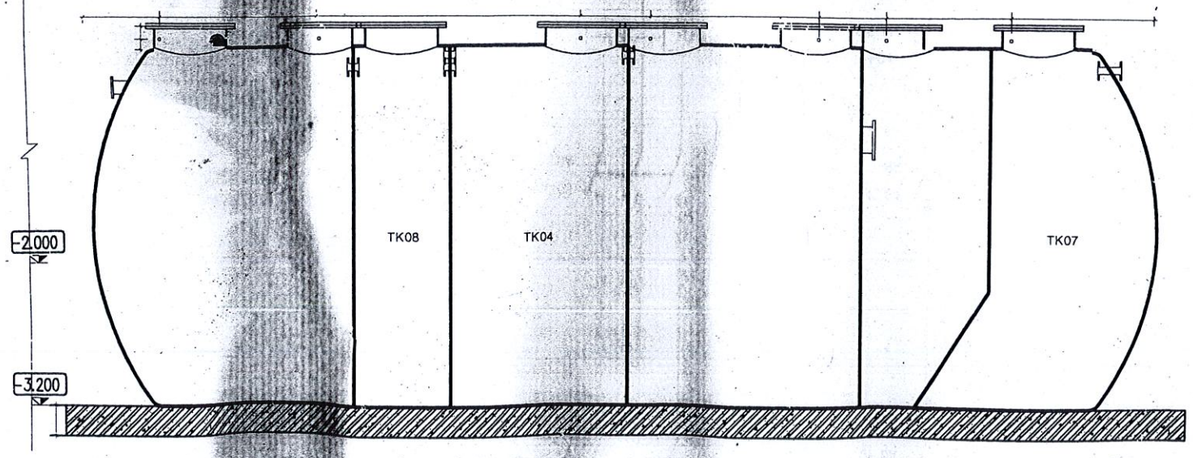
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

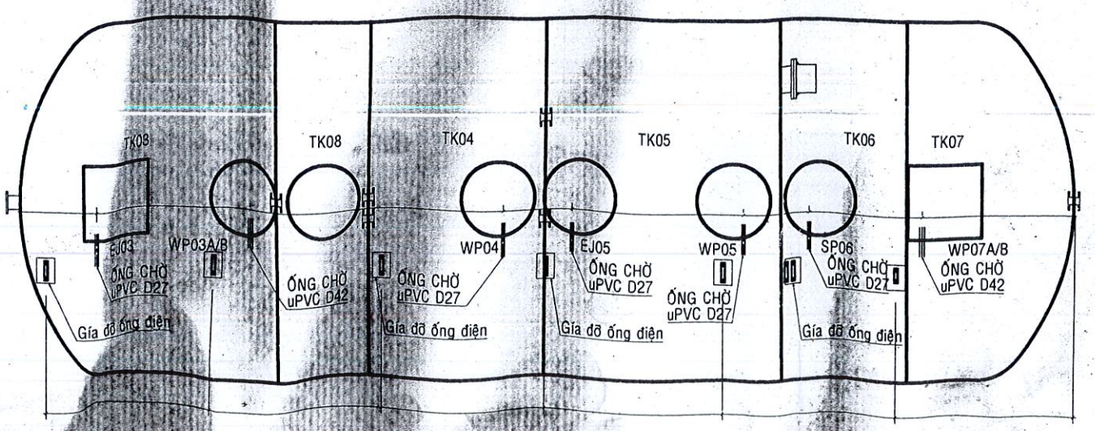
HẠNG MỤC :	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ :	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
SỐ HIỆU BẢN VẼ :	SHOPHOUSE_VCRG_ME-01
NGÀY LẬP BVHC :	02 / 2018
TỈ LỆ :	A3
CHỈNH SỬA :	

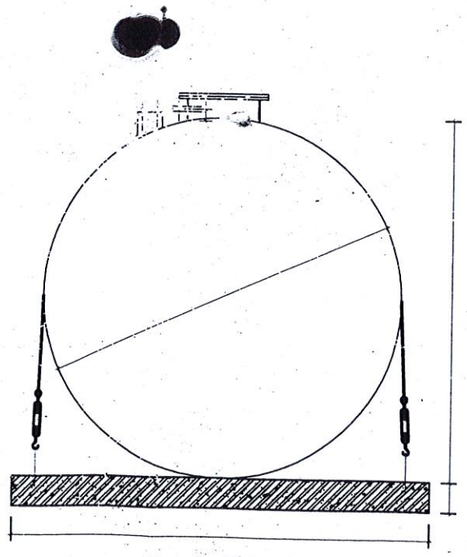
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG LUỒN CÁP ĐIỆN



CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐẶT ỐNG CHỜ







MẶT CẮT B-B

CÔNG TRÌNH:

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VINCOM RẠCH GIÁ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :
PHƯỜNG VĨNH BẢO, TP. RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG VINCOM

ĐC: SỐ 7 - ĐƯỜNG BẰNG LĂNG 1 - KĐT VINHOMES RIVERSIED -P. VIỆT HƯNG - Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI

BQLXD VINCOM RẠCH GIÁ:

TƯ VẤN GIÁM SÁT:

NHÀ THẦU THI CÔNG :
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

D:\BJ_WORKING\logo moi.png

ĐC:135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH, P.22, Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
TEL:(34) 8 62945723 FAX:(84) 8 62944866

CHỈ HUY TRƯỞNG: HỒ DUY NHÂN	
KIỂM TRA: TRẦN VĂN THANH	
NGƯỜI VẼ: ĐỖ THANH QUANG	

BẢN VẼ SHOPDRAWING

HẠNG MỤC :	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ :	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN
CHỈNH SỬA :	
NGÀY LẬP BV:	...../ 01 / 2018
TỈ LỆ :	
SỐ HIỆU BẢN VẼ :	SHOPHOUSE_VCRG_E-08

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.337/KQ-EUC *Ngày 19 tháng 04 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2303.263NT-01	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2303.263NT-02	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm TTTM		

4. Ngày lấy mẫu: 03/04/2023 Ngày nhận mẫu: 04/04/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2303.263 NT-01	2303.263 NT-02	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492: 2011	6,1	6,61	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	241	101	**500**
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	156	46	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	396	23	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	144,9	14,3	**5**
6.	NO_3^- - N(1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,164	0,269	**30**
7.	PO_4^{3-} - P(1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	0,305	4,72	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	14,6	6,3	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	6.300	2.800	**3.000**
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	0,234	0,112	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,87	0,43	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N:3702257636-C.T.T.N.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP.THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIỀN THUẬN**

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.498/KQ-EUC *Ngày 26 tháng 05 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2305.076NT-01	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2305.076NT-02	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm TTTM		

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023 Ngày nhận mẫu: 19/05/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2305.076 NT-01	2305.076 NT-02	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492: 2011	6,24	7,01	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	543	304	**500**
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	65	25	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	203	12	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	61	11,2	**5**
6.	NO_3^- - N(1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,174	9,4	**30**
7.	PO_4^{3-} - P(1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	5,62	5,18	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	6,3	2,8	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	14.000	2.800	**3.000**
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	0,320	0,237	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,461	0,308	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIẾN THUẬN**

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.975KQ-EUC *Ngày 14 tháng 08 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2308.012NT-01	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2308.012NT-02	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm TTTM		

4. Ngày lấy mẫu: 03/08/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2308.012 NT-01	2308.012 NT-02	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492: 2011	6,29	6,74	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	534	407	**500**
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	77	31	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	330	26	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	59,5	15,5	**5**
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,173	0,255	**30**
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	5,18	5,09	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	15,3	7,7	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	140.000	230	**3.000**
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	0,965	0,835	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	3,5	2,2	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3702257636-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIỀN THUẬN**

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.1368/KQ-EUC *Ngày 25 tháng 10 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2310.009-3/HT-EUC)

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Thời gian thử nghiệm: 17/10/2023-24/10/2023
4. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2310.031NT-01	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2310.031NT-02	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm TTTM		

5. Ngày lấy mẫu: 16/10/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2310.031 NT-01	2310.031 NT-02	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	6,34	6,94	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	537	116	**500**
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	75	4	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	361	3	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	66,5	KPH (MDL=1)	**5**
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,19	0,515	**30**
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	6,84	0,059	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	15,2	KPH (MDL=0,3)	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	34.000	KPH (MDL=3)	**3.000**
10.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	1,73	KPH (MDL=0,0,16)	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	3,25	KPH (MDL=0,03)	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3702257636-C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH E.U.C TP.THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

VIMCERT 261
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.435/KQ-EUC *Ngày 20 tháng 04 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Ngày lấy mẫu: 09/04/2024
4. Thời gian thử nghiệm: 09/04/2024 – 19/04/2024
5. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2403.295NT -01	Nước thải trước xử lý trạm TTTM	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2403.295NT -02	Nước thải sau xử lý trạm TTTM		

6. Phương pháp, kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
				2403.295 NT -01	**2403.295 NT -02**	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	6,65	6,76	***5 – 9***
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	507	284	***500***
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	45	11	***50***
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	143	16	***30***
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	30,1	**8,26**	***5***
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	KPH	KPH	***30***
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	4,73	1,21	***6***
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	14,2	1,8	***10***
9.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	17.000	790	***3.000***
10.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	4,72	0,237	***1***
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	11	0,491	***5***

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH E.U.C

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.936/KQ-EUC

Ngày 02 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2406.173/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 21/06/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 21/06/2024 – 01/07/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2406.242NT -01	Nước thải trước xử lý trạm TTTM
2406.242NT -02	Nước thải sau xử lý trạm TTTM

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2406.242 NT -01	2406.242 NT -02	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	6,72	6,91	*5 – 9*
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	640	211	*500*
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	76	KPH	*50*
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	277	3	*30*
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	39,2	KPH	*5*
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	0,161	0,536	*30*
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	4,89	0,055	*6*
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	*0,016*	0,043	KPH	*1*
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	18,2	KPH	*10*
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*3,0*	34.000	240	*3.000*
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	0,526	KPH	*5*

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

M.S.D.N:3702257636-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

VIMCERT 261
ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.1527/KQ-EUC *Ngày 19 tháng 09 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.046/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 09/09/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 09/09/2024 – 18/09/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2409.053NT -01	Nước thải trước xử lý trạm trung tâm thương mại
2409.053NT -02	Nước thải sau xử lý trạm trung tâm thương mại

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2409.053 NT -01	2409.053 NT -02	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	6,49	6,58	***5 – 9***
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	596	374	***500***
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	174	15	***50***
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	895	14	***30***
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	60	3,92	***5***
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	0,08	2,53	***30***
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	11	3,06	***6***
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	*0,016*	8,43	0,201	***1***
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	17,7	KPH	***10***
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*1,8*	32.000	43	***3.000***
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	4,67	0,26	***5***

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

M.S.D.N:3702257636-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH E.U.C
TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | IAC-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.1824/KQ-EUC

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2410.029/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 08/10/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 08/10/2024 – 17/10/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2410.046NT -01	Nước thải trước xử lý trạm trung tâm thương mại
2410.046NT -02	Nước thải sau xử lý trạm trung tâm thương mại

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2410.046 NT -01	2410.046 NT -02	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	6,57	6,97	***5 – 9***
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	653	243	***500***
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	96	21	***50***
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	340	13	***30***
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	43,4	**40,3**	***5***
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	KPH	0,146	***30***
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	4,28	3,91	***6***
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	*0,016*	0,611	0,158	***1***
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	14,5	KPH	***10***
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*3*	15.000	920	***3.000***
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	0,57	0,252	***5***

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

M.S.D.N:3702257636-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.337 /KQ-EUC *Ngày 19 tháng 04 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**

   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Gía, Kiên Giang.
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2303.263NT -03	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2303.263NT -04	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse		

4. Ngày lấy mẫu: 03/04/2023 Ngày nhận mẫu: 04/04/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2303.263 NT-03	2303.263 NT-04	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492 – 2011	7,08	7,23	5 – 9
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	97	83	500
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	28	24	50
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	37	8	30
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	KPH (<MDL=1)	KPH (<MDL=1)	5
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,029	0,532	30
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,2	KPH (<MDL=0,03)	6
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	14,5	6,2	10
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	5.400	1.700	3.000
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (<MDL=0,016)	KPH (<MDL=0,016)	1
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (<MDL=0,03)	KPH (<MDL=0,03)	5

Ghi chú: *- (1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIẾN THUẬN**

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.498 /KQ-EUC *Ngày 26 tháng 05 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Gía, Kiên Giang.
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2305.076 NT-03	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2305.076 NT-04	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse		

4. Ngày lấy mẫu: 18/05/2023 Ngày nhận mẫu: 19/05/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2305.076 NT-03	2305.076 NT-04	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492 – 2011	6,42	6,82	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	402	327	**500**
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	14	13	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	7	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	**5**
6.	NO_3^- - N(1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,335	0,274	**30**
7.	PO_4^{3-} - P(1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	2.100	1.700	**3.000**
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (MDL=0,016)	KPH (MDL=0,016)	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**5**

Ghi chú: *- (1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIẾN THUẬN**

M.S.D.N: 3702257636-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP THỦ DẦU MỘT-T BÌNH DƯƠNG

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

VIMCERT 261 | IAC-MRA | AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

CÔNG TY TNHH E.U.C

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.975KQ-EUC *Ngày 14 tháng 08 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Gía, Kiên Giang.
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2308.012 NT-03	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2308.012 NT-04	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse		

4. Ngày lấy mẫu: 03/08/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2308.012 NT-03	2308.012 NT-04	
1.	pH(1)	--	TCVN 6492 – 2011	6,39	6,46	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	353	350	**500**
3.	TSS(1)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	4	4	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	3	2	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	**5**
6.	NO_3^- - N(1)	mg/L	US EPA Method 352-1	0,55	0,36	**30**
7.	PO_4^{3-} - P(1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	46	9	**3.000**
10.	S^{2-}(1)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (MDL=0,016)	KPH (MDL=0,016)	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3702257636-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.U.C TP.THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HIỀN THUẬN

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2023.1368/KQ-EUC

Ngày 25 tháng 10 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2310.009-3/HT-EUC)

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Gía, Kiên Giang.
2. Loại mẫu: Nước thải
   Thời gian thử nghiệm: 17/10/2023-24/10/2023
3. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quả mẫu	Tình trạng mẫu
2310.031 NT-03	Nước thải	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2310.031 NT-04	Nước thải	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse		

4. Ngày lấy mẫu: 16/10/2023
5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
				2310.031NT-03	2310.031NT-04	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492 – 2011	7,57	7,46	**5 – 9**
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	417	368	**500**
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	KPH (MDL=3)	KPH (MDL=3)	**50**
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	3	**30**
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	**5**
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	KPH (MDL=0,06)	KPH (MDL=0,06)	**30**
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	**6**
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	**10**
9.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	350	240	**3.000**
10.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (MDL=0,0,16)	KPH (MDL=0,0,16)	**1**
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	**5**

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng

Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.435/KQ-EUC *Ngày 20 tháng 04 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Gía, Kiên Giang.
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Ngày lấy mẫu: 09/04/2024
4. Thời gian thử nghiệm: 09/04/2024 – 19/04/2024
5. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Tình trạng mẫu
2403.295NT -03	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse	TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011	Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
2403.295NT -04	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse		

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
				2403.295 NT -03	**2403.295 NT -04**	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492 – 2011	6,78	6,68	***5 – 9***
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	491	363	***500***
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	KPH	KPH	***50***
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4	2	***30***
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	KPH	KPH	***5***
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	KPH	0,063	***30***
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	KPH	KPH	***6***
8.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH	KPH	***10***
9.	Coliform(1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	920	230	***3.000***
10.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	KPH	KPH	***1***
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH	KPH	***5***

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện; MDL: ngưỡng giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH E.U.C – M.S.D.N: 3702257636-C.T.N.H.H – TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN **NGUYỄN HIẾN THUẬN**

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 24.936/KQ-EUC

Ngày 02 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2406.173/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 09/04/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 09/04/2024 – 19/04/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2406.242NT -03	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse
2406.242NT -04	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2406.242 NT -03	2406.242 NT -04	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	7,34	7,41	*5 – 9*
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	364	348	*500*
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	11	KPH	*50*
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	15	2	*30*
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	KPH	KPH	*5*
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	0,079	0,084	*30*
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	KPH	KPH	*6*
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	*0,016*	KPH	KPH	*1*
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	KPH	KPH	*10*
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*3,0*	1.200	23	*3.000*
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	KPH	KPH	*5*

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHẠM THÁI SƠN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.1527/KQ-EUC

Ngày 19 tháng 09 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.046/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 09/09/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 09/09/2024 – 18/09/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2409.053NT -03	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse
2409.053NT -04	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2409.053 NT -03	2409.053 NT -04	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	6,70	6,62	*5 – 9*
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	370	186	*500*
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	KPH	KPH	*50*
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	14	6	*30*
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	KPH	KPH	*5*
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	0,205	0,207	*30*
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	KPH	0,07	*6*
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	*0,016*	KPH	KPH	*1*
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	KPH	KPH	*10*
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*1,8*	3.100	25	*3.000*
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	KPH	KPH	*5*

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702257836-C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH E.U.C - TP. THỦ DẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC

CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERT 261 | ilac-MRA | AOSC ISO/IEC 17025:2017-VLAT 1.0215 | QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Web:www.eucvina.com

Số: 2024.1824/KQ-EUC

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2410.029/HT-EUC

1. Tên khách hàng: **CHI NHÁNH TẠI TỈNH KIÊN GIANG - CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH VINCOM RETAIL (Vincom Plaza Rạch Giá, Kiên Giang)**
   Địa chỉ: Lô A12, Khu phố 1, Đường Cô Bắc, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
2. Loại mẫu: Nước thải
3. Tình trạng mẫu: Mẫu đã bảo quản tại hiện trường
4. Ngày lấy mẫu: 08/09/2024
5. Thời gian thử nghiệm: 08/09/2024 – 18/09/2024
6. Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018 TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011 TCVN 8880:2011
7. Mã số mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2410.046NT - 03	Nước thải trước xử lý trạm xử lý Shophouse
2410.046NT - 04	Nước thải sau xử lý trạm xử lý Shophouse

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		*QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)*
					2410.046 NT - 03	**2410.046 NT - 04**	
1.	pH(1) (2)	--	TCVN 6492: 2011	-	7,25	7,47	*5 – 9*
2.	TDS(1)	mg/L	HD-HI 99300	-	374	448	*500*
3.	TSS(1) (2)	mg/L	SMEWW 2540D: 2017	*3,0*	16	7	*50*
4.	BOD_5(1)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	*1,0*	20	8	*30*
5.	NH_4^+ - N(1)	mg/L	TCVN 5988: 1995	*1,0*	KPH	KPH	*5*
6.	NO_3^- - N (1)	mg/L	US EPA Method 352-1	*0,06*	0,201	0,184	*30*
7.	PO_4^{3-} - P (1)	mg/L	SMEWW 4500-P.E: 2017	*0,03*	KPH	KPH	*6*
8.	S^{2-}(1) (2)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017	*0,016*	KPH	KPH	*1*
9.	Dầu mỡ ĐTV(1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	*0,3*	KPH	KPH	*10*
10.	Coliform(1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	*3*	4.600	94	*3.000*
11.	Chất hoạt động bề mặt(1)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	*0,03*	KPH	KPH	*5*

Ghi chú:
- *(1): Thông số được Bộ tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2)Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017;*
- *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;*
- *KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;*
- *Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3702257636-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH E.U.C
TP. THỦ DẦU MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HIẾN THUẬN

Lưu ý: Không được sao trích một phần hay toàn bộ kết quả đo đạc, phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của EUC